

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 41 — 1-9-1960

1.— Những sai-lầm to tướng trong các sách Văn-học sử do Bộ Giáo-dục xuất-bản	Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Áo Môn (Macao) với những đứa con giang hồ	Hoàng Phương Hùng	10 — 16
3.— Cỏ hoang (văn chương ngoại quốc)	Vũ Minh Thiều	17 — 23
4.— Một chuyến tàu (thơ)	Hoa Tịnh Linh	24
5.— Cuối cùng (truyện ngắn)	Lâm Vị Thủy	25 — 28
6.— Sinh viên hải ngoại tại các đại học Anh	Dennis Signy	29 — 31
7.— Fleming, nhà cách mạng y khoa cận đại	Nguyễn Kim Đính	32 — 36
8.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	37 — 41
9.— Cuộc đời vua Ngọc Trai	Trọng Tấu	42 — 46
10.— Trả lời Ông Bửu Kế : Minh oan Hồng Bào	Nguyễn Quang	47 — 55

W179892
101

11.— Sao tím (thơ)	Đan Khanh	56
12.— Mưa đêm (truyện ngắn)	Phương Anh	57 — 62
13.— Văn sĩ thì sĩ tiền chiến	Nguyễn-Vỹ	63 — 67
14.— Những cuộc tình duyên say sưa : George Sand — Chopin	Tân Phong	68 — 74
15.— Vượt qua thác Niagara	Nguyễn Hữu Thứ	75 — 79
16.— Cô gái điên	Vi Huyền Đắc	80 — 84
17.— Minh ơi!	Diệu Huyền	85 — 92
18.— Những áng thơ hay	Nguyễn Thu Minh	93 — 97
19.— Những người đàn bà lừng danh	Tân Phong	98 — 105
20.— Giữa giòng (thơ)	Mộng Hoa Huyền	106
21.— Mưa gió sông Tương	Nguyễn Vỹ	107 — 112
22.— Kiên trinh (truyện dài)	Cô Vân Nga	113 — 115
23.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	116 — 130

✱ Ngoài những bài ký tên Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, Tân Phong, Bà Tèo, Tạp chí PHỔ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.)
✱ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG, và đừng viết tắt.
● Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Những sai-lầm

trong các sách

TRONG mấy số *Phổ-Thông* vừa rồi, chúng tôi đã đưa ra vài bài thơ và câu đối do một vài nhà văn-học sử và giáo-sư đã lầm lộn tên tác giả, mà vẫn cứ tiếp tục dạy cho học trò trong chương-trình các lớp Trung-học.

Trong một vài quyển văn-học-sử hiện đang được dùng làm sách giáo khoa, còn đầy rẫy những sai lầm quan-trọng, như quyển "*Việt-Nam Thi-văn hợp tuyển*" của Dương-quảng-Hàm, « hiệu đính theo chương-trình Trung-Học », do Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản năm 1958 mà hiện chúng tôi đang có trước mắt.

Chúng ta hãy lật sách ra, nơi trang 162, đọc bài thơ : Ông *Tiền-sĩ giấy*, mà giáo-sư Dương-quảng-Hàm ghi là của NGUYỄN KHUYẾN. Bài thơ như sau đây :

*Khéo chú hoa-man (1) khéo vẽ trò
Bồn ông mà lại dư thừng cu,
Mây rầu vẽ mặt vàng trong nước ;
Giấy má nhà bay đáng mấy xu ?
Bán tiếng, mua danh, thầy lữ trẻ ;
Bằng vàng, bia đá, vẫn nghìn thu.
Hỡi ai muốn ước cho con cháu ?
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.*

(1) Chú hoa-man : người thợ mã

to - tương

Văn - học - sử

do Bộ Giáo-Dục xuất-bản

Chúng ta hết sức ngạc nhiên, trước hết bởi vì BAI THƠ NÀY KHÔNG PHẢI CỦA NGUYỄN KHUYẾN.

Trong quyển "*Quê sơn Thi tập*" của Nguyễn Khuyến, có bài thơ "*Ông Nghè thúng tám*" (tức là ông *Tiền-sĩ giấy của trẻ con chơi Tết Trung Thu*), nguyên-văn như sau đây :

*Cũng cò, cũng biển, cũng cần đai,
Cũng gọi ông Nghè có kém ai.
Mảnh giấy làm nền thân giáp bằng,
Nét son điểm rõ mặt văn - khôi.
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ,
Cái giá khoa danh ấy mới hời.
Ghế chèo lộng xanh ngồi bành chèo,
Nghĩ rằng đồ thực, hóa đồ chơi.*

Chúng ta cảm thấy rõ ràng giọng thơ trào lộng, mỉa mai nhưng vẫn thanh-nhã, và nghệ-thuật cấu-tạo bài thơ vừa chặt chẽ, vừa nhẹ nhàng thanh thoát của Cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ.

Đây là bài thơ mà chúng ta được thấy đúng nguyên văn trong tập "*Tam-Nguyên Yên-Đỗ*", do cụ Tú-tài HOÀNG-Ý-VIÊN sao lục ngay nơi nguyên-tác quyển "*Quê-sơn Thi-tập*", và cụ ĐẠM-NGUYỄN, cháu ruột gọi cụ Yên-Đỗ là Tổ-phụ, bổ-túc thêm tài liệu và hình-ảnh.

Cụ Nguyễn-Khuyến làm bài thơ về ông *Tiền-sĩ giấy* rất hay như thế kia, mà trong quyển *Việt-Nam Thi-văn hợp tuyển*, do Bộ Quốc-

Do Võ Phi Hùng Cui HS. Penha Ké (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

gia Giáo-dục xuất bản, lại gán cho cụ một bài thơ khác, của một

kẻ thợ thơ nào đó rất vụng về, non nớt.
Một thi hào sành Thơ Đường-luật như cụ Yên-Đỗ không bao giờ lại làm những câu thơ :

Mây râu về mặt vang trong nước

Giấy má nhà bay đáng mấy xu,

mà « nhà bay » đối với về mặt, mấy xu đối với trong nước ! Và hai câu dưới : *Bán tiếng mua danh đối với bằng vàng bia đá !* Cụ Yên-Đỗ cũng không bao giờ có giọng phách lối ngạo nghễ :

Hỡi ai muốn ước cho con cháu,

Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu ?

Đọc bài thơ này, dù người ít làm thơ cũng đã thấy được ngay là bài thơ rất vụng về kém cỏi. Thơ của một người thợ mã chẳng ! Của một « Tiên sĩ » nhầy dù nào đó chẳng ?

Một ông bạn độc-giả vừa cho chúng tôi hay rằng bài « *Tiên-sĩ giáy* » trong sách của Dương-quảng-Hàm và ghi tác giả là Nguyễn-Khuyến, lại được lấy cho làm đề thi Trung-học Đệ Nhất Cấp vừa rồi. Chúng tôi tiếc không có thì giờ coi các đề thi, nhưng nếu đúng như thế, thì chán thật !

Bài thơ « *Cảnh già* », cũng trang 162, *Việt-Nam Thi-văn Hợp tuyển*, có nhiều câu không đúng với nguyên văn của Nguyễn-Khuyến. Chúng ta so sánh hai bài như sau đây thì thấy rõ giá-trị của bản chính khác với bản sao của Dương-quảng-Hàm như thế nào.

Bản chính của Nguyễn-Khuyến :

THÂN LÃO

*Nghĩ xưa còn bé hỡi thơ ngây
Mà cái già đâu đã đến ngay !
Mái tóc chòm xanh, chòm lốm đốm
Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung-lay.*

*Nhập nhèm bốn mắt ganh mờ tỏ,
Ngắt ngưng ba chân dờ tỉnh say.
Lại một nỗi này thêm ngán ngắt,
Đi đâu lừng lảng cõi cùng chày.*

Bản sao của Dương-quảng-Hàm :

CẢNH GIÀ

*Nhớ từ năm trước hỡi thơ ngây,
Phút chốc mà già đã đến ngay.
Mái tóc chòm đen chòm lốm đốm
Hàm răng chiếc rụng chiếc lung-lay.*

*Nhập nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ
Khấp khểnh ba chân dờ tỉnh say
Ông ngẫm mình ông thêm ngán nỗi :
Đi đâu giờ những cõi cùng chày.*

Quý bạn xem : Cụ Tam Nguyên Yên-Đỗ có bao giờ kém lẽ độ đến đời làm thơ tự thuật mà xưng « ông » với thiên hạ ?

Trong quyển « *Quốc văn trích diễm* » cũng sách Giáo Khoa Trung học, của Dương-quảng-Hàm, xuất bản năm 1952 tại Sài-gòn, nơi trang 46, trích thơ của Nguyễn Khuyến, có bài thơ tứ tuyệt sau đây :

ÔNG PHỄNH ĐÁ

Ông đứng làm chi đấy hỡi ông ?

Tro tro như đá vững như đồng.

Đêm ngày coi sóc cho ai đó,

Non nước vui đầy có biết không ?

Nhưng trong Quế sơn Thi-tập của cụ Nguyễn Khuyến không có bài thơ tứ tuyệt kia, chỉ có nguyên văn « *Bài hát ông Phễnh đá* » là bài ca trù sau đây : (1)

MƯỚI

Quê đâu, tên họ là gì ?

Hỏi ra chích chích, chi chi, nực cười.

Vất tay ngành mặt lên giờ,

Còn toan lo tính sự đời chi đây ?

NÓI :

Thấy Lão-đá lạ lùng, muốn hỏi

Có làm sao lên lời đến chùng đây ?

Hay tưởng trông cây cỏ nước non này,

Toan kết giải đan tay vào hội lạc.

Thanh san tự tiện đầu tương hạc ;

Thương hải thủy tri ngã diệp âu,

Thế thời đừng nghĩ chuyện đầu đầu,

Túi vũ trụ, mặc đàn sau gánh óc.

Duyên hội ngộ là duyên tuổi tác

Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác.

Cuộc lính say, say lính một vại cẩu,

Nên chăng đá cũng gặt đầu ?

Một bài ca trù của cụ Yên-Đỗ chứa đựng bao nhiêu ý-tứ thâm trầm, tế-nhị, mà ông Dương-quảng-Hàm lại đem gán vào cho cụ 4 câu thơ ấu-trì như trên kia, thật là một tai họa không phải bé nhỏ trong Văn-học-sử Việt Nam.

Ấy thế mà ngày nay chương trình Việt văn ở các cấp bậc Trung học đều dạy theo các sách « Văn học » kia, và một số giáo sư viết các sách « luận đề » về Nguyễn Khuyến cũng « tra cứu » theo các tài liệu đó mà tiếp tục phổ biến cả một mớ văn chương sai lầm cho học sinh ! Bộ Quốc-gia Giáo-dục nghĩ sao ?

KỶ SAU : Không phải thơ của Hồ-xuân-Hương, Tự Đức, Bà Huyện Thanh-Quan...

(1) Tài liệu « Tam Nguyên Yên Đổ » của Đạm Nguyên và Hoàng ý Viên.



ÁO - MÔN (M A C A O)

XANH BỎ TÍM VÀNG
với những đứa con
giang-hồ phiêu bạt

**PHÓNG
SỰ
DU
KÝ**

*
**của
HOÀNG
PHƯƠNG
HÙNG**

ÁO - MÔN !

Thưa bạn, chắc một lần bạn đã nghe qua cái tên ấy chứ ?

Nhưng nghe đến Áo-môn mà không tìm hiểu tường tận về Áo-Môn thì là một sự thiếu sót. Nó là một hải cảng lạ lùng nhất ở Á-đông !

Cái bán đảo nối liền với Trung-Hoa lục-địa, thuộc địa của Bồ-đào-Nha (Portugal) và nằm song song với Hồng-Kông kia, chắc chứa bao nhiêu là bí ẩn !

Người ta đã nói rằng : Áo-Môn là đô thị buôn lậu, ăn chơi và trác táng.

Điều đó không ai chối cãi. Vì thế mà chúng ta mới tìm hiểu nó.

● Một đô thị buôn lậu

Nói đến Áo-môn thì phải nói đến buôn lậu trước hết. Buôn lậu hầu như là một « kỹ-nghệ » ở đây.

Đặt chân lên thành phố, thoát nhìn bạn thấy những lâu đài cổ kính từ thế kỷ XV. Các bạn sẽ tự hỏi: có vẻ gì để chứng tỏ rằng Áo-môn là giang san của các tay buôn lậu quốc tế ? Nhưng rồi các bạn sẽ hiểu !

Những lâu đài cổ kính kia là những « đại bản doanh » của các tay tứ chiến giang hồ đấy

ÁO MÔN

bạn ạ. Họ buôn lậu thuốc phiện, vàng, đồng đô-la giả, v.v...

Ở Áo-môn tập trung đủ các thứ thuốc phiện từ khắp nơi như Ba-Tu, Ấn-Độ, Vân-Nam... Từ các nơi Phi-luật-Tân, Hồng-Kông, Nhật-Bản chở tới rồi chở đi khắp trên mặt địa cầu ! Thuốc phiện đối với Áo-môn như một món bánh tằm thường. Người ta hút một cách sản-khoái và công khai, không vất vả như ở các nước khác mà thuốc phiện bị « cấm » nghĩa là được bán chợ đen !

Những hạng ghien của Áo-môn, hầu hết là trong số những người có mặt ở đô thị. Từ ông triệu phú, ả giang hồ, đến các phu khuân vác. Cả người ngoại-quốc ở đây cũng ghien.

Mỗi người có một cách tìm ra thuốc phiện để hút. Các tay triệu phú dư bạc dư tiền thì hút ở đâu mà chẳng được.

Các ả giang hồ thì đổi một nụ cười là có thuốc phiện hút đến sáng đêm.

Đến những anh phu khuân vác, thì chỉ việc đi cà-rà đến mấy sòng bạc, nói mát lòng một ông vừa đẩy hầu bao là hút chán chè rồi.

● Lò sản xuất đồng đô-la giả

Áo-Môn lại nắm quyền sản-xuất đô-la giả !

Tất cả những nơi như Nhật, Hồng-Kông, Xiêm, Mỹ, v. v... đều nhận một phần lớn đô-la giả do Áo-Môn tung ra.

Ở Áo-Môn, những tay chúa trùm buôn lậu có đủ mảnh khoé cũng như phương tiện để làm. Một tổ chức làm đô-la giả họ có cả một hệ thống máy móc in đồ sộ.

Những nhà đúc bản kẽm không thua gì ở Mỹ. Có thể nói rằng họ làm gần như công khai.

Những tay buôn lậu, cướp bóc, được chính phủ Áo-môn dung dưỡng triệt để.

Khi có một tướng cướp nào ở nước khác bôn tẩu sang Áo-môn, chính phủ của họ có yêu cầu trục xuất, Chính phủ Áo-môn cũng mặc nhiên.

Với họ, những kẻ bắt lương đó là một nguồn lợi lớn lao. Vì những tay ngang dọc ấy họ sống trên đồng tiền và coi đồng tiền như cỏ rác. Có thể một đêm họ trút vào sòng bạc ngót một hai túi bạc toàn giấy năm trăm.

ÁO MÔN

Nếu chính quyền Áo-Môn không để bọn người đó sống trên đất nước họ thì họ phải mất đi những « thân chủ » béo bở.

● Về một đô thị trác táng

Bên cạnh cái buôn lậu đó, Áo-Môn dĩ-nhiên là nơi trác táng vào bậc nhất thế giới.

Đêm ở Áo-môn mới thật là tung bừng. Đèn màu muôn sắc. Các hộp đêm ngập trong tiếng nhạc bập bùng.

Gái ăn sương ở Áo-môn đủ các màu da. Họ từ bốn phương trời tựu lại.

Với Áo-môn phụ nữ được trọng dụng nhất. Cái gì cũng phụ nữ. Từ cô bồi bàn, vũ nữ, đến nghề tài-xế ta-xi.

Phụ nữ sống với hộp đêm đông vô số kể. Một hộp đêm có khi đến cả trăm vũ nữ.

Ở đây việc vũ nữ rước khách là một việc công khai. Trong mỗi hộp đêm họ có sẵn những phòng riêng để bạn dùng gót chân phiêu lãng trong một đêm với người đẹp.

Và một món không thể thiếu được với Áo-môn là đánh bạc.

Những sòng bạc mở công khai suốt ngày đêm. Hệ thống tổ chức của họ thật là chu đáo.

Những tòa nhà cao rộng và trước mặt bạn có những người ra vô như một công sở, đó là sòng bạc.

Bạn có tiền, thì cứ mạnh dạn mà vô. Không phân biệt trai, gái, trẻ, già. Bạn luôn luôn được đón tiếp niềm nở.

Giữa mấy gian phòng rộng trước mặt bạn đủ thứ, bạn muốn chơi thứ nào tùy thích.

Có thể trong vài giờ sau đó bỗng dưng bạn trở thành một tay triệu phú. Nhưng cũng có thể vài giây sau đó, bạn là kẻ trống túi, không còn một ten ăn bánh mì nguội.

Nhưng hết tiền ở cái đất Áo-Môn không phải là điều lo ngại. Nếu giỏi chạy chọt một lát sau bạn có lại ngay.

Đặc biệt một cái ở Áo-Môn là không có ăn trộm vặt. Tuy nhiên không. Chỉ có ăn cướp.

Ăn cướp chuyên bắt cóc những tay tỷ phú ngoại quốc đến đó bác.

Nhưng bạn đừng ngại, vì họ biết rõ bạn là người ít tiền, cho dù bạn mới vừa chộp vốn to

ÁO MÔN

trong sòng ra, họ vẫn không cướp của bạn. Vì họ cho rằng đồng tiền đó là tiền của Áo-môn, dù có lấy rồi cũng tiêu ra cho Áo-Môn.

Những đêm vui trong sòng bạc đó, đừng tưởng rằng bạn không được hưởng những thú vui khác.

Chủ sòng người ta có đủ những cái cần để cung cấp cho bạn, nếu bạn muốn.

Trong mỗi sòng bạc có đến hàng trăm những « vệ nữ ».

Những giờ vui trong sòng bạc bạn khỏi bận tâm tới vấn đề tiền bạc. Vì người chủ họ đã bao cho bạn hết rồi.

Những « nữ thần khoái lạc » sẽ cung hiến cho bạn những giờ phút tuyệt vời cho đến khi nào bạn chán.

Khi đã tàn một đêm vui đó rồi bạn ra về, và cứ mặc nhiên mà sống, không cần bận tâm đến vấn đề pháp luật phiền phức. Dù là người ở lậu cũng không phải sợ bị xét bắt. Vì với Áo-Môn những khách lạ đến với họ như cơm bữa.

Những khách sạn ở đây có cái không cần ghi tên, họ lý-

lịch của khách. Bởi vậy khi muốn tìm một người ở quen, ở khách sạn, là một việc phiền phức vô cùng.

Những khách sạn rẻ tiền, phần nhiều chứa chấp toàn bọn người phiêu bạt của bốn phương.

Họ dừng chân lại Áo-môn để mà hoang phí, trác táng chơi bời. Đối với họ những ngày ở Áo-môn không nên nhớ đến một cái gì phiền muộn.

● Những đứa con hoang và những mối tình không thành

Cái ăn chơi cuồng loạn của Áo-môn đem đến kết quả chán chường. Người ta đã kết luận Áo-môn bằng một câu : Tiền, đàn bà, những đứa con hoang, và tự tử !

Thành phố Áo-môn là thành phố tập trung những đứa con hoang. Những đứa con không bao giờ biết cha biết mẹ. Và mẹ cha của chúng cũng không bao giờ biết được đứa nào là con mình.

Đó là kết quả của những mối tình loạn cuồng. Người ta lấy nhau trong khoảnh khắc, và để kết quả là một đứa con. Và dĩ-

nhiên là mẹ nó không bao giờ nuôi nó. Người ta còn phải lo cho bản thân người ta. Và giọt máu rơi thành như vô nghĩa.

Thét rồi những đứa trẻ hoang lên quá nhiều, gây lo ngại cho mọi người.

Người mới nghĩ một cách làm sao trừ có con.

Có con đối với phụ nữ Áo-Môn là một cực hình. Và họ nghĩ ngay đến việc phá thai.

Phá thai với họ không bị tội gì hết mà trái lại là một việc được khuyến khích cho làm.

Thậm chí đã có những ông thầy chuyên môn phá tan những giọt máu thừa ấy.

Hằng ngày có hằng mấy chục phụ nữ ôm bụng đến cho các lão thầy « giải quyết » hộ.

Về sau này công việc trừ sinh đẻ càng tiến nhiều. Người ta phát minh ra một loại thuốc đặc biệt uống vào mỗi đêm là không thể thụ thai được.

Hằng ngàn người dùng, và kết quả mỹ mãn.

Những thanh niên nam nữ yêu nhau, nhưng sợ phiền phức họ cũng dùng thứ này. Và do đó, sự hư hỏng của đám thanh niên lên đến cùng độ.

Họ lao đầu vào các cuộc trác táng. Bởi vậy có những mối tình không thành rồi đưa đến cái kết quả buồn đau là tự tử.

Nếp sống họ quá loạn, nên tới mức chót không tìm được lối thoát là chết.

Họ tìm cái chết nhiều đến nỗi mà người ta phải la lên: Áo-môn biến thành hồ chôn những thiên bi tình sử mắt rời l...

Có một chiều nào dừng chân trên cầu ven biển Áo-Môn. Bạn nhìn thấy đôi trai gái đứng sát vào nhau, chốc đó rồi nàng nhảy ùm xuống mất dạng. Bạn dừng ngạc nhiên. Thế là chấm dứt một mối tình thác loạn.

Rồi đêm đêm ở rải rác trên các đại-lộ, những cặp nhân tình đi sóng đôi nhau âu yếm, bạn cứ tin tưởng rằng, rồi họ sẽ cần tới giòng nước, hoặc thuốc ngủ.

Một chuyện lạ nữa mà bạn cần phải để ý.

Khi bạn cần tìm một người vợ cho một đêm cô độc, bạn phải để ý. Xem cô ta có mang sẵn thuốc độc tự tử không.

Nhiều khi đang ngủ với bạn, nửa đêm cô ả phát lặn dùng ra chết. Sáng lại bạn bị giam về tội

bị tình nghi giết cô ta.

Đó là cô ả buồn về một chuyện gì đi tìm cái chết. Dù bạn có kêu oan thế nào thì với sự kiện hiển nhiên, bạn cũng tạm nằm khám một vài ngày.

Nhưng bạn đừng lấy làm ngại lắm, chuyện ở tù với dân Áo-môn như là trò đùa. Phiền có cái là mất thì giờ của bạn thôi.

Làm việc người ta không cần thành tích của bạn, miễn là bạn làm được việc ấy.

Bằng chứng cụ thể là có một tay tỷ phú ngày nay, trước kia hẳn chuyên lường gạt cướp bóc.

Bây giờ ai cũng xem hấn là người đứng đắn trong giới thượng lưu.

● Nhà nuôi gái

Đến Áo-môn mà bạn không hiểu về gái ở đây thì thật là một điều thiếu sót.

Nội trong thị trấn Áo-môn có hơn hằng vạn những cô gái làm vợ muôn người.

Nhà nuôi gái thì vô số. Mà nhà nào cũng cố tìm ra cái đặc biệt để dành mỗi lợi về cho mình.

Như có một nhà ở gần rạp chớp bóng Apollo một hôm đã ngậm tưng ra trong giới « Buróm ong » một tuy-dô hấp dẫn : « Một tiểu thư con nhà vọng tộc ở Hương-Cảng mới sang, đặc biệt ra mắt ngày chúa nhật!... »

Thôi thì mặc sức cho người ta kéo tới. Mà thật, cô ả đẹp hết cách chê. Một dịp cho chủ chứa hốt bạc.

Thấy vậy các chủ khác cạnh tranh bằng cách đi tìm mỗi lạ về câu khách. Hễ nghe ở đâu « ngon lành » là người ta tuôn tới.

Ở Áo-Môn loại gái ăn sương sống rất sung sướng.

Họ đi làm việc như một tư chức. Có lương bổng hẳn hoi, lại thêm tiền khách cho.

Các nhà chứa họ lo đủ giấy tờ cho « gái » của mình. Vì vậy, bọn gái được bảo đảm an-ninh.

Còn về việc gia nhập thì cũng không phải thấy vậy mà dễ.

Nghĩa là muốn vô làm một gái điếm chánh tông phải qua lần lựa chọn. Thường thì mỗi cô gái của các nhà chứa lớn đều phải biết vài ba thứ tiếng ngoại quốc.

Một khi có một mỹ nhân đủ

điều kiện vào « nghề » thì cũng được chủ chứa chuộc bằng một món tiền lớn. Và cô gái phải ký hợp đồng làm việc cho họ.

Bạn viếng một lần và chắc phải ngạc nhiên. Vì các ăn sương ở đây họ đẹp lắm. Bạn có thể làm họ với những.. mình tinh mần ảnh, và nói thông thạo ba, bốn thứ tiếng ngoại quốc.



Đó, các bạn hiểu về Áo-Môn



★ **ĂN TRỘM NHÀ HỌA SĨ**

Nửa đêm, một ông Họa sĩ nghèo nghe có tiếng động trong nhà. Ông bật đèn, thấy một chú ăn trộm đang mở tủ. Họa sĩ cười bảo người ăn trộm :

— Anh kiếm tiền hả ? Ban ngày tôi kiếm cũng không ra tiền để xài, thì ban đêm làm gì có, anh kiếm cho mất công !

B. T.

★ **DANH NGÔN**

Không có người đàn bà nào mà không thích nghe người ta nói xấu kẻ thù của mình hơn là nói tốt cho bạn mình.

(Il n'y a pas une femme qui ne préfère entendre dire du mal de ses ennemies que du bien de ses amies)

Nữ-sĩ MARIE LAURE DE NOAILLES

chưa ? Áo-Môn đô thị của buôn lậu, chơi bời trác táng, hiện nay vẫn còn mang cái sắc thái ấy. Và người Bồ-Đào-Nha nắm trọn chủ quyền, họ mặc nhiên để Áo-Môn mãi mãi là đô thị ăn chơi.

Nói cho bạn hiểu hải - cảng Áo-Môn là như thế nào thôi, chứ thành thật không dám khuyên bạn, dù bạn có tiền, sang chơi nơi ấy !

CỎ HOANG

★ **MAXIME GORKI**
Bản dịch của **VŨ-MINH-THIỆU (1)**

Maxime Gorki sinh năm 1868 trong một gia đình thợ thuyền tại một tỉnh nhỏ, trên bờ sông Volga, tên thật là Alexis Pechkoff. Ông thân là một người có học, nhưng không có của, vốn làm nghề thợ vẽ. Mẹ là con một người thợ, sau khá giả. Hai vợ chồng sống về hy vọng, mơ mộng, ham muốn, sau thất bại : kỷ niệm thứ nhất của ông là bố chết về bệnh tả. Cách vài bước giường người chết, mẹ ông đẻ một đứa bé non tháng. Rồi bà xuống thuyền đi tìm gia đình ở hạ lưu con sông lớn và đứa bé chết gục đường được những bạn chài lưới thương tình cho một chiếc hòm gỗ để chôn cất.

Sau những buổi đau đầu thương, ông qua tuổi thơ ấu rất khổ sở, ở nhờ ông ngoại, một người khờ khạo, biền lận, tàn bạo, may có bà thương yêu săn sóc.

Lên 10 tuổi, ông ngoại đuổi ra làm ở ngoài, vì công việc trong xưởng thua lỗ. Ông lang thang từ tỉnh này sang tỉnh nọ, làm đủ mọi nghề : phu khoán vác ở Odessa, thợ bánh ở Kagan, công nhân hòa xa ở Tiflis. Vốn ham học, vở được sách gì, ông đọc sách nấy, nhất là các truyện Pháp của Balzac, Dumas Père, Ponson du Terrail.

(1) Vũ-Minh-Thiệu, nhà văn và nhà xuất bản ở Saigon, là em ruột nhà văn Vũ-Ngọc-Phan.

Năm 1892, ông đăng một truyện trung, MAKAR TCHOUDRA trong tờ báo LE CAUCASE. Sau đó, các kịch như LES BAS FONDS, 1902, và từ đó ông nổi tiếng.

Trong những tác phẩm chính của ông, phải kể : LA MÈRE, MA VIE D'ENFANT, EN GAGNANT MON PAIN, L'AFFAIRE ARTAMONOV, LA VIE DE KLIM SANGUINE.

Bình phẩm về ông, văn hào Nga Alexéi Tolstoï ví ông như là « chiếc cầu nối đi vắng với tương lai ».

Ông mất năm 68 tuổi (1936) sau khi suốt đời phấn đấu. Người ta ngờ rằng chính Staline đã cho lệnh hạ sát ông, vì trước kia, đã có những sự mâu thuẫn dữ dội giữa Gorki và Lénine. Ông viết công kịch chính thể Xô-Viết : « Lénine và môn đệ đã nhiệm cái « thuốc độc » chính quyền, như chúng ta đã thấy ở cái thái độ bi đỗi của họ đối với tự do ngôn luận, tự do cá nhân, cũng như với tất cả những nhân quyền căn bản của nền dân chủ ». Cái chết của Maxime Gorki là một cái án văn nghệ của đầu thế kỷ này.



CHUYỆN xảy ra năm 1892 vào hồi đói kém, Su-Khum và O-chem-chi-ry, trên bờ sông Cô-dô, cách biển không xa mấy...

Lúc đó về thu. Tôi ngồi trên một tảng đá, dưới bóng những cây dẻ, chấm bánh vào mặt ong đựng trong chiếc « ga men » vừa ăn vừa ngắm những tia nắng nô đùa trên mặt đất.

... Những đầu người lướt qua bờ rào về phía bên trái : sóng biển vỗ và nước sông chảy làm át tiếng họ nói. Đó là những dân đói, trước làm đường ở Su-Khum nay đi O-chem-chi-ry tìm việc.

Tôi biết họ : đó là những người quê ở O-ren ; chúng tôi cùng làm với nhau và cùng bị

đuôi bữa qua. Tôi đi trước họ, đi từ ban đêm, để sớm mai được ngắm vàng đồng mọc ngoài biển.

Bọn họ là bốn người nhà quê và một người đàn bà có mang. Nàng còn trẻ, gò má cao, bụng to và nhọn hoắt, cặp mắt xanh biếc lúc nào cũng mở to như sợ hãi. Qua bụi cây, tôi trông thấy nàng chòm chiếc khăn vuông màu vàng. Chồng nàng chết ở Su-Khum vì ăn nhiều hoa quả quá. Chúng tôi ở cùng một lều ; theo tục lệ Nga, họ nói chuyện oang oang, than phiền về số phận hẩm hiu của mình, tưởng như quanh một đám đường cũng nghe thấy.

Họ là những người buồn tẻ, sự khổ sở đè nén và lời cuốn xa

CỎ HOANG

xứ sở, không khác gì trận gió thu thổi rào rạt những lá khô, để ném vào một nơi phong cảnh quá rực rỡ làm họ chói lòa, ngỡ ngác và cuối cùng để công việc nặng nhọc làm ngã lòng nản trí. Ở đây, họ đưa cặp mắt cuồng loạn, buồn thảm, nhìn quanh, mỉm cười với nhau một cách nhạt nhẽo, có nói cũng như thì thầm :
— Chà !... đất với cát !
— Nó mọc tự nhiên.
— Phải... Nhưng chỉ toàn đá.
— Một thứ đất không tiện lợi, phải nhận thế...

Và họ tưởng nhớ đến làng xóm của mình mà một khoảnh đất nhỏ cũng có xương tàn của tổ tiên, mà mọi vật đối với họ đều thân mến và quen thuộc, cả những chi tiết cũng in sâu vào tâm trí vì mồ hôi của họ đã nhào trộn với đất cát này.

Tôi ăn sáng xong, lấy lá che chiếc « ga-men » đựng mật rồi yên lặng theo đoàn, chống chiếc gậy xuống đất rắn chắc.

Đi thật dễ chịu, tưởng như bơi lội trong không khí. Những tư tưởng tươi sáng, những kỷ niệm rực rỡ lướt quanh trong trí.

Con đường dần dần sát biển. Gió trên núi thổi thốc xuống. Trời có lẽ sắp mưa.

.. Một tiếng rên nhỏ trong bụi cây — tiếng rên của người bao giờ cũng làm đảo lộn tâm trí.

Tôi rẽ cành lá và trông thấy một thiếu phụ, ngồi phệt xuống đất, tựa lưng vào thân cây dẻ, người đàn bà đội khăn vuông màu vàng ; nàng ngã đầu lên vai, mồm mím chặt trông đáng sợ, mắt như điên cuồng. Nàng lấy tay ôm bụng và thở mạnh, rung chuyển cả bụng.

— Làm sao thế ? Nàng bị đánh à ? Tôi hỏi và cúi xuống. Nàng cự, hai chân đạp vào cát, lắc đầu nặng nề, bảo tôi, tiếng nói như rên :

— Đi đi !.. Đồ vô-liêm-sĩ !..
Bước đi !

Tôi hiểu có việc gì — tôi đã được mục kích việc này một lần. Hoàng sợ, cố nhiên tôi lùi lại. Nhưng nàng bắt đầu kêu gào, nước mắt ràn rụa giòng giòng trên mặt đỏ ửng vì quá gắng sức.

Tôi tiến lại gần, ném xuống đất túi dết, cái « ga-men » và chiếc ấm. Tôi đặt nàng nằm ngửa và định gập chân nàng lại ; nhưng nàng đẩy tôi, đạp cả vào ngực vào mặt ; rồi nàng xoay mình lại, tựa một con gấu cái, vừa kêu rên, vừa thúc chân vào bụi rậm :

— Quân cướp !... Đồ quý sống !...

Hai tay nàng rời ra, nàng ngã úp mặt xuống đất và lại bắt đầu kêu gào, chân co quắp.

Trong lúc nhiệt tình, tôi nhớ lại một cách nhanh chóng những công việc mình đã hiểu biết ; tôi xoay nàng nằm ngửa, gập chân nàng lại ; bọng nước đã nhỏ ra.

— Nằm yên, không bao lâu nữa...

Tôi chạy ra biển, vén áo rửa tay, rồi quay lại đỡ.

Nàng quần quai, tựa vào cây phong ném vào lửa. Tay nàng đập xuống đất, rút cổ khô nhét vào mồm, bôi đất nhỏ nhem cả mặt, mắt thì ngơ ngác đỏ ngầu như máu, trông khiếp quá không còn vẻ gì là con người nữa. Cái bọc rách và đầu đứa trẻ lòi ra. Tôi phải giữ chân mà nàng ruồi ra co vào luôn, đỡ đứa bé và ngăn không để nàng nhét cổ vào mồm...

— Cút đi, đồ vô liêm sỉ ..

Tôi cố giảng giải :

— Thôi cút lên !...

Một lúc sau, tôi ẵm trên tay một hài nhi đỏ hồng. Nó đỏ hồng và xem ra đã giậm đời : nó cựa, nó kêu gào, mặt đầu còn dính liền với mẹ ; nó bầy nhầy, tôi

chỉ sợ tuột tay đánh rơi. Tôi quỳ xuống, ngắm nó và cười to, sung sướng quên hẳn còn phải làm gì...

— Cắt đi !... người mẹ khế nói ; mắt lim-dim, bộ mặt nhọc, mặt trắng bệch như người chết ; cặp môi xanh xám khế động :

— Lấy dao cắt...

Dao của tôi bị mất cắp ở lều. Tôi liền cúi xuống lấy răng cắn rốn đứa bé. Nó khóc thét và mẹ nó mỉm cười : cặp mắt sâu và xanh biết tươi sáng hẳn lên. Với bàn tay chày nắn, nàng sờ soạng tìm túi áo ; nàng lấp bắp trong cặp môi rớm máu :

— Tôi không còn sức... Băng vải ở trong túi tôi... Phải buộc rốn nó lại...

Tôi cầm chiếc băng vải, kết lại. Nàng nở một nụ cười tươi đẹp quá, tôi choáng váng cả người.

— Nàng nằm nghỉ yên, để tôi tắm rửa cho nó ..

Nàng nói, lo-ngại :

— Phải cẩn-thận, phải cẩn-thận lắm !... Coi chừng !...

Cái mẫu người đỏ hồng và nhỏ bé này đâu phải thận-trọng đến thế ; nó nắm chặt tay, nó thét, tưởng như muốn khiêu chiến với mình :

— Oe-oe...

Lúc bọt bễ trắng xoá toé vào người, nó càng kêu to. Tôi vỗ vào lưng vào ngực thẳng bé : nó nhắm mắt lại, dấy dựa và kêu thét lên, trong khi đó những đợt sóng ròn-rập vỗ vào người chúng tôi.

Khi chúng tôi trở về, tôi thấy nàng nhắm mắt, cắn chặt môi, lại quần quai đau, cái đầu của người mới sinh để ; vậy mà qua những tiếng rên, tôi nghe thấy nàng nói, giọng yếu đuối :

— Đưa... đưa nó cho tôi...

— Để lát nữa.

— Không, đưa đây !

Tay nàng run rẩy, nàng cởi khuy áo. Tôi vội giúp nàng và đặt đứa bé bên cạnh. Nó hiểu phải làm gì và im ngay.

Suối nước réo chảy cách đây không xa, tưởng như có một thiếu nữ thì thầm kể những chuyện thân mật. Người mẹ vừa sinh đẻ, đầu đội khăn vuông vàng, ngồi tựa vào một thân cây, mặt trắng bệch, mắt quầng sạm, trông như hai hồ nước xanh. Nàng khế nói, giọng yếu đuối :

— Kia, hãy nhìn nó ngủ...

Thằng bé ngủ yên, nhưng chẳng bằng những đứa trẻ khác. Nếu có sự dị thường là do khung

cảnh : nó ngủ trên một đồng lá màu vàng rực rỡ, cạnh một bụi cây, có lẽ khắp tỉnh Ô-ren không có nơi nào như thế này.

— Chị nên nằm xuống mà nghỉ !...

— Không. Nàng nói và lắc đầu, tôi còn phải sửa soạn để đi...

— Đi O-chem-chi-ry ?

— Phải ! Bọn kia đã được một quãng đường dài...

— Nhưng chị không đi được!

— Đức Thánh Mẫu sẽ giúp tôi...

Nàng nhìn mặt hôn dỗi của con, rồi từ từ cúi xuống hôn vào ngực nó... Tôi dóm lửa, kê mấy viên đá để đặt ấm nước.

— Kiên tâm một chút, nước chè sắp sôi.

— Phải đấy, cho tôi uống nước... Cờ tôi ráo quá...

— Làm thế nào mà các bạn chị lại bỏ chị lại đây ?

— Họ không bỏ tôi. Đó là tôi ở lại sau. Họ uống rượu và còn gì nữa !... Thôi càng may : trước mặt họ, tôi biết làm thế nào...

Nàng liếc nhìn về phía tôi và gục đầu vào tay, rồi ngẩng lên mỉm cười ngược nghịu.

— Đó là đứa con đầu lòng của chị ?

— Phải, con đầu lòng của tôi... Còn anh thế nào ?

— Một người đàn ông ..
 — Tôi biết lắm, nhưng anh đã có vợ chưa ?
 — Chưa được cái hôn hạnh ấy...
 — Anh nói dối !
 — Tại sao ?
 Nàng cúi xuống, nghĩ một lúc :
 — Vậy tại sao anh thông-thạo việc này thế ?
 Tôi nói dối và trả lời :
 — Tôi học được. Tôi là sinh viên. Chị có biết sinh viên là gì không ?
 — Thế nào ? Con trai giáo trưởng chúng ta, người con cả, cũng là sinh viên : y cũng muốn kể-nghiệp bố...
 — Phải, cũng như tôi. Bây giờ tôi đi lấy nước nhé...
 Nàng cúi xuống con, nghe nó thờ. Rồi nàng nhìn ra phía biển.
 — Tôi cũng muốn tắm rửa, nhưng nước này tôi chưa dùng bao giờ. Một thứ nước quái gở, mặn và chua...
 — Tắm đi. Nước này rất tốt.
 — Thật không ?
 — Đúng thế. Lại nóng hơn nước suối : suối ở đây lạnh như nước đá.
 ... Tôi đứng dậy. Tôi ra rửa mặt và chân tay, đổ nước vào ấm,

rồi lại treo lên. Qua các cành cây, tôi trông thấy thiếu phụ quỳ gối, nhìn quanh, vẻ lo ngại.
 — Chị làm gì thế ?
 Nàng không nói được câu gì, mặt càng tái, cổ che đầy một vật gì. Tôi hiểu rõ cả.
 — Đưa đây tôi chôn cho...
 — Anh nói đùa, tôi sợ lắm. Nếu con vật nào ăn mất...
 Nhau để phải trả lại đất,
 Nàng đưa đùm nhau cho tôi, mặt quay đi, một gói nhỏ nặng và ướt, dịu dàng bảo tôi và hơi có vẻ bối rối :
 — Chôn cho sâu, hãy vì Thượng Đế !... Cho rõ sâu... Hãy nghĩ đến con tôi, cố làm cho nó...
 ... Khi tôi trở về, tôi trông thấy nàng ở bề lên, đi chuệnh choạng, một tay dơ ra đằng trước, váy ướt đến nửa người. mặt hồng hào. Trong khi tôi dắt nàng đến hồ lửa, tôi nghĩ lạ lùng :
 — Thật khoẻ như súc vật !
 Chúng tôi uống nước với mặt ong ; nàng khẽ hỏi tôi :
 — Anh không học nữa à ?
 — Không.
 — Tôi đánh cuộc anh đã bắt đầu uống rượu.
 — Phải, tôi uống như một lỗ hồng...
 Trong khi nàng thè lưỡi liếm

môi sưng phồng, cặp mắt xanh của nàng nhìn về phía bụi cây đưa trẻ đang yên giấc.
 — Đời nó sẽ ra sao ? Nàng nói và thờ dài. Rồi nhìn tôi, nàng nói tiếp : — Cảm ơn anh đã giúp tôi. Đó có phải là một hạnh-phúc cho con tôi không ? Thật, tôi không hiểu gì nữa...
 Sau khi ăn uống xong, nàng làm dấu và trong khi tôi xếp dọn, nàng ngủ gật, đầu ngả nghiêng, không rõ mơ ước gì. Rồi từ từ nàng đứng dậy :
 — Anh có muốn ta đi không ?
 — Hừ ! Coi chừng...
 — Không. Anh quên có Đức Thánh Mẫu sao ? Thôi, đưa nó cho tôi !
 — Không, để tôi ẵm nó.
 Sau khi làm khó dễ một lúc, nàng bằng lòng và chúng tôi lên đường, đi sát nhau.
 — Tôi sợ ngã, nàng nói, mỉm cười ngượng nghịu rồi nàng đặt

một tay lên vai tôi.
 Một người công dân mới, một người tương lai chưa rõ ra sao, ngáy một cách trang trọng trong tay tôi. Biển réo và vỗ mạnh, bọt trắng phau. Những bụi cây rì rầm. Mặt trời buổi trưa tươi sáng.
 Chúng tôi đi chậm chạp, thỉnh thoảng người mẹ lại dừng bước, thờ dài, ngẩng đầu lên, nhìn quanh mình, biển, rừng, núi, rồi lại ngã đầu vào con.
 Cặp mắt được giọt lệ lau chùi, trở nên sáng ngời và tươi đẹp, long lanh một ngọn lửa tình bất diệt.
 Có lần nàng dừng lại bảo tôi :
 — Ôi Thượng - đế ! Sung sướng ! Cứ thế này, tôi đi xa, xa mãi, đến tận chân trời, và con tôi, con yêu của tôi, sẽ lớn lên, tự do lớn lên trong lòng mẹ nó !
 Và biển rộng rạt rào, rạt rào không bờ bến...



★ DANH NGÔN: Giàu, nghèo.

Giàu không chắc đã không khổ. Nhưng tôi thích ngồi khóc trong chiếc xe Jaguar hơn là trong xe Ô-tô-buýt.
(La richesse n'empêche pas de se sentir malheureux. Mais j'aime mieux pleurer dans une Jaguar que dans un autobus)
 FRANÇOISE SAGAN



Một chuyến tàu

Hội ngộ chừ đâu một chuyến tàu ?
 Sầu vượn heo-hút gió lòng đau !
 Bàu thơ lưng nửa còn vương-vấn,
 Duyên nợ ba-sinh áo bạc màu.

Tôi nhấp men tình say nếp sóng,
 Anh buồn đem gửi chuyện ngày xanh
 Những ngày xanh ấy còn nguyên vẹn
 Lững cánh giang-hồ nghiêng bút xanh !
 Mây tơ duyên nỡn mắt mơ-màng.
 Mấy nhịp cầu Thơ, Thơ bắc ngang.
 Thỏ thẻ chim Ô còn nhếch cánh,
 Ngân-Hà xuôi giải lụa mệnh-mang !...

Tôi nhớ anh nhiều, anh nhớ tôi ?
 Người Thơ duyên kiếp nhật sầu rơi.
 Ngày mai anh đã thành tri-kỷ
 Tôi nhớ anh nhiều, anh nhớ tôi !!!..

HOA . TỊNH . LINH
 (Nha - Trang)

C U O I C ù N G

★ LÂM-VỊ-THỦY

— « Lúc anh ra về, tôi không nhìn theo những bước chân anh như mọi khi. Tôi lại ngồi trên băng cây, dưới tàn lá khế, chỗ anh vừa ngồi. Mùa này hoa khế rụng đầy sân. Những cánh hoa tím tím nhỏ li ti, khiến tôi mừng tượng xác pháo hồng trong một ngày vui, không biết bao giờ mới tới. Bỗng dưng tôi có ý nghĩ bỏ đi, đi thật xa, không nhìn mặt ai, không luyến tiếc.

Tôi vào nhà, thay áo quần xong rồi, lại chả biết đi đâu. Tôi đứng tựa lưng vào cánh cửa thần thờ. Má tôi đang nằm ở võng, một giấc ngủ trưa ngon lành. Mấy đứa em chạy đâu không biết. Tôi định chờ má tôi

dậy rồi xin phép, không lại bị la. Thường mỗi tháng tôi chỉ rời nhà có hai lần, ấy là lần đi chải tóc, uốn tóc, hay thăm các bạn. Đôi khi, ba bốn tháng, tôi không hề bước chân khỏi cửa.

Má tôi vẫn ngủ say. Tôi thì đương bút rút, đương chán ghét cái không khí này, khung cảnh này. Tôi lẳng lẳng ra ngõ. Lối ngõ xao xác lá tre vàng.

Tôi băng qua đường trải nhựa sang khu đất trống đầy cỏ mọc. Chính phủ đương sửa sang khu đất này để cất-cư xá. Tôi nhớ có lần anh nói với tôi, chừng nào đám cưới, anh sẽ mua một cái. Tôi vốn biết anh không thích ở nhà cư xá, nhưng thấy tôi tỏ

ý ước ao thì anh chiều đấy thôi. Lúc nào thì anh cũng chiều tôi, quý tôi cả.

Bên kia, cách con đường là cái lâu đài cũ, nom thật cổ kính. Tôi vừa thấy ông phát thư đập xe vào đấy, chắc thế nào tôi cũng có thư. Tôi ghét viết thư mà cứ nhận được thư hoài. Thư của ai thì anh cũng đã biết.

Tôi tiếc rằng, sao người đến với tôi buổi đầu, không phải là một trong những người viết thư đó, mà lại là anh.

Bây giờ thì tôi tin có số mệnh. Và, có lẽ như anh thường nói, tất cả chỉ là sự rủi may thôi ».



Tôi gấp nhỏ lá thư lại, nhét vào túi áo trên. Người hàng xóm đang tần mần nghịch với mấy ọng lá khô, ông ta nói, có vẻ phân trần :

— Trước hôm đám cưới, cô Kim có nhờ tôi mang thư ấy đến ông. Không ngờ ông đã bị bắt hơn tuần rồi, thành ra tôi không đưa được, mà cũng không dám cho cô Kim hay sợ cô ấy buồn.

Tôi nói mấy câu cảm ơn, rồi đứng dậy bỏ ra về. Năng cuối ngày loáng thoáng trên bức tường

vôi căn nhà đối diện.

Tôi nghĩ đến những buổi chiều mấy năm về trước, tôi cũng đi ở đây, giữa cảnh sắc này, nhưng không đi một mình, mà còn có cả Kim. Đạo ấy, Kim hay mặc chiếc áo bà ba cổ vuông, và mỗi khi cười thì thường quay mặt đi. Chúng tôi gặp nhau luôn, nhưng ít khi nói chuyện với nhau, chỉ nhìn nhau là nhiều, mà có lẽ giận nhau còn nhiều hơn. Mỗi lần như thế thực là khổ cho cả hai đứa. Và bao giờ thì tôi cũng phải tìm cách gọi chuyện và xin lỗi trước.

Bây giờ thì dù có muốn được giận nhau, được xin lỗi nhau cũng không còn được nữa.

Tôi đi xuôi về phía cầu sắt, và đứng tì tay vào thành cầu cúi nhìn xuống. Bóng tối dâng lên từ gầm cầu. Trong hồn tôi, bóng tối cũng đang dâng lên như thế.

Chỗ tôi đứng, trông xéo sang một dãy nhà lá lụp xụp xóm lao động. Nhà nào nhà nấy đều đã đổ đên. Và quanh mỗi ngọn đèn ấy, chắc rằng vợ chồng con cái họ đang quây quần bên nhau.

Tôi bỗng nhớ mang máng đến một câu nói của một nhân vật trong một cuốn tiểu thuyết :

« Được nằm xuống giữa bốn bề đất lạnh, chắc là mát lắm ». Và tôi cười một mình. Nằm xuống giữa bốn bề đất lạnh bây giờ, mát hay không thì không biết, nhưng có điều chắc chắn rằng tôi sẽ hết phải nghĩ ngợi, phải ân hận.



Tôi bước vào phòng trà. Đèn thủy ngân hòa với sóng nhạc bừa bộn, bần thiêu.

Lâu lắm tôi mới lại đặt chân tới đây. Hồi còn Tuấn, những cảnh này đối với tôi là chuyện thường.

Tôi nhớ có lần hình như Tuấn cũng đã đưa tôi vào chỗ này. Tuấn với tôi là hai người bạn không lấy gì làm thân. Nhưng Tuấn hay đến gặp tôi, và có vẻ như rất quý mến tôi. Tôi không chú ý đến việc đó. Tôi sợ phải tìm hiểu manh mối một vấn đề mà tôi biết chắc rằng sẽ làm tôi buồn.

Hôm Tuấn thú thật rằng hẳn yêu Lan, em họ tôi, và nhờ tôi làm trung gian hộ. Tôi đã mắng Tuấn, và từ đó, tôi không muốn nhìn mặt hắn. Tôi cũng không hiểu rằng tại sao tôi lại đi ghét một người con trai yêu một người

con gái, khi người con trai ấy lại là bạn mình.

Ít lâu sau, Tuấn chết vì một tai nạn bất ngờ, tôi cảm thấy hối hận. Có lẽ tôi cho rằng mình cũng có một phần trách nhiệm về người bạn xấu số đó.

Mãi hôm nay, tình cờ vào đây, tôi mới lại nhớ đến Tuấn, như nhớ rõ bức tường hôm ấy bọc nhung đỏ màu huyết dụ, có gắn một chiếc đèn, a-ba-dụ màu xanh nhạt.

Hình ảnh Tuấn ăn chơi hiện ra. Tôi thấy Tuấn cười đều giả, số sàng béo mạnh má một ca nữ.

Tim tôi bỗng dựng nhói lên. Tôi tưởng tượng đến một thời gian nào đó, tôi cũng chết như Tuấn. Một cái chết tầm tối, tầm thường và vô cùng oan ức. Rồi tất cả sẽ xa tôi như hình bóng Kim ngày nào cười ngoảnh mặt đi, mà bây giờ trí tưởng tượng của tôi không thể hình dung nổi hoàn toàn.

Tôi tìm một chỗ trống ngồi và kêu một ly đá chanh. Dân nhạc đương chơi bản Bambino. Đèn trong phòng đổi từ màu xanh nhạt sang màu tím dụ. Tiếng trompette vút lên ầm ục. Từng mảng tối vật vờ trên khuôn mặt những người hiện diện.

Quanh tôi vài tiếng sà sào :

— Quái, sao mãi không thấy « nó. » ? Hay không đến ?

— Thăng chông nó kia mà.

— Đâu ?

— Cái thằng đơng đứng dựa quầy hàng hút thuốc đó.

— Đúng là thằng ma-cô. Sao nó có thể để vợ nó đi hát mà còn dám vác mặt đến đây.

Người bồi mang nước đến, tôi trả tiền và lơ đãng nhìn quanh. Đền lại đôi mầu. Tôi nghe mơ hồ như có tiếng giới thiệu một nữ ca sĩ trình bày một bản nhạc của Đoàn Chuẩn và Từ Linh. Và tiếng vỗ tay ròn rập.

Tay tôi bỗng rung lên, người nữ ca sĩ vừa bước ra trước máy vi âm, dáng người mảnh khảnh, mái tóc lòa sòa với đôi mắt thật là buồn.

Tôi tưởng mình mơ ngủ. Nhưng không. Kim, đứng là Kim, đang đứng kia, trước mặt tôi, dáng vẫn hiền hòa như con thiên nga trên cánh đồng cỏ xanh trong cổ tích.

Kim bắt đầu cất tiếng hát.

Giọng nàng ấm và buồn. Tôi cúi nhìn đáy cốc dầu sự xúc động.

• Bàn bên cạnh, vài người nhíp tay nhỏ hát theo :

— « Rồi ngày nào... xác pháo bên thềm tản mác bay... Em đi trong xác pháo... Anh đi không ngược mắt... Thôi đành... em... »

Người đàn ông chợt rời quầy hàng lại kéo ghế ngồi gần tôi. Gã lấy thuốc ra hút, vẻ mặt có vẻ bằng lòng. Tôi nhìn gã rồi nhìn Kim. Đền trong phòng như hoa lên. Tôi đứng vùng dậy bỏ ra ngoài.

Khi cánh cửa phòng trà khép lại sau lưng, tôi tưởng chừng như giọng Kim vừa vút lên cao rồi đột nhiên chìm hẳn xuống. Và trên khuôn mặt xanh xao của nàng, hai dòng lệ từ từ chảy.

Tôi đặt tay lên chỗ túi áo có đề lá thư của Kim. Tôi chầy nước mắt khi nghĩ đến những buổi chiều mấy năm về trước. Đạo ấy Kim hay mặc chiếc áo bà ba cổ vuông, và mỗi khi cười thường quay mặt đi..

Sinh - viên

H à i - n g o a i

tại các trường

Đại-học Anh

★ DENNIS SIGNY

Các đại học đường Anh đều rất niềm nở đón rước các sinh viên hải ngoại đến học tại Anh quốc. Nhưng vì số sinh viên các lớp học đều có giới hạn và các sinh viên hải ngoại cũng như Anh quốc xin theo học rất đông nên các trường đại học phải áp dụng phương pháp tuyển chọn. Mỗi trường đại học đều có luật-lệ riêng, và tự điều khiển lấy, mặc dầu được chính phủ tự cấp rất nhiều về tài chánh. Trong bài dưới đây, Ký giả Dennis Signy ở Luân đôn sẽ nói về các phương tiện các trường đại-học Anh dành cho các sinh viên ngoại quốc.

CÓ người muốn biết các trường đại-học Anh dành cho các sinh viên ngoại quốc những phương tiện gì? Câu trả lời rất đơn giản: các trường đại học hiến cho các sinh viên ngoại quốc những phương tiện tương tự như các phương tiện hiến cho các sinh viên Anh. Nhưng ngoài điều đó ra thì nhiều điều phức tạp. Các trường đại-học Anh đều tổ chức khác nhau nên chúng ta không thể nói tổng quát về một điểm nào và những người định học tại một trường đại học tại Anh cần biết cách tổ chức và những đặc điểm của

trường đó.

Giữa hai trường đại học có danh tiếng là Oxford và Cambridge, thiết lập từ thời trung-cổ và các trường đại học các tỉnh khác thiết lập nội trong thế kỷ này, các phương pháp khác nhau rất nhiều, nhưng tất cả đều có một đặc điểm giống nhau là tính cách tự trị. Các trường đại học đều phải tự điều khiển lấy về việc quản trị và hành chánh, cấp phát bằng cấp, soạn thảo các chương trình học, bổ nhiệm giáo sư và giảng viên, và lựa chọn các sinh viên.

70% lợi tức hàng năm của các trường đại học đều do chánh phủ cung cấp để xây dựng lại các trường đã bị hư hỏng trong thời kỳ chiến tranh.

Ý niệm về sự độc lập của các trường đại học ăn sâu vào đầu óc của đại chúng. Chính phủ và các trường đại học đều tin cậy lẫn nhau. Hệ thống cấp phát tiền trợ cấp hoạt động rất hữu hiệu. Đó là ba lý do làm cho các trường đại học đều muốn tự cai quản kiểm soát lấy họ.

Tôi cho rằng tiêu chuẩn đại học Anh rất được nhiều người mến chuộng và hàng vạn người

ở hải ngoại đều rất muốn theo học các trường đại học tại Anh quốc. Vấn đề khó khăn là ở đây. Nhiều lúc, các trường đại học tự nhận thấy ở vào trường hợp rất khó khăn trong việc thu nhận sinh viên. Điều này không có nghĩa là các sinh viên hải ngoại sẽ không bao giờ có dịp tòng học tại Anh, nhưng muốn tòng học cũng phải trải qua nhiều điều khó khăn.

Bác-sĩ R.S. Aitken, viên chức của Hội các Trường Đại học Liên-Hiệp Anh tuyên bố rằng: "Nước Anh đã thu hút hàng vạn sinh viên hải ngoại. Những sinh viên này là những du khách đã đem đến cho nước Anh sự mới lạ thay đổi những cảnh thường nhật của Anh quốc. Và theo truyền thống, Anh quốc sẵn sàng chia sẻ nền học vấn và khoa học với tất cả các nước trên thế giới. Chúng ta không thể thu nhận thật nhiều sinh viên như chúng ta ước muốn, nhưng chúng ta cố gắng thu nhận thật nhiều sinh viên nếu có đầy đủ phương tiện".

Tôi nhấn mạnh về tính cách tự trị của các trường đại học Anh quốc. Vì không có một tổ chức trung ương nào để các sinh viên

hải ngoại có thể nộp đơn theo học, nên các sinh viên muốn tòng học phải gửi đơn trực tiếp đến các trường đại học họ dự định sẽ theo học. Kiếm được một chỗ học ở một đại học đường Anh rất khó, nên các sinh viên muốn tòng học cần phải làm đơn xin trước khi lên đường sang Anh. Đồng thời các sinh viên cũng cần phải lo nghĩ đến vấn đề ăn ở trước khi đi Anh. Nhưng thường các trường đại học sẽ chỉ bảo và giúp đỡ các sinh viên trong việc này.

Còn một điều khác nữa là ở Anh, các sinh viên không thể tự học lấy rồi thì lấy bằng đại học như kiểu Mỹ, Sinh viên phải theo học đủ một niên khóa. Tuy thế, trường đại học của Anh cũng không vì vậy mà chèn-màng đến vấn đề giải trí, thể thao và tiếp xúc với các giới trong xã-hội.

Các trường đại học không có tiêu chuẩn nhất định và tổng quát về việc thu nhận học sinh. Mỗi trường đại học và phân khoa đại học có những luật lệ nhập học riêng và tự đánh giá các bằng cấp và chúng chỉ ngoại quốc. Theo tiêu chuẩn của phần lớn các trường đại học, thì một sinh viên, trước khi được thu nhận phải tỏ ra có đủ khả năng để theo học ban mà anh ta lựa chọn và phải biết Anh ngữ khá. Hơn nữa, nếu một sinh viên có đủ khả

năng để theo học một đại học đường của xứ họ, thì các trường đại học Anh cũng có thể xem xét việc xin học của họ. Nếu một sinh viên có bằng đại học ở xứ họ thì họ cũng có thể được công nhận có đủ khả năng để vào học trường đại học Anh.

Một sinh viên hải ngoại nên quyết định trước về các trường đại học mà họ muốn nhập học và nên biết rằng đơn xin nhập học sẽ được xem xét tùy theo giá trị của nó.

Việc lựa chọn các trường đại học là tùy theo sở thích cá nhân và tùy theo môn học của người sinh viên. Nhưng nói chung thì muốn vào học các trường Oxford, Cambridge hoặc London khó hơn các trường đại học khác. Phần nhiều các trường đều dạy đủ các môn. Nhưng một vài trường đại học có giầy những môn đặc biệt như trường đại học Luân-đôn có dạy riêng về Văn hóa và sinh ngữ của các dân tộc Phi châu và hai trường đại học Cambridge và Durham có những ban chuyên về Địa cực học.

Tất cả những điều trên làm cho nền đại học Anh trở nên phức tạp và hấp dẫn. Nhưng các sinh viên cũng nên biết rằng mặc dầu vào được các trường đại học Anh hơi khó khăn, nhưng công lao học tập sẽ được đền bù lại một cách xứng đáng.

FLEMING

NHÀ CÁCH MẠNG Y-KHOA CẬN-ĐẠI
NGƯỜI ĐÃ PHÁT MINH THUỐC

PÉNICILLINE

✱ NGUYỄN - KIM - ĐÌNH
(Tán sĩ Đại-học Dược khoa—Paris).

Nói đến các thứ nấm sát trùng, trong giới Khoa học hiện tại, ai là không biết đến Pénicilline? Người đầu tiên tìm ra nó là Alexander Fleming.

Vốn xưa là một chàng thư sinh ở đất Ecosse, nước Anh, một đất nghèo chỉ chuyên sống về nghề nông và sản xuất len cừu, sinh trưởng trong một gia đình bần hàn và đông con, chàng Alexander được theo bậc tiểu học như các anh em khác và sau khi tốt nghiệp đi làm thư ký cho một hãng buôn. Tình cờ đã đem lại cho Alexander một phần gia tài của một người bà con trong họ để cho con người hiếu học được tiếp tục đời sinh viên y-khoa.



VỚI mãnh bằng đại học, Alexander đã trở nên một bác sĩ y-khoa tại đường St-Marie.

Người ta thường nói: « Phức bất trùng lai ». Nhưng đối với trường hợp của Fleming thì khác hẳn. Nếu ta nghiên cứu cả một đời của nhà thông thái, ân nhân của nhân loại, đã cứu bao nhân mạng với một khám phá và đã cách mạng hóa y-học cận kim, ta sẽ thấy các giai đoạn gặp may trong đời ông như là một cuốn sách mà ta giở từng tờ. Chính Fleming cũng nhận định hình như tạo hóa đã giao phó cho Ông sứ mạng đó, đến ngày đó sẽ tìm thấy thứ thuốc đó có thể cứu sống được bao nhiêu là nhân mạng, nhất là hồi chiến tranh thế giới lần thứ hai vừa rồi.

Vào đường St-Marie, vị tân y-khoa bác sĩ được giáo-sư Alworth Wright chọn vào giúp việc trong phòng thí nghiệm vi trùng của Ông.

Vốn là một người hiếu kỳ, ông không hề bỏ qua một sự gì lạ xảy ra trước mắt Ông. Có một lần đi chơi với vài người bạn, khi đi ngang qua một cái xe do một nông gia chế tạo để chở

sữa đi bán ở các chợ, ông ta yêu cầu các bạn dừng xe để ngắm cái xe chở sữa và cho là tài tình.

Trên bàn làm việc của Fleming ở phòng thí nghiệm, các bạn đồng nghiệp của ông nhận thấy những ống nuôi vi-trùng đã cũ, và mỗi khi ném vào sọt rác, ông không quên nhìn lại một lần nữa các ống đó, xem có gì khác xảy ra trong những thế giới li-ti ấy nữa không.

Cũng vì tính quá cẩn thận ấy mà tình cờ ông ta đã tìm ra được một thứ nấm, đặt tên là *Penicilline* từ năm 1926. Sự thành công đầu tiên này là do đức tính cần cù làm việc và ý chí mãi miết tìm một thứ thuốc sát trùng hiệu nghiệm nhưng không làm hại đến cơ thể của người bệnh.

Tìm được thứ nấm sát trùng, và đem thử nhiều lần chữa vết thương của các bệnh nhân đều thấy hiệu nghiệm, nhưng Fleming không tìm được đồng nghiệp nào có thể phân chất được thứ nấm, trích biệt lập chất cốt yếu có tính cách sát trùng trong nấm, mong có nhiều kết quả hơn khi áp dụng vào y-khoa. Fleming hồi đầu còn bực tức là không có dịp gặp người cộng tác giỏi về hóa học để giúp

ông làm như ý muốn, nên đã có lần ông thốt ra: « Trong lúc tìm tòi một thứ gì mới thì có thể làm một mình được, nhưng đến khi đem nó ra ánh sáng thì cần phải có sự giúp đỡ của các đồng nghiệp ». Thực vậy, Fleming chỉ là một vi-trùng-học, phân chất nấm *Penicilline* cần phải có một chuyên viên về hóa học.

Mãi đến hồi đại chiến thứ hai, giáo sư Florey mới mời được ông Chain là một nhà hóa học ở Đức, sang làm việc bên Anh-Cát-Lợi và chính người đã phân chất được thứ nấm sát trùng *Penicilline* mà Fleming đã tìm thấy từ 15 năm trước. Giáo sư Florey cũng tốn nhiều công phu, có phen sang tận Mỹ Quốc, trong sự đi tìm chuyên viên hóa học để phân chất nấm *Penicilline* và kỹ nghệ hóa thứ thuốc sát trùng mới này. Vậy nên giải Nobel về y-khoa năm 1946 đã được tặng cho ba người: Fleming, Chain và Florey.

Trên thương trường thì *Penicilline* không được độc quyền của ai hết, vì nhà bác học Fleming không giữ độc quyền cho mình là người khám phá thuốc đó, vì Ông ta nói đó là của trời cho, không phải của ai cả. Mà

thật vậy, đó là một thứ nấm li-ti ở đâu đưa đến, bay ngang qua cửa sổ, phòng thí-nghiệm của ông, và đến mọc trong ống nuôi vi-trùng của ông giết hết một vài thứ vi trùng mà Ông đã nuôi sẵn. Do đó, Fleming mới nhận thấy thứ nấm vô danh kia là thứ sát trùng và đặt tên là *Penicilline*. Có nhiều hãng buôn Mỹ đã cho người đi các hang cùng ngõ hẻm để tìm các giầy cũ, đồ cũ, v.v.. để họa may tìm một thứ nấm như vậy trong các loại « mốc » chằng, nhưng không có kết quả! Chỉ có loại nấm ông Fleming tìm ra nuôi mãi cho nó sinh sâu ra nhiều, là có thể làm thuốc dần dần đem dùng cho công chúng.

Fleming, từ một nhà bác học vô danh đã trở nên vị ân-nhân của nhân loại. Vốn bẩm tính là người nhu mì, ít nói, khôn ngoan và kín đáo, những người cộng sự ai cũng mến phục, nhất là hồi được giải thưởng Nobel xong, và kế nghiệp thầy học là Alworth Wright để điều-khiển Institut St-Marie, ai cũng công nhận là Ông rất công bằng và bác ái và nhất là không vụ lợi. Có nhiều người giục Ông xin phép bảo đảm quyền chế tạo

năm Pénicilline, ông cũng từ chối, làm ai cũng cảm phục và cả thế giới đều ngợi khen.

Nhà bác học Fleming từ trần năm 1956, thi hài được chôn cất tại St Paul, một nơi cùng với Nelson và các vĩ nhân Anh-cát-lợi khác.

Ngày đám tang Fleming là một ngày quốc táng, tất cả các nước trên hoàn cầu đều treo cờ rủ và tại xứ Ayrshire gần quê quán Fleming, Lochfield Farm, người ta có dựng lên một cái bia lớn bằng đá đỏ, trên có ghi: **NHÀ BÁC HỌC ALEXANDRE FLEMING, KHÁM PHÁ RA CHẤT PÉNICILLINE, ĐÃ SINH TẠI ĐÂY Ở LOCHFIELD NGÀY 6 THÁNG 8 NĂM 1881.**

Trong các bài diễn văn, ai cũng nhắc nhở đến ngày 6.8.1881, không ngờ đã nảy nở một tâm hồn huyền diệu nhưng đã có công cho nhân loại đến thế.

Fleming đã có lần viết trong nhật ký: « Chúng ta ai cũng muốn điều khiển vận mệnh của chúng ta ». Shakespeare cũng đã có lần nói: « Dù ta có đi theo con đường nào đi nữa, vận mệnh của chúng ta cũng đưa ta đến một nơi cuối cùng ».

Nếu chúng ta trở lại quá khứ của chúng ta, và tự hỏi nếu chúng ta làm khác hẳn như chúng ta đã làm (thường không có lý lẽ chính đáng), thì chúng ta sẽ thấy nó như thế nào? Nhiều khi, ta thấy trước mặt ta hai con đường, chúng ta phải chọn một, và chúng ta không biết con đường thứ hai sẽ đi đến đâu. Có lẽ chúng ta đã chọn con đường tốt, cũng có lẽ chúng ta đã chọn phải con đường xấu.

Fleming đã chọn con đường tốt và vận mạng đã tỏ ra hào ý và chiều dài nhà bác học lắm vậy.

NGUYỄN KIM ĐÌNH
(Khoa-học)



★ PU - PÈ

Cou pu-pè là đứa con của đứa con.
(*La poupée est l'enfant de l'enfant*)

RIGAULT (Nhà văn Pháp)

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XIV

TIẾP KHÁCH PHƯƠNG XA

★ THIÊU - SƠN

(Tiếp theo P. T. 40)

Từ ngày kháng chiến bùng nổ, Sài Gòn là nơi hội ngộ của khách bốn phương, nhiều nhất là ký giả và chánh khách Pháp.

Tôi cũng thỉnh thoảng được tiếp khách phương xa như Boutbien, Eugène Thomas, hai đồng chí xã hội, L'Hermitte, một phóng viên của báo *L'Humanité*, Marius Moutet, bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại, Chesneaux, đại diện sinh viên công giáo quốc tế.

★

Anh Boutbien, người sáng sủa, lanh lẹ, bạt thiệp và thông minh. Hồi đó anh mới trên 30 tuổi. Anh tiếp chúng tôi ở khách sạn *Continental*. Anh nghe chúng tôi trình bày tình hình ở Việt Nam, cái quyết tâm của những người kháng chiến và những bằng chứng cụ thể về sự tàn bạo của quân đội Viễn chinh. Anh cũng trình bày cho chúng tôi nghe tình hình chánh trị của Pháp, lập trường của các đảng phái và dư luận báo chí về vấn đề Việt Nam. Theo anh thì đảng

Cộng sản Pháp không đủ uy-tín để binh vực Việt Nam vì nó cực đoan và làm mất cảm tình của các đảng phái khác. Chỉ có đảng xã hội là được người ta nghe nhiều và đảng Xã hội cũng sẵn sàng ủng hộ nguyện vọng độc lập của dân tộc Việt Nam. Nhưng chỉ tiếc có một điều là trong đảng cũng có người vậy, người khác, không nhút trí với nhau mà cũng không tiến bộ như nhau. Anh khuyên các đồng chí Việt Nam nên trung thành với lý tưởng xã hội, sát cánh với các đồng chí Pháp để làm hậu thuẫn cho đảng bộ ở Ba-Lê. Phần anh cũng sẽ gắng sức thuyết phục những kẻ lạc hậu, lôi kéo những kẻ lưng chừng cho đảng được vững mạnh để tranh đấu thắng lợi.

Anh Boutbien đi cho đảng nhưng cũng đi cho báo Franc-Tireur mà anh nhận làm phóng viên trong chuyến đi này.

Anh qua Sài Gòn vào hồi cuối năm 1946, vào lúc Pháp đổ bộ và gây hấn ở Hải phòng. Trong một loạt bài phóng sự anh viết trên báo Franc-Tireur anh đã vạch trần tất cả âm mưu của các tướng lãnh Pháp, đòi phải đình

chỉ tất cả các cuộc tấn công và thi hành nghiêm chỉnh những hiệp ước và thỏa ước để nối lại tình giao hảo Pháp Việt. Những bài báo của anh Boutbien được độc giả Việt-Nam hoan nghinh nhiệt-nhiệt. Nhưng lập trường đó, anh Boutbien không giữ được bao lâu. Rồi anh cũng ủng hộ Bảo-Đại và mạt sát lại những người mà anh đã ủng hộ hôm qua. Các đồng chí Pháp nói rằng anh đã bị mua. Tôi không cần biết ai đã mua anh và anh đã bị mua với một giá nào. Nhưng tôi đã rút được một bài học nữa là làm chánh trị cũng rất dễ bị mua và ngay trong hàng ngũ Xã-Hội người ta cũng mua được.

★

Sau khi chiến cuộc lan tràn tới Hà Nội thì bộ-trưởng Marius Moutet qua thị sát Đông-Dương. Chúng tôi gặp ông sau khi ông ở Hà Nội về Chi Bộ Xã-Hội tổ chức một bữa tiệc đãi ông ở nhà Hàng Kim Sơn.

Tôi đã được gặp người mà tôi hằng mơ tưởng, một người ở nghị-trường đã bao lần binh vực những nhà chí sĩ Việt Nam, một chiến sĩ Xã hội

có một di vãng tranh đấu đẹp đẽ. Đi chung trong phái đoàn xã hội tôi đã nhận danh những đồng chí Việt-Nam chào mừng một đồng chí lão thành, một trong những kẻ kẻ nghiệp vĩ sự đồ Jean Jaurès và hy vọng rằng cũng như Jean Jaurès ông sẽ nỗ lực tái lập hòa bình ở Việt-Nam để cứu vãn tình huynh đệ Pháp Việt.

Tôi trông đợi những lời nói hòa bình êm dịu, nhưng tôi đã phải nghe những lời hằn học đầy sát khí của ông. Ông không nhìn nhận tội lỗi nào của quân đội viễn chinh và đổ thừa tất cả cho kháng chiến. Nghĩa là ông đồng quan điểm với các tướng lãnh Pháp và cho rằng chánh phủ Pháp phải cương quyết để cho thấy rằng mình không nhu nhược, để cho đối phương biết ăn năn, hối-lỗi, bót ngang ngạch, bót ngông cuồng. Lúc đó, nước Pháp « khoan hồng » mới nói cho họ nghe lời nói của kẻ phải.

Ông cũng nhắc lại Jaurès nhưng ông rút ra những lời vô tư của người trước để bắt buộc tiến như phải ủng hộ lập trường của ông chứ không phải

là ông muốn làm theo chí hướng của Jaurès.

Tôi đã thất vọng. Nhưng nhắc tới lão đồng chí Moutet ở đây tôi cũng không quên được hình bóng của một ông già có vóc người nở nang, có dụng nói sang sảng, tuy thốt ra những lời hằn học mà vẫn có vẻ mặt hiền hòa. Người đó đã binh vực những nhà ái quốc Việt Nam khi ông còn cường tráng. Nhưng về già, sanh tật, ông đã thay đổi tấm lòng và làm cho lòng tôi phải ngậm ngùi chua xót.

Vả lại tình thế hai thời đại khác nhau rõ rệt. Khi ông binh vực những nhà chí sĩ Việt-Nam thì bộ máy chánh quyền của thực dân còn vững mạnh, dầu có tỏ ra khoan-hồng và nhân đạo đối với một vài phần tử cách mạng cũng chưa mất mát gì, còn được tiếng là khác nữa. Nhưng nay chánh quyền thực-dân đã điên đảo khuynh nguy và ông lại có chửi trong chánh phủ Pháp, ông nhút định phải hy-sinh một trong hai cái. Mà cái ông hy sinh cố nhiên là lý tưởng xã-hội để binh vực quyền lợi của... thực dân.

★

Eugène Thomas, nguyên bộ trưởng Bộ Chính và cũng là đảng viên Đảng xã hội. Ông được Đảng bộ đặc phái qua Việt - Nam để nghiên cứu cứu tình hình. Ông không già bằng ông Moutet nhưng cũng đã lớn tuổi. Ông người điềm đạm nghiêm túc, nói ít, nghe nhiều, tỏ ra có thiện chí và quyết tâm. Chúng tôi đặt tin tưởng vào ông rất nhiều. Nhưng rồi ngày tháng trôi qua chúng tôi cũng không hay biết gì về những công việc ông làm và những kết quả ông đã thu hoạch được. Tiếng súng ầm ỉ khắp nơi đã làm át cả tiếng nói của những sứ giả hòa bình.

*

Anh L'Hermitte, phóng viên báo Nhân Loại (*L'Humanité*) là cơ quan của Đảng Cộng Sản Pháp. Cố nhiên anh không phải là đảng viên nên tôi chỉ lấy tư cách một ký giả Việt Nam mà tiếp xúc với anh. Anh mập mập vui vẻ, ca hát lu-bù vì còn đang tuổi thanh xuân. Nhưng anh cũng có óc bẻ phái hay chê đê những người không cùng một quan điểm với mình. Nhiều khi anh đã có những lời phê bình thiếu

trang nhã đối với đảng Xã hội, làm tôi cũng bực mình. Nhưng vì anh là khách phương xa tôi viếng xứ mình và anh lại ủng hộ lập trường tranh đấu của dân tộc Việt Nam nên tôi cũng phải giữ phép lịch sự trong khi tiếp xúc với anh.

*

Người khách có những cuộc phiêu lưu kỳ thú nhất có lẽ là anh Chesneaux, đại diện sinh viên công giáo quốc tế. Anh tới Việt Nam để nghiên cứu tình hình giáo dục xứ mình. Anh là một giáo sư thạc sĩ Sư Địa và còn trẻ lắm. Anh gặp chúng tôi và tỏ ý nhờ chúng tôi giúp anh những tài liệu cho việc nghiên cứu của anh. Chúng tôi nói:

« Nếu anh muốn hiểu biết về « sự giáo dục của người Pháp ở « Đông-dương thì cứ hỏi Cao-ủy « Phủ. Còn nếu anh muốn biết « sự giáo dục ở vùng giải-phóng « thì anh nên chịu khó đi điều « tra tại chỗ ».

Thế rồi anh đi. Cùng với anh Petelot ở nhóm Văn Hóa Mác-xít và mấy người bạn Việt Nam anh đã lặn lội đi bưng và trở về với một va-ly đầy nhóc tài liệu. Không biết đó là những

tài liệu về giáo dục hay là những tài liệu gì. Nhưng về đến Phú-Lâm thì các anh bị quân đội Pháp chặn bắt và nhục mạ các anh đủ điều. Anh Chesneaux và các bạn đồng hành bị giam giữ ở Khám Lớn mấy tháng và nhờ có đoàn thể sinh viên công giáo quốc tế can thiệp mới được trả tự do.

Khi gặp anh mới tới thì mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao. Lúc tôi gặp anh ở khám ra thì râu - ria xồm-xoàm, thân hình tiêu tụy, thiếu nảo vô cùng. Tôi chia buồn cùng anh thì anh cười mà nói: « Anh tưởng tôi buồn lắm sao? Không, tôi không buồn chút nào, anh ạ. Tôi vui lắm và cảm cảm động lắm. Thân hình tôi tiêu tụy là vì bệnh chứ không phải bị buồn. Tôi đã đi xa, vào tới chiến khu của các anh, thấy rõ lòng ái quốc của dân tộc Việt Nam, đáng khen và đáng phục lắm. Nhưng nếu tôi không nằm khám mấy tháng thì còn thiếu sót nhiều, vì ngay trong khám các anh cũng nêu cao tinh thần kháng chiến và thành thật thương yêu nhau. Tôi đau, các bạn tù Việt Nam đã hùn tiền mua thuốc chích cho tôi hết bệnh.

Các anh ái quốc mà không bài ngoại, thứ nhất là không bài Pháp, không có óc kỳ thị chủng tộc, các anh xứng đáng được hưởng quyền độc lập và tôi xin cúi đầu bái phục các anh, kỳ du lịch này tôi đã thu lượm được nhiều kỷ-niệm êm đẹp và thiết tha. Chẳng những dân tộc Việt Nam không sao lãng việc giáo dục mà chính các anh còn là những người có giáo dục đầy đủ. Giữa các anh và chúng tôi, chưa biết ai đáng làm thầy ai. Nhưng chắc chắn là chúng ta nên làm bạn với nhau để giúp đỡ lẫn nhau, để bổ túc cho nhau... »

Trước ngày anh lên đường về nước, chúng tôi có thiết tiệc tiễn hành và tôi được hạnh phúc đứng lên tỏ lời tương biệt. Anh Chesneaux nói một cách nhẹ nhàng những lời thiết tha gần bó và hứa sẽ thuật lại cuộc du lịch của anh lên báo chí sau khi về nước.

Chúng tôi đã ôm nhau và siết chặt tay nhau. Và đúng như lời anh Chesneaux đã hứa, anh đã diễn thuyết và viết báo nói về cuộc du lịch gian nan và hào hứng của anh.

(Còn nữa)



CUỘC ĐỜI CỦA
CÁC NHÀ TỶ PHÚ
TRÊN THẾ GIỚI

KOKICHI
MIKIMOTO

vua
ngọc
trai
của Nhật-Bôn.

* TRỌNG - TẤU

NGUỜI ta nói rất nhiều về cuộc đời ông vua Ngọc - Trai, nhưng mỗi người đưa ra một hình ảnh khác nhau về ông này tùy theo quan điểm của họ. Chép lại cuộc đời của VUA NGỌC TRAI trên một khía cạnh khác, thiết tưởng không đến nỗi là thừa quá vậy. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn đưa ra hình ảnh một người với 2 bàn tay rắn

chắc, bộ óc thông minh và giàu sáng kiến, với một gan dạ vô bờ bến, một sức tranh đấu dẻo dai vô tả để giúp ta suy-nghiệm đôi chút về công cuộc tranh đấu của người. Người ấy là KOKICHI MIKIMOTO, ông vua Ngọc-Trai đất Phù-tang thơ mộng.

Nếu người ta đã dùng danh-từ TỶ PHÚ ĐEN để ám chỉ hạng tái phiệt bất chính, thì ít ra cũng

CÁC NHÀ TỶ PHÚ TRÊN THẾ GIỚI

phải dành cho vua Ngọc Trai 3 chữ khác là chữ « TỶ PHÚ HỒNG ».

Năm 1869, ở xứ mặt trời mọc, tại làng Toba Bay, có một cậu bé con... tên gọi Kokichi Mikimoto, can đảm và rắn chắc...

Bé Mikimoto vừa lên 11 tuổi. Còn nhỏ, em đã bắt đầu phải ra vật lộn với cuộc sống để lấy tiền nuôi cha mẹ và các em.

Cha em luôn luôn bệnh hoạn, nên ngày nào cũng vậy, cứ sáng tinh sương là em đã bước thấp bước cao, thấp thềm đây chiếc xe hủ tít đi bán dạo. Tuy còn ít tuổi, nhưng bé Mikimoto chẳng chịu kém ai; em đã biết quảng cáo cho khách hàng chú ý tới xe hủ tít của mình bằng cách, thỉnh thoảng biểu diễn dẫm ba trò xiếc vật.

Em tung những trái cây trên tay lẹ làng và khéo léo chẳng khác gì các diễn viên chuyên nghiệp, trước sự thán phục của khách hàng. Qua bao nhiêu năm thức khuya dậy sớm trong nghề bán dạo này, tưởng đâu cuộc đời của đứa bé rồi cũng đến lớn lên và chết già bên thềm nước « súp ». Nhưng, may mắn thay, nhờ một cử chỉ hào hiệp, cậu bé Mikimoto

đã đặc biệt nổi danh.

Sau một thời gian sinh sống tại Tokyo, để học hỏi về xà cừ, vỏ hàu, vỏ hến, v.v..., chàng cùng một số các bạn nhất định đi bộ trở về làng cũ là làng Toba. Giữa đường một trong số những bạn đồng hành bỗng dưng mắc 1 chứng bệnh kỳ lạ có thể nguy cho tính mạng. Mikimoto rất bình tĩnh; chàng không ngần ngại dùng đơn thuốc gia truyền của cha, hốt thuốc cứu bạn. Thật là môn thuốc tiên, vì sau đó, bạn anh được cứu sống và khỏe mạnh như trước. Các báo được dịp đua nhau ca tụng tài « Biển Thuộc, Hoa Đà » của y sĩ tí hon bất đắc dĩ.

Chính nhờ vậy, danh cậu bắt đầu nổi như cồn, và lớn lên, cậu đã được dân chúng trong làng mời làm « Cổ vấn Hương chính ». Đây quả cảm và sáng kiến, Mikimoto mở rộng bến ghe tàu làng mình. Làng Toba nhỏ nhỏ trước kia, bắt đầu có nhiều tàu lớn qua lại.

Chàng thanh niên tuổi trẻ tài cao bỗng dưng trở nên một « nhân vật quan trọng ». Nhờ đó, chàng cưới được cô vợ đã đẹp lại sang. Nàng Ume vợ, chàng từ đó đối với chàng đã trở nên người bạn

đường đáng quý. Nàng rất chú trọng đến những cuộc sưu tầm vỏ hàu, vỏ hến của chồng. Chính nàng đã đích thân đứng ra cạo đáng hai cửa hàng; hủ tẩu và bán vỏ hàu, hến, xà cừ.

Một hôm người vợ trẻ tươi cười nói đùa với chồng:

— Có nhiều khi, em chỉ sợ con sò hay con hến nó cướp mất anh của em!

Luôn luôn mơ màng đến ước muốn mình định đạt, chàng trả lời một cách rất lạc đề:

— Nhưng mà... này em! không biết tại sao lại có ngọc trai? Anh chỉ nghĩ đến cái đó...

Ume bàn góp:

— Chắc là do một « tai nạn thiên nhiên » mà có ngọc trai.

— Nếu vậy thì ta có thể làm ra « tai nạn nhân tạo » cho có ngọc trai chăng?

Phải rồi chính Bác sĩ Mazukiri, thuộc căn cứ Sưu Tầm Hải Học tại Tokyo cũng đã cho chàng biết như vậy:

— Có một hạt nhỏ li ti không thấy được, đã lọt vào trong con trai... và khi nó không làm cách nào đẩy vật đó ra được, thì nó sẽ nhả một chất óng ánh ngũ sắc lên mình kẻ thù (tức là hạt bụi). Các chất đó, trong nhiều năm sẽ bao xung quanh hạt bụi rất nhỏ bé để đóng thành hạt NGỌC TRAI.

Biết bao nhiêu cuộc thí nghiệm qua các thế kỷ đã gặp thất bại. Mikimoto cương quyết tiến tới cuộc thí nghiệm của mình. Chàng dự tính mở một chiến dịch lâu dài. Nhưng bao nhiêu cuộc thất bại liên tiếp đã đến với chàng. Chàng xoay sở đủ cách. Những con trai thí nghiệm đầu tiên được bỏ vào vỏ tre, có cột đá và ngâm xuống nước đã nhả hết ra ngoài các vật bị nhét vào trong thịt. Chàng lại quyết mua chịu 5 ngàn con trai khác để thí nghiệm lần nữa. Lần này chàng có đặt một số ô thí nghiệm riêng ở một nơi được che đậy cẩn thận. Chàng bảo vợ:

— Lần này thì chắc chắn ta sẽ có những hạt ngọc vì anh đã nhét vào con trai những hạt xà cừ chứ không phải thứ bụi nào khác.

Nhưng than ôi! những đoàn rùa tham ăn và nạn « Thủy Triều đỏ » (1) đã hủy diệt công trình cặm cụi, 4 năm lao khổ của anh. Chỉ còn lại có những ô thí nghiệm, nhưng chưa đến lúc mở

(1) Thủy Triều đỏ: Một hiện tượng lạ lùng tạo ra bởi sự kết hợp các chất sinh sản thứ vi trùng chuyên giết hạt những loài hàu hến. (Theo quyển Mikimoto, vua ngọc trai của Robert Eunson, Pierre Horay xuất bản)

ra được. Mikimoto đành bỏ đi tới một hòn đảo phía Bắc để kiếm tiền trả nợ. Riêng Ume còn ở lại trông coi hai cửa tiệm và chăm nom lũ con.

Mùa xuân năm 1893, Mikimoto trở về nhà. Chàng buồn bã, chán nản, chẳng còn hy vọng gì lắm khi, ngày 13 tháng 7 năm ấy, chàng đi ra bãi thí nghiệm mà tại đó 4 năm trước có ngâm những con trai. Vợ chàng quỳ xuống run run cậy vỏ 1 con trai. Nàng reo lên sung sướng vì, một hạt ngọc tròn phân nửa lóng lánh bên trong.

— Chồng tôi tài quá! Mình ơi! Mình đã thành công rồi!

— Anh biết... nhưng... những hạt trai không được tròn!

Từ đó chàng nghĩ cách cấy thật sâu vào hẳn lòng con trai để cho khi lớn lên hạt ngọc không bị chạm vào vỏ mà bị méo.

Sau khi đã trang trải nợ nần và xin cấp bằng sáng chế để ngăn ngừa bọn cạnh tranh bất chính, chàng thuê hẳn đảo Tatofu để làm trung tâm khai thác, với sự giúp việc của nhiều người trong gia quyến. Năm đó là năm 1896.

Muốn cấy một số 250.000 con trai trong một năm và để duy trì « bãi cấy », rộng tới 465 mẫu tây,

chàng phải thuê thêm rất nhiều nhân công, đa số là phụ nữ. Những đàn bà Nhật phần đông lặn tài hơn đàn ông, bởi vì lồng ngực họ to hơn và chịu lạnh cũng giỏi. Họ mặc những y phục trắng (cá mập sợ màu trắng) và học nghề ngay từ khi mới 12, 13 tuổi. Họ tập lặn sâu lần từ 2, 4, 8 rồi đến 10 thước. Tới 18 tuổi thì họ có thể lặn xuống đến 12 thước sâu và ở dưới nước từ 2 tới 3 phút để mở những con trai. Thọ lặn của Mikimoto làm việc từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều và cứ 2 giờ làm việc thì lại nghỉ từ 30 phút đến 1 giờ. Những thợ lặn giỏi thường thường là các bà có chồng và tuổi chừng 25 tới 40. Họ dùng những cái neo bằng sắt dặt trong lưng để ở dưới nước. Khi nào muốn lên chỉ cần kéo sợi giây báo hiệu cho người chồng đang ngồi chăm chú chờ sẵn trên một chiếc thuyền.

Trong khi chờ đợi chàng nghiên cứu đời sống bí mật của những con trai; chàng khuếch trương không ngừng bãi thí nghiệm. Chàng đặt cả những bẫy bịch-tuộc để bảo vệ cho Trai dực và Trai cái. Chàng đã tìm được cách làm cho Trai sống lâu đến 10 năm (thường thường thì có 8 năm), bằng cách

son lên vỏ của nó một chất sơn đặc biệt.

Công cuộc làm ăn của anh chàng bán hủ tẩu càng ngày càng phồn thịnh. chàng đã mở rất nhiều cửa hàng ở khắp các thị trấn lớn tại nước Nhật. Bỗng nhiên, năm 1905, tất cả các bãi cấy trai của chàng bị nạn « Thủy triều đỏ » làm tiêu sạch. Chỉ trong có mấy ngày chàng mất 850.000 con trai. Và một buổi chiều, Mikimoto cô độc dưới một căn nhà trống (vợ chàng chết năm 1896) ngồi dưới đất rải rác những vỏ trai. Chàng mở những con trai chết ra hy vọng tìm thấy những gì mình cố tìm từ trước tới nay. Chỉ còn vài vỏ trai đặt trong khoảnh thí nghiệm đặc biệt. Chàng mở một con ra, thì... ngay giữa lớp thịt mềm mềm bật ra một vật tròn lóng lánh. Mộng đã thành sự thực !

Đêm đến, bận một bộ kimono thật đẹp, Mikimoto lên chùa lễ tạ và đi ra mộ vợ, để chia vui với người đã tha thiết yêu chàng.

Người anh họ của Hoàng-Đế Nhật đem những hạt ngọc trai cấy đó, nhờ các nhà kim hoàn danh tiếng ở Ba Lê làm các đồ nữ trang để tặng Hoàng-Gia-Anh nhân dịp vua Edonard VII lên nhậm chức. Những hạt ngọc của Mikimoto được giải thưởng trong các tổ chức triển lãm ở Âu-châu và Mỹ-châu. Năm 1939, tại Nữ-ước, ông đã trưng bày cái « Chuông Tự - Do » làm bằng

12.250 hạt ngọc và 306 hạt kim cương trị giá 1 triệu đồng Đô-la. Xin nhấn mạnh, 1 triệu đồng Đô-la vào năm 1939 !

Nếu người ta biết rằng, cần phải 4 năm mới cấy được cho hạt ngọc trai tròn phân nửa, và phải 6 năm mới có 1 hạt trai nguyên vẹn, thì người ta phải thán phục con người kiên gan trì chí này. Mặc dầu sau bao lần thất bại, Mikimoto đã thực hiện nổi một cơ sở vĩ đại có thể nuôi sống một cách gián tiếp 117.000 người.

Khi ông chết vào năm 96 tuổi (1954), ông đã có một tỷ rưỡi con trai để có thể sản xuất hằng năm 10 triệu hạt ngọc. Ở Toba-Bay người ta cấy ngọc trai như cấy lúa vậy.

Có thể coi Mikimoto là một nhân vật kỳ ảo trong câu chuyện thần tiên sống của phương Đông. Nhờ bàn tay rắn chắc, khéo léo trong vụ tung bắt trái cây ấy, nhờ bộ óc đầy nghị lực và kiên quyết của ông, bao nhiêu là hạt trai đã nở ra tăng phần thắm mỹ cho cho các người đẹp trên thế giới. Những hạt trai đó, thường được phụ nữ Việt Nam ỏn ẻn vò vĩnh ông chồng như vậy :

— Cuối tháng này, lãnh lương, mình mua cho em xâu « Hột Bẹc » ! (1)

Kỳ sau : Ông VUA CỜ BẠC

(1) Theo chữ « PERLE » của Pháp : viên ngọc.

Trả lời ông Bửu-Kế

Minh oan

HỒNG-BẢO

và

ĐOÀN-TRUNG

★ NGUYỄN-QUANG

(Tiếp theo P.T. 40)

XIN lập lại, vua Dục Tông, khi sắp mất, để di chiếu nói rằng đức tánh ông Dục Đức không đáng làm vua.

Vì cái di chiếu bất nhứt và ác hại ấy, nên Tường-Thuyết mới dám làm những chuyện đại gian ác, nhưng bà Từ Dũ vẫn mặc nhiên.

Trong lúc phở lập lập phở và sát hại liên tiếp 3 VUA trong 4 THÁNG, Tường và Thuyết chắc đã hỏi ý kiến của Bà rồi,

nếu không, triều thần đâu có khứng chịu ?

a) — 1874, Pháp xâm chiếm toàn cõi Nam kỳ, buộc triều đình vua Tự Đức phải ký hiệp ước nhượng địa (Hiệp ước 15-3-1874).

Nghe tin này, Từ Dũ Thái. Hậu nhện ăn trong 3 ngày, và khóc lóc thê thảm.

Hiệp ước này ký tại Saigon giữa Phó Đô Đốc Dupré và hai đại diện Nam triều là Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp, do vua Tự-Đức phái vào. «Phan

Lâm bán nước, Triều - Đình bỏ dân», trong quyển «*Trăm-Thương*» của Bùi quang-Tung (trang 16).

Đặc biệt đáng lưu ý là theo tinh thần bản hiệp ước này, Bà Từ Dũ đã yêu cầu : 11 ngôi mộ họ Phạm, và 3 ngôi mộ họ Hồ, họ nội và họ ngoại của Bà) không ai được đào bới và phá hủy.

Ngoài ra, nhà cầm quyền phải cấp 100 mẫu ruộng cho con cháu 2 họ đó, để lo việc hương khói và tu bổ các ngôi mộ. Những đất này khỏi phải chịu sưu thuế, (Les onze tombeaux de la famille des Phạm situés sur le territoire des villages de Tân-niên-đông et de Tân-quan-đông (province de Saigon) et les 3 tombes de la famille de Hồ, situées sur les territoires des villages de Linh-chiêu-Tây et Tân-Mai (province de Biên Hòa) ne pourront être, ouverts, creusés violés ou détruits. Il sera assigné un lot de terrain de 100 mẫu d'étendue aux tombes. Les revenus de ces terres seront consacrés à l'entretien des tombes et à la subsistance des familles chargées de leur conservation. Les terres seront également exemp-

tes d'impôts personnels, du service militaire et de corvées (article 5 — traité du 15-3-1874 — Văn Hóa Nguyệt San số 51 trang 586-587):

Chính bà Từ Dũ, quê quán tỉnh Gò-công, là người đã can thiệp buộc Pháp phải ghi điều khoản 5 này vào hiệp ước nói trên. Người Pháp rất sẵn sàng chấp thuận điều khoản này, vì họ có lỗi là gì đâu và có ngăn cản gì tới việc chủ tâm xâm chiếm đất đai của họ đâu ?

Một điều đáng nói để ông Bửu Kế nhận thức rõ : sở dĩ Bà Từ Dũ nhịn ăn 3 ngày, nước mắt đầm đề, trông rất thảm thương, là vì Bà chỉ lo bảo toàn mồ mã riêng tư thôi, nhưng mồ mã dân chúng đã chết dưới làn tên đạn của Thực dân, thì Bà đâu có nghĩ tới !

Sau ngày khởi nghĩa thất bại ở Huế, Thuyết hộ giá Vua Hàm Nghi ra Sơn Phòng, Quảng-trị, xin mời Bà và Lương Cung đồng đi, nhưng Bà và Lương Cung có ý từ hồi ở lại. Thuyết đi trước vài ngày, lại ủy người tận mời Tam Cung theo ra. Thì ông Tuần Vũ Quảng Trị là Trương Đăng Đản (họ hàng

ông Trương Đăng Quế?) bàn với Lương - Thành (Lương Thành, tự Duy Ninh, là con thứ 4 của Hoàng ngũ Tử Kiến-An-Vương) rằng : tỉnh Quảng-trị có nhiều gió bụi, Tam Cung ở đó không tốt, xin mời Tam cung hồi loan (1) và tư về cho Ng-văn-Tường biết. Ông này liền đưa thư lên khâm sứ De Champeaux thương thuyết với De Courey, rồi Tường liền phúc thư : xin mời Tam Cung hồi loan, để nhân tâm khỏi rối loạn ! Tam Cung chuẩn y. Ngày 3-6 hồi loan, trú tất ở Khiêm cung. Nhưng, cò Cẩn Vương khởi nghĩa đã tung bay khắp nơi.

Không kể tới «*nhà vua thua chạy dài*», Từ Dũ Thái - Hậu lại chuẩn đem Thọ-xuân-vương Miên Định nhiếp lý quốc chánh, tất cả mọi việc triều chánh lúc này đều phải tâu lên Tam cung thỉnh chỉ tuân hành...

Đó, Từ - Dũ Thái - Hậu đã mặc nhiên không còn nhớ tới vua Hàm-Nghi đang xuống bịch Cẩn-vương và toàn dân đang đứng lên chống Pháp xâm lăng.

Trước đây, Bà đã chịu để cho Tường Thuyết sát hại 3 vua, nay bà lại khứng chịu De

Champeaux lập vua Đồng-Khánh, trong khi vua Hàm-Nghi đang bôn ba kháng chiến.

Nếu có một sử gia chân chánh như Đông-Hồ, đoạn này, sẽ viết lại trang sử như thế nào ? Xin hỏi ông Bửu-Kế.

Trong *Bách Khoa* số 84, trang 33, đoạn 8, dòng 2, ông Bửu Kế viết : «*.. Công tụy sức học kém vua Tự-Đức, nhưng vẫn là người có học, khoẻ mạnh và có lễ đẹp hơn vua Tự-Đức...*»

b) — Đoạn này, để trả lời thẳng ông Bửu-Kế, xin trích một đoạn nguyên văn trong tập «*Trăm - Thương*» của sử gia Bùi quang Tung (trang 3-4, đoạn 3) như sau : «*... sự thất ông Hồng Bảo không phải là ít học sức học của ông không thua kém ông Tự-Đức... Còn trách ông Hồng Bảo ham vui chơi lại cũng là không đúng. Duy có một điều ông Hồng Bảo giao du rất rộng, thân thiện với các nhà buôn ngoại quốc Trung-hoa, hoặc Âu-Tây, Anh Hòa-Lan v.v.. đến mở cửa hàng mua bán tại Huế và Đà-nẵng. Vì có ấy, nên một nhóm triều thần không có óc tân tiến sợ ông về sau lên ngôi, lại nhiệm vụ mình Tây-phương, nên lấy làm hiểm nghi và*

không muốn cho ông kể vị vua cha... »

c) — Minh chứng thứ 2, bảo rằng Hồng Bảo hay ham chơi, thì Hồng Nhậm cũng ham chơi như thường, vì cứ xem lời hỏi hân của Tự Đức dò Delamarre dịch trong « *La stèle du tombeau de Tự Đức* » như sau : « ... S.M. La Reine ma mère était bonne mais sérieuse. Elle me donnait journellement des leçons de civilité pour m'initier à la politesse et aux rites et jamais ne me permettait de gaminerie... B.A.V.H. 1919, trang 27).

Tạm dịch : « ... Đức Thái Hậu từ mẫu của trẫm rất hiền đức, nhưng nghiêm minh, thường ngày dạy luân thường đạo lý lễ nghi Triều Đình cho Trẫm, để dững anh quân và không bao giờ cho Trẫm ham du lãng... »

d) — Minh chứng thứ 3 tỏ ra Hồng Nhậm chưa hẳn hay chữ, lại xin trích một câu của Tự Đức đã ghi trong *La stèle du tombeau de Tự Đức* do Delamarre dịch : « ... Je regrette de n'avoir pas disposé d'assez de livres pour pousser à fond mon instruction... plus tard, je fis de progrès dans

mes études sans m'en rendre compte comment... »

Tạm dịch : « ... nhưng mà Trẫm lấy làm tiếc rằng không đủ sách tham khảo, để đi sâu vào nền học vấn... lần lần về sau, không hiểu sao, trẫm lại học hành tiến bộ... »

Cần nhấn mạnh lại một lần nữa, để trả lời ngay ông Bửu Kế, Tương An Quận vương là một đại thi hào, chú và thầy học của Hồng Bảo — Hồng Nhậm, sở dĩ ngài Tương An mến thương Hồng Bảo hơn là vì ông này học giỏi.

Nói một cách khác, thầy học không bao giờ lại mến thương người học trò ngu độn và ham chơi.

đ) — Bằng chứng thứ 4 để trả lời ông Bửu Kế, Hồng Nhậm (Tự Đức) rất dở thơ nôm. Cuốn « *Thi Văn Bình Chú* » của Ngô Tất Tố, trang 94 (cuốn thứ nhứt) dẫn ra một bài thơ Đường luật, rồi bình chú như sau :

Khóc nàng Bằng

Ơi Thị Bằng ơi ! đã mất rồi !
 Ơi tình ái nghĩa, ái duyên ơi !
 Mưa hè, nắng chói, oanh ăn nói,
 Sớm ngô, trưa sán, liền đứng ngồi.

*Đập cổ kính ra, tìm lấy bóng,
 Xếp tàn y lại, để dành hơi.
 Mỗi tình muốn dứt, càng thêm bận
 Mãi mãi theo hoài, cứ chẳng thôi.*

Ông Ngô Tất Tố bình : « ... Bài này, nhiều người cứ bảo là của vua Tự-Đức, nhưng các vị cổ lão cứ nói là của ông Nguyễn-gia-Thiều khóc nàng Bằng Cơ, một người vợ lẽ của ông. Xét ra, vua Tự-Đức ít khi làm thơ quốc âm. Coi tập *Việt sử tông vinh* và những lời phê của ngài ở bộ *Việt sử khâm định*, thì biết tính ngài rất bệ-vệ, lúc nào cũng muốn tỏ mình là đấng anh quân. Với cái tính kiêu sức ấy, chắc không khi nào ngài chịu dùng những chữ tình duyên, để khóc một người đàn bà.

Hướng chi, thơ của vua Tự Đức rất dở, cả tập *Việt sử tông vinh* không được mấy bài nghe được. Còn bài thơ này lại là một bài thơ rất hay, có lẽ sức ngài không thể làm nổi.

Vậy, theo lời các vị cổ lão, trả lại ông Nguyễn-gia-Thiều... » (chép nguyên văn của Ngô Tất Tố)

Như thế, ông Ngô-Tất-Tố đã trả lời cho ông Bửu-Kế thay

tôi rồi đó.

e. — Ông Bửu Kế dẫn 2 câu đối : « *Bác sứ lai triều, của vua Thiệu Trị, Hồng Bảo đối : Tây Sơn phục quốc* », để chê Hồng Bảo, nhưng sự thật, một người không học vấn dễ gì đối ngay được ? *Bác sứ lai triều* mà đối *Tây Sơn phục quốc*, chữ đối chữ rất xác và rất chỉnh.

Còn buộc tội Hồng Bảo muốn Tây Sơn phục quốc là hẹp lượng và hẹp bụng quá. Bởi chung, lúc này, mồ mã của Tây sơn đã bị đục khoét cả rồi, với xương tàn đã ra tro bụi, và tướng tá của họ đã tiêu tan, làm sao trở lại được trước sức mạnh vô biên của quân đội nhà Nguyễn ?

g) — Ông Bửu Kế cho Hồng-Bảo học kém Hồng Nhậm là quyền của ông. Nhưng xin hỏi ông một điều : Hồng Bảo « bị hại » năm 1854 (Tự Đức thứ 7); còn Tự Đức tới năm 1883 mới băng.

Thế là Tự-Đức đã sống thêm 29 năm nữa, nếu Hồng Bảo « được sống » tới năm đó, biết đâu, Hồng Bảo lại không để nhiều danh phẩm cho văn học sử nước nhà ?

h) — Thêm một bằng chứng

nữa ; Theo cuốn *Histoire de l'expédition de Cochinchine* của tác giả Léopold Pallu de la Barrière xuất bản tại Paris năm 1864. Ông Joseph Buttinger tham khảo viết ra Anh văn bằng tác phẩm « *The smaller Dragon a political history of Việt-Nam* do nhà xuất bản Federick A. Praeger New-york, phát hành năm 1958, nói tới vua Tự - Đức, có câu : « ... He was represented and is still represented as a kind of wild and bloodthirsty beast; for this is a method that small men use, and complacent imitate, in order to degrade an enemy... » trang 313 dòng 26. Xin mời ông Bửu Kế tới thư viện Hoa-kỳ mượn đọc.

Thoát dịch (xin thoát dịch : « ông ta (Tự Đức) trong buổi ấy cho tới còn bây giờ vẫn tượng trưng điều dã man và vật tánh khát máu, đó là tinh thần và phương thức của kẻ ty tiện và kẻ tự cao tự đại sẵn có với thâm ý triệt hạ một kẻ nghịch thù... »)

Và cuốn « *Nước V. N. trên con đường suy vong* » của sử gia Bùi quang Tung, trang 829, đoạn 6, có ghi : « Từ đời vua

Gialong có lập Trường Đức Tiền ở Hà Nội tới đời vua Tự-Đức không đúc nữa, nên tiền đồng kém càng ngày càng ít. Thấy vậy, nhiều Hoa thương cầu lợi đã đúc ra một thứ tiền lấy niên hiệu Tự Đức từ bên Tàu đem qua, thứ tiền này xấu lại mỏng gọi là « đồng tiền sênh », không ai chịu tiền xài. Lúc ấy, Nguyễn-v-Tường chịu hối lộ, bắt dân chúng phải tiền, nếu không sẽ bị phạt. Dân chúng tỏ ra bất mãn... »

Ông Bùi - quang - Tung ghi tiếp : « ... đến đời vua Tự Đức, các cầu đã hư hỏng không tu bổ lại, nên đường sá không thông thương được... Để điều ở Bắc không chăm nom, nên năm nào cũng bị lụt... »

Cần nói lại để ông Bửu Kế nhận định rõ, sau ngày khởi nghĩa thất bại ở Huế, Trường Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi và Hoàng gia chạy ra Tân Sở...

Tường (phản thần) trở về Huế, với Bà Từ Dũ (để đầu Tây còn gì nữa ? !).

Về Huế, Từ Dũ Thái Hậu lại còn cho người đi rước Vua Hàm Nghi về, nhưng không thấy nhà vua ở đâu cả.

Thành thật, xin nói để ông

Bửu Kế thông cảm, khi khảo sử, qua những đoạn này, ông nên buồn và ngậm ngùi cho thời cuộc nước nhà, nếu ông là một nhà khảo sử khoa học hơn.

Giả sử Bà Từ Dũ nhất quyết không trở về, dẫu rằng trên bước đường lưu vong với vua Hàm Nghi có mệnh hệ nào đi nữa, thì cái « can cường ấy » mới gọi là « mẫu nghi » của người thiên hạ chứ ?

Nhưng, than ôi, Bà về Huế lại cho người đi kiếm nhà vua, trong khi lòng yêu nước thương dân của ngài và của toàn dân đã tràn ngập, xuống lịch Cần vương, vua tôi đứng lên chống Thực dân chiếm nước.

Bà cho người đi kiếm vua về và chịu tôn Đổng Khánh lên, tức là gián tiếp trực tiếp, Bà đã phá công cuộc cách mạng của toàn dân đó.

★ Vua Tự Đức đã làm quốc gia V.N. tán vong.

Trong *Bách Khoa* số 85, trang 25, đoạn 52, dòng 9, ông B.K. viết : « ... Còn mấy ngày cuối cùng của vua Thiệu Trị, ngài đã nhiều lần đòi Hồng Bảo vào châu, nhưng

ông luôn luôn vắng mặt... »

Xin thưa rằng, nếu ông Bửu Kế đứng vào chỗ Hồng Bảo cũng thế, vào châu làm chi nữa (e có sự nguy hại !) khi vua cha đã nghe theo lời thuyết phục của thiên hạ (Trương đăng Quế — lời ông Bửu Kế đã nói trong BK số 85, trang 25, đoạn chót) ngài đã nghe lời di ghê (bà Từ Dũ) để hất hủi bỏ con cái, thì còn vào làm chi ?!

Cho nên, Hồng Bảo đã tỏ ra bất mãn, và thất chí, không phải là không có lý do.

Việc này, vua Thiệu Trị khác nào Tấn Hiến Công, bà Từ-Dũ như Ly Cơ, vua Tự-Đức, có thể, là Hề-Tề.

Trong *Bách Khoa* số 85, trang 25, đoạn 53, ông Bửu-Kế ghi : « ... vì vua Thiệu Trị thương yêu bà Từ Dũ nên muốn con bà lên ngôi... »

Rõ ràng, còn che đậy làm gì nữa, ông Bửu Kế đã mặc nhiên nhìn nhận việc loại Hồng Bảo là do vua cha quá thương yêu người di ghê đó mà !

B.K. số 85, trang 25, đoạn 51, dòng 5, ông Bửu Kế nói : « ... Con đầu là Đinh Đạo, ông

dùng ngay cái bộ phận của đàn ông để đặt tên... xin đưa vào một vài tài liệu, không phải nằm trong lịch sử, nhưng nhiều người ở Huế vẫn kể cho nhau nghe, và tôi có thể đưa những người ấy ra đây để đời chứng được...

La gì cái tục lệ cổ xưa của nước ta thường dùng tên xấu xa để đặt cho con cái, kéo sợ chết yếu. Thí dụ, xin lỗi ông Bửu Kế, ông là nam nhân, sao ở Huế người ta vẫn quen gọi ông là "mụ Kế", là "mệ Kế"? Và đây, gần gũi nhất là nhà Thơ Nguyễn-Vỹ, giám-đốc tạp-chí Phổ - Thông này, những người ở Quảng Ngãi biết rõ gia đình ông, đều biết rằng tên tục của ông Cụ thân sinh đặt cho ông hồi nhỏ là "Thằng Chuột"! (Xin Ông Nguyễn-Vỹ tha lỗi!)

Nếu, vì cái tục lệ ấy, mà buộc ngài Hồng Bảo đã đặt tên cho con là ngạo nghệ, thì thật quá đáng. Nhưng, tiếc thay đã mang cái tên xấu như thế đặng khỏi chết yếu, mà Đinh Đạo vẫn chết non như thường vậy! Còn những người nào đã sống trong thời Hồng Bảo vẫn đang còn sót tại Huế, để ông

Bửu Kế đưa ra đời chứng? Tôi không tin các vị ấy còn sống.

Sách « *Tả Truyện* », chép: « Ông Đông Hồ, một sử quan nước Tấn đời Xuân Thu. Triệu Xuyên thí vua Tấn linh Công, nhưng Triệu Thuần làm Tể tướng mà không trị tội Triệu Xuyên nên sử thần Đông Hồ đã chép: « Triệu Thuần thí kỳ quân... » nghĩa là Triệu Thuần đã giết vua của nó, mặc dầu Triệu Thuần không phải phạm tội đó.

Nhưng, vì Triệu Thuần làm lớn mà không trị tội kẻ đã thí vua, nên sử gia Đông Hồ đã phải qui tội cho Triệu Thuần. »

Bây giờ, đem cái chết đau thương của Hồng Bảo trong ngục tối và cái đám tang không nghi lễ của Hoàng trưởng tử ra thử xét đoán, thì dù muốn dù không, từ gia đình ra xã hội V.N. trong lễ giáo cổ truyền Đông-phương (tam giáo), vua Tự Đức phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước lịch sử. Vì chừng lúc đó quyền hành sanh sát đều ở trong tay ông (quân chủ độc tài chuyên chế) mà để cho người anh ruột của ông phải chết trong ngục (nếu ông

Bửu Kế cho là tự sát), thì một sử gia can đảm và chân chánh như Đông Hồ sẽ phải chép rằng: «... Hồng Nhậm sát kỳ huynh » nghĩa là Hồng Nhậm đã giết anh ruột của mình.

Ông Bửu Kế tự hào nói đúng: « vua Thiệu Trị có 61 người con ». Tôi đã ghi 64 người con, (vì ấn công đã sắp nhầm 60). Nhưng, ông Bửu Kế đã nhầm to, vua Triệu Trị có 64 người con, chứ không phải 61.

Bằng chứng, cuốn *La Cons-*

titution de la famille impériale d'Annam của ông Tôn thất Côn (président du Conseil de Tôn-nhân) in năm 1942, trang 28 chép: «... L'Empereur Hiến Tổ Chương Hoàng Đế (Thiệu Trị) eut 29 princes et 35 princesses » — vua Thiệu Trị có 29 Hoàng-tử và 35 Công chúa = 64 người con.

(Còn nữa)

Kỳ sau: Những cuộc khởi nghĩa chống vua Tự-Đức.



★ DANH NGÔN : YÊU VÀ CƯỚI

Biết bao người đàn ông chỉ yêu một má núng đồng tiền mà đại-dật cưới nguyên cả người đàn bà.

(Combien d'hommes amoureux d'une simple fossette, font la bêtise d'épouser la femme tout entière !)

STEPHEN LEACOCK

★ NHÀ BÁC HỌC LÃNG TRÍ

Nhà Bác-học Arago có việc phải đi phố. Ông khóa cửa, lấy phấn viết trên cánh cửa : « Arago đi vắng » trước khi bước ra sân. Ra đến cổng, trời đổ mưa. Ông phải quay trở vào nhà để lấy cây dù. Nhưng cửa đóng, ông thấy trên cánh cửa có giòng chữ : « Arago đi vắng », ông thất vọng nói lầm bầm một mình : « Arago đi vắng rồi à ? Hẳn đi đâu vậy nhỉ ? » Rồi ông lại quay trở ra thui thủi đi dưới cơn mưa dầm.

B. T.

sao tím



Anh đi một sớm đến thành phố
Rét mướt tâm tư khóc chớ buồn
Em ngồi nước mắt xoay quanh cửa
Buồn tiễn anh vào trong xứ Thương
Tay em ngăn ngắt sầu chong mắt
Sao tím mờ rung lạnh phố phường
Trắng tay ấp ủ buồn đau nhĩ ?
Chả biết mai này em có thương ?
Ngàn năm vẫn thế sao thì tím
Mà tím hồn anh tím tím buồn
Tím lạnh khung trời, xanh cửa mắt
Ngơ ngác mong chờ sao vẫn vương
Chín phương trời mở — phương em đóng
Đóng thế thì anh lạc mất đường
Buồn quá trời ơi sao vẫn tím
Sao tím hồn anh, sao tím thương !

ĐAN KHÁNH

mưa đêm

★ PHƯƠNG-ANH

CHIẾC xe Hoa-Kỳ từ từ ngừng lại ở đầu ngõ hẹp. Một người đàn ông mặc sơ-mi cụt tay màu sặc-sỡ, đẩy cửa xe bước xuống. Dưới nắng trưa, trời oi bức lạ. Không một chút gió thoảng qua.

Nhìn sâu vào ngõ, ông ta dường e-ngại, ngập-ngừng bước chân vào. Qua suốt một dọc nhà, ông ta dừng trước nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn vắng hoe, không-tiếng động. Cửa cái đóng im-ìm chỉ có cửa sổ là còn khép hờ. Ông ta tiến đến kéo cửa sổ :

— Nguyễn ơi ! Ngủ rồi hử cậu ?

Nguyễn đang nằm trên divan đọc một quyển sách Pháp, nghe gọi và một vùng ánh sáng ủa vào, anh nhòm dậy :

— A ! Anh Tư !

— Ừ ! Tôi ngủ cậu ngủ rồi chứ !

Nguyễn lật lật đi mở cửa, nhoèn miệng cười với ông anh rề — chồng của người chị bà con xa :

— Gớm ! Trời nắng đỏ lửa mà cũng chịu khó ghé chơi, anh không-ngại nắng à ? Phải anh đến vào buổi tối có mát mẻ hơn không !

Anh Tư nhún vai, rút cò, tay động dậy phác qua một cử chỉ y như những lúc « bắt cần đời » :

— Ồ ! Sẵn dịp đi ngang, tôi muốn ghé thăm cậu xem độ này thế nào ? Bà con, anh em mà cậu nói như người đứng xa lạ không bằng ! Vậy còn tình nghĩa gì nữa.

Vừa kéo cửa, Nguyễn vừa nghi thăm :

— Lại muốn dở giọng thương yêu đây. Anh ta ít khi nào đến thăm, hễ mỗi lần đến, mình cảm thấy như có một tai họa. Mấy năm về trước, thấy mình anh ta lơ-lơ chẳng muốn hỏi. Ba bốn năm nay mình học về y-khoa, coi bộ « nhờ cây » được nên bắt đầu hơi đề ý tới, thỉnh thoảng ghé thăm như hôm nay. Mà khổ, mỗi lần ghé, y như là có... chuyện. Nhưng tội ! Chị ấy lại tử tế, vui vẻ...

Vào nhà, anh Tư đứng ngắm nghĩa chung quanh, chưa chịu ngồi. Thấy những giấy má, sách vở bừa bãi, ngồn ngang ở divan, ông ta như óng mi, vui vẻ :

— Cậu học như thế này có ngày ho lao mất. Nghe chị Tư cậu nói đêm nào cậu cũng thức đến hai ba giờ, tôi lên lại thấy trưa cậu cũng không ngủ. Học gì, học dữ vậy ? Nằm ở đâu, sách vở ngồn ngang đến đó.

— Anh nghĩ, học thì phải rán. Nếu không cuối năm còn ngồi lại lớp cũ, lại mệt hơn. Dù bây giờ mình không cố học cũng không xong.

— Hừ ! Thứ này học mệt lắm

cậu. Nhưng sau đó mình lại sung sướng đề bù vào.

Nguyễn cười :

— Kìa ! Ngồi xuống ghế đi anh. Đứng mỗi chân chết.

— Được, cậu ! Đề đây tôi mà !

— Anh uống gì ? Crème soda nhá ? Tôi sang tiệm kề bên lấy nhanh lắm ! Hay anh muốn uống trà ? Tôi xuống bếp, bê réchaud lên nấu một chút thôi !

Anh Tư đưa tay khoác lia lia :

— Thôi cậu ! Đừng bày vẽ ! Tôi ghé thăm cậu một chút rồi lại về !

Ông ta sửa soạn quay ra, như sực nhớ điều gì nói thêm :

— À ! Chị Tư cậu bị nhức gân, nhức xương gì đấy. Đầu từ sáng đến giờ không đi đứng được nên nó bảo tôi lên mời cậu xuống chơi rồi... xem hộ thể nào. Cậu thay đồ đi, tôi đợi. Xe còn đậu ngoài ngõ. Thực phiền cậu quá, tôi không đành dạ.

Nguyễn quay mặt vào phía trong, mỉm cười. Anh linh cảm rất đúng. Anh ta đến nhà tất có chuyện, chứ mấy đời « quý hóa » đến thăm không. Tuy vậy, sự mếch lòng và muốn làm vui lòng công anh rề, Nguyễn lặng lẽ đi lên gác, sửa soạn. Gương mặt anh không mấy vui.

★

Xe chui vào cổng, ngừng lại trước cửa. Nguyễn xuống xe đi vào nhà. Ông anh rề còn bạn gọi « sắp phở » :

— Tư Lùn đâu ! Cho xe vào garage ! Nhớ mở nắp thùng xe chống lên rồi lấy vải lau thấm nước lau xe nhá !

Nguyễn đi thẳng lên lầu vào buồng của chị. Ông anh rề lèo-đéo theo sau, nhưng không đi ngay vào buồng vợ nằm, còn bạn thay quần áo và xem một chồng sách báo ở phòng khách. Sau khi thăm hỏi, khám bệnh xong, chị Nguyễn bảo :

— Tôi bảo anh Tư cậu đưa tôi vào nhà thương hay đến phòng bệnh của một bác sĩ tư nào đó, ảnh cứ ậm à ậm ừ. Có lẽ ảnh vừa lên chở cậu xuống đây chứ gì ?

— Dạ ! Anh Tư vừa đến và em xuống đây ngay.

Chị Tư cau mày, muốn nói gì đó nhưng lại thôi. Nguyễn hiểu lắm. Anh chỉ mỉm cười, ngồi viết đơn thuốc, sai người nhà đi mua. Anh vẫn thấy thương mến chị và không trách hờn ông anh rề tí nào cả.

★

Ở bệnh viện ra, Nguyễn đi lại trạm chờ xe buýt về Saigon. Anh phân vân không hiểu có nên trở lại nhà ông anh rề không. Khi trưa lúc Nguyễn sửa soạn ra về đề kịp giờ làm ở bệnh viện, ông anh rề khẩn khoản mời :

— Chiều nay, sau khi ở nhà thương ra cậu nhớ đến thẳng đây dùng cơm với tôi nhá ! Cậu đừng đề tôi trông. Thế nào cũng đến nghe cậu !

Anh không hứa chắc nhưng cũng không từ chối. Kể ra đến được thì càng hay nhưng anh sợ người ta hiểu mình khác, người ta bót « nề » mình chẳng ? Người ta khác, mình khác. Hai tâm hồn, hai cuộc đời, hai quan niệm sống khác biệt có biết bao giờ cùng gặp ở một điểm

Tuy vậy, xuống bến xe Nguyễn chần chờ một chốc, rồi cũng lị bộ lại nhà ông anh rề, định bụng rằng sẽ không ăn. Thăm chị, hỏi mấy câu, dặn dò thêm về cách chữa trị, anh trở lại bến xe đón chuyến cuối cùng trở về nhà. Thế đủ lắm rồi.

Bước chân qua khỏi cổng, Nguyễn gặp ngay ông anh rề đang bán khoản ngược nhìn trời vẩn vù, kéo mây đen. Một làn chớp loé sáng trên nền trời

xám nguyệt. Nguyễn thấy lo lo. Quay lại, bắt gặp Nguyễn, ông anh rề vui vẻ, mừng tíu-tít :

— Tôi có ý trông, sao mãi đến bây giờ cậu mới đến.

— Chiều nay tôi ra mượn và đợi autobus hơi lâu. Mua thuốc cho chị đủ hết chưa, anh ?

— Rồi !

Bỗng mưa ào xuống. Cả hai chạy nhanh vào nhà. Đứng ngoài hàng hiên, phải nước mưa bám trên tóc, trên người, ông anh rề cười « xã giao » với Nguyễn :

— Sài Gòn đúng là cái đất sáng nắng chiều mưa. Đang nắng đó lại có thể mưa ngay được. À ! Sản dịp chờ bọn ở làm cơm, cậu chích hộ chị mấy mũi nhá !

Ông ta đưa tay lên phân trần :

— Cậu nghĩ xem, mấy người y-tá chích dạo ầu lăm. Hiểu biết về nghề nghiệp chẳng tới đâu, tôi nào dám kêu họ chích. Rủi ra mìaah ân hận suốt đời. Còn gọi bác sĩ đến nhà chích cho chị, mình nào dám mời. Mà dù có mời cũng chẳng ông nào chịu đến. Vậy, thương chị, chiều chiều cậu lại đến chích cho chị, nghe cậu. Làm phiền đến cậu nhiều quá tôi cũng bần khoản. Thiệt chẳng biết đền ơn cậu sao

cho xứng đáng. Nhưng thôi... tiền bạc, của cải có nghĩa lý gì, chỉ có tình, nghĩa mới quý, mới làm đẹp lòng nhau. Mình câu nệ quá thì còn gì là bà con thân quyến nữa.

Trời vẫn mưa. Càng ngày lại càng lớn hơn. Nguyễn rửa lại lần nữa cho sạch thuốc trong ống tiêm và kim chích, đoạn anh rầy mấy cái bỏ vào hộp dầy lại. Anh đến bên giường chị :

— Em về chị nhá ! Chị nhớ đúng theo lời em dặn, hai hôm sẽ thấy khá nhiều.

— Trời đang mưa, về gì ! Ở lại ăn cơm với anh, hết mưa hãy về. Nghe lời chị đi Nguyễn !

Nguyễn vén tay áo xem giờ :

— Được ! Chị về em về. Đã 7 giờ 20, sợ... em còn nhiều việc chưa làm, bận lắm. Chị cho em hẹn hôm khác vậy.

Nguyễn quay ra, bước xuống thang lầu, đi thẳng ra hàng hiên, ái ngại đứng nhìn trời mưa.

— Cơm cũng sắp xong đấy cậu. Độ mười lăm phút nữa mình có thể ăn được rồi.

Nghe ông anh rề đứng ở bục cửa nói ra, Nguyễn vẫn đăm đăm nhìn cơn mưa hơi nhẹ hột :

— Tôi về, anh ! Hẹn anh hôm

khác, hôm nay tôi có hẹn với mấy người bạn quen. Xin phép anh tôi về vậy !

— Ồ ! Lạ chưa ! Ăn cơm rồi hẳn về ! Vợ quá ! Trời đang mưa, ướt hết.

Nguyễn cười nụ :

— Ra đường đón taxi, nếu có ướt cũng ít thôi.

Nguyễn đưa tay khỏi hàng hiên, thăm chừng. Mưa còn bay lất phất. Ông anh rề nhòai đầu nhìn sang nhà xe. Chiếc xe Hoa Kỳ bóng lộn nằm im lìm. Ông ta hơi bần-khoãn, đoạn nhìn cái áo mưa hai lớp mousse và nỉ màu lam treo ở cuối phòng, góc thang lầu. Bước ra, bước vào mấy bước, nét mặt ông ta trở lại bình thường :

— Ủ ! Cậu vợ quá. Trời hãy còn mưa, để tôi bảo con Tư nó đem nón lá cậu mượn che đỡ từ đây ra đường.

— Thôi, phiền lắm, anh !

Nguyễn vừa nói, vừa chạy băng qua sân cát. Anh men theo bóng cây để tránh mưa. Nhưng mưa cứ rơi đũa xuống tóc, xuống mặt, ướt đầm cả áo. Đến đầu dãy phố, nhờ có mái hiên che, anh nép sát tường bước vội. Anh vén tay xem giờ lại lần nữa. Hừ ! Bảy giờ rưỡi rồi, phải

nhanh lên may còn kịp. Nguyễn phóng chạy như bay.

Những ngọn đèn đường lù mù buông ánh sáng nhạt nhẽo, buồn lê thê. Trời hoàn toàn tối hẳn. Mặt đường ngập nước, loang loáng như thoa mỡ. Thỉnh-thoảng vài chiếc xe vù qua, nước đọng vũng bắn lên tung toé. Đường vắng, phố cũng vắng hoe. Nguyễn băng qua được mấy ngã đường, vượt qua những cặp mắt thờ ơ của người hai bên phố. Vài người khách lỡ đước, đứng dụt mưa ở hàng hiên.



Dầm trận mưa khi hôm về đến nhà. Nguyễn lên cơn sốt, nằm vùi suốt ngày nay. Cảm thương thân phận cô độc lẻ loi của Nguyễn, cô láng giềng chạy sang thăm hỏi, nấu hộ anh ấm nước nóng. Nguyễn thấy mình ấm lại, hết sốt, tưởng chừng không cần phải uống thuốc nữa. Anh biết nhân nghĩa, tình thương là thế này đây. Nó phát xuất tự trái tim chân thành, thẳng thắn không vụ lợi.

Cũng như chiều qua, chiều nay lại mưa, mưa cho đến tối, rồi còn mưa mãi. Cô bạn láng giềng chạy đi đóng cửa hộ anh và bật đèn lên. Không khí trong nhà ấm lạ. Anh nghĩ đến trận mưa đêm qua để hình dung những người

dần mưa đêm nay. Không biết đã có bao nhiêu người trong mưa nhỉ?

Cô lảng giềng, nhìn mưa rồi nhìn sang bên nhà, đứng ở cửa sổ bán khoăn. Nguyễn ngồi tựa lưng vào tường chân duỗi thẳng trên divan, lim dim nghe mưa rơi rào rào trên mái ngói, tạo thành một âm thanh hỗn-độn, triền miên.

Có tiếng xe hơi chạy vào ngõ, điều này ít khi có, vì ngõ hẹp xoay trở khó khăn. Hẳn một ông khách nào cao hứng tốt bụng đi thăm bạn trong mưa! Tiếng xe nổ càng ngày càng rõ, ngừng lại trước nhà Nguyễn. Anh mở mắt nhìn qua khung cửa sổ. Bỗng anh mỉm cười, ngược nhìn lên, lầm bầm:

— À! Lại ông anh.

Cửa mở, ông anh rề Nguyễn chạy ùa vào, mang theo cơn gió lạnh.

— Anh Tư!

— Sao thế cậu, đau hả? Cậu làm chiều nay tôi trông hết hơi. Đến bây giờ chị vẫn còn đợi cậu xuống chích thuốc. Tôi phải lái xe lên rước cậu đây.

Nguyễn nhếch mép, thông thả:

— Tội nghiệp! Làm phiền anh. Nhưng tôi nằm liệt giường

làm sao xuống?

— Thế bây giờ, cậu rán đi nhá, một lát tôi đưa về đến đầu ngõ cho.

— Anh gọi người khác hay bác sĩ đến chích vậy. Tôi không làm sao đi nổi.

Ông anh rề Nguyễn thọt tay vào túi quần, đi lẩn ra cửa, chua chát:

— Ừ, thì thôi! Trời mưa gió thế này, tôi vẫn rán lên cậu.

Ông ta nhún vai, lảng lạng mở cửa chạy ra xe, không nói thêm tiếng nào nữa. Nguyễn thở dài:

— Tội nghiệp!

Cô lảng giềng này giờ vẫn nép ở cửa sổ, đưa mắt nhìn anh. Nàng không biết Nguyễn muốn nói tội nghiệp cho ai, cho chính bản thân anh hay ông anh rề, hay một người nào. Mắt nàng long lanh, đi đến rót ly nước trà nóng.

— Này! Anh uống ly nước nóng này cho ấm. Trời lạnh!...

Ngoài hiên, mưa tí tách rơi. Tiếng xe hơi mất dần ở đầu ngõ. Cô lảng giềng lặng lẽ nhìn ra. Trời tối đen, mưa gió rền rền thay câu nói...

PHƯƠNG-ANH



Chương II

(Tiếp theo P.T. số 40)

MỘ T số nhà văn có chút ít tiền, không cần đến các nhà xuất bản, và tự bỏ vốn ra in sách của mình và tự phát hành lấy. Vấn đề phát hành có những phiền phức bất ngờ và rất khó chịu, cần phải có một ý thức thật là thực tế về thương mại mới dám liều lĩnh một cuộc phiêu lưu như thế. Vì chính là một cuộc phiêu lưu khá nguy hiểm

★ **NGUYỄN-VỸ**

đối với những nhà văn có chút ít tiền mà dám bỏ ra in sách và tự mình gửi bán các nơi.

Tiền in phải trả ngay, vì nhiều khi chủ nhà in buộc tác giả phải đặt cọc tiền trước, hoặc một nửa số ấn phí, hoặc một phần ba. Thế là túi tiền của nhà văn có được bao nhiêu phải trút vào đó hết sạch. Sách in xong, phải

quảng cáo trong các báo. Hồi Tiền-chiến, sự quảng cáo này rất cần thiết để cho các hiệu sách các nơi đều biết đến quyền sách mới phát hành. Nhà văn có hai cách bán sách của mình, khác hơn các nhà tổng phát hành và các nhà xuất bản chuyên-nghiệp : bán tiền mặt và gửi nhờ bán dùm (*dépôt en consignation*). Một số đại lý sẵn sàng gửi bưu-phiếu về tác giả, để mua một số sách trừ tiền hoa hồng khá cao, thường thường là 25 phần 100, hoặc 30 phần 100. Họ có thể mua từ 100 quyền đến 500 hoặc 1.000 quyền tùy theo quyền sách mà họ biết trước sẽ bán được nhiều hay ít, và tùy theo địa điểm của họ.

Các tiệm sách lớn ở Huế, Saigon và Nam-vang thường thường là những khách hàng quan trọng hơn cả. Thời tiền chiến, ba nơi ấy tiêu thụ hơn một nửa tổng số sách phát hành. Kế đến Thanh Hóa, Vinh, (Nghệ - An) Đà Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ, Mỹ Tho, Biên Hòa, Long Xuyên, Battambang, (Cao Miên) Vientiane (Lào), rồi sau cùng là các thành phố khác.

Thường thường, đối với miền Trung và miền Nam, các tác giả

tự xuất bản sách của mình ít gửi bán dùm theo cách *Consignation*, mặc dầu gửi như thế chỉ chịu hoa hồng từ 10o/o đến 12o/o thôi. Lý do thứ nhất, là nhà văn không có vốn, nên không thể để sách bán « câu dằm » như thế được. Lý do thứ hai là có một số đại lý bán sách rồi mà không chịu gửi tiền về cho tác giả. Họ chỉ gửi trả một phần tiền nào đó thôi, để rồi vài ba tháng sau tác giả viết thư hối thúc năm lần bảy lượt, họ mới dần dần thanh toán nốt. Vì đường sá xa xôi, các nhà văn không có dịp đi vào Trung và Nam, nên có nhiều khi sách gửi đi mà tiền không có gửi về, và Văn-sĩ Thi sĩ ở Hà-nội đành ngồi bó tay chịu thiệt. Các tác giả tự mình xuất bản sách và tự phát hành, thường bị lỗ vốn và nợ nhà in là vì thế.

Riêng ở Hà-nội, các tác giả thân hành ôm sách đến gửi tại các tiệm sách để *consignation*. Cả thành phố Hà-nội có độ sáu bảy nhà sách lớn và vài chục tiệm sách nhỏ. Lớn, như nhà *Thụy Ký* ở Hàng-Gai, *Tô-văn-Đức* ở Cầu-Gỗ, *Nam Ký* ở Bờ-Hồ, v. v... là những nơi tập-trung một số lớn khách hàng của giới văn học.

Các tiệm sách ở Hải - phòng, Nam - Định, Nam - Bình, Hải-Dương, Bắc Giang, Hà - Đông, Sơn-Tây, Thái-Bình, v.v... cũng nhận sách gửi *Consignation* hoặc mua tiền mặt bằng bưu-phiếu.

Phải nói ngay rằng tiền in ở Hà-nội hồi tiền-chiến thật rẻ, và các nhà in lớn như *Cộng - Lực*, *Lê-Cường*, *Trung Bắc*, *Thụy-Ký*, *Mai-Lâm*, *Đông Tây*, v.v... đều quen biết nhiều các nhà văn, nên sự trả tiền in cũng được dễ - dãi đôi phần. Đó cũng là một trong những điều kiện rất thuận lợi cho việc sáng tác văn học hồi tiền-chiến mà tôi đã đề cập trong mấy chương trước.

✱

Mười hai giờ khuya chủ nhật giữa một đêm đông lạnh thấu xương, một cặp Văn-sĩ, một anh khoát áo trench-coat, một anh trùm chiếc pardessus, cả hai đều để đầu trần, lê đôi giày rách, cuốc bộ về vùng Ô-Chợ-Dừa, cuối xóm Khâm Thiên. Hai chàng đều trẻ tuổi, mới độ 25, 26. Một chàng vừa ở Trường Đại-học ra, đầu óc đầy những tình thơ, ý nhạc, và đã nguệch ngoạc một đống thơ cũ, thơ mới, vút bừa bãi trong phòng trọ của chàng.

Chàng kia làm nghề dạy học, và ngày đêm nhồi nhét trong óc các sách triết, từ Descartes đến Marx, Engels, từ Platon đến Bergson, Freud. Cả hai đều chứa-chất tư-tưởng cách - mạng chính-trị và văn-nghệ.

Về phòng trọ, bật đèn điện lên, lấy bình tích rót ra hai tách nước. trà nóng, hai chàng để nguyên áo ấm và đôi giày ngâm nước, ngồi hai chiếc ghế xalông, nhìn nhau cười hả hả.

Một chàng bảo :

— Hay là tội mình cho ra một tờ báo Pháp văn và Việt-văn, để chủ người Pháp chơi nhí, và cải-cách văn thơ Việt Nam ?

Chàng kia mặt đỏ, chằm thuốc hút :

— Ừ, làm chơi, sợ gì !

Thế là không cần bàn cãi nữa, đôi bạn trẻ lấy một mớ giấy trắng trải lên trên bàn và hai ba cây bút chì, rồi chàng giáo sư ngồi « vẽ maquette » tờ báo sắp cho ra đời, chàng thi-sĩ viết đơn đề sáng mai gửi lên Biện lý. Cái đơn chỉ vắn vện mấy giòng chữ Pháp :

Chúng tôi, tên là 25 tuổi, và 26 tuổi, hiện ở phố Khâm-Thiên, số nhà . . . ngoài ô Hà-nội.

Trân trọng tin ông biết rằng, trong 48 giờ đồng hồ sau đây chúng tôi sẽ cho ra một tờ tuần

báo bằng Pháp văn và Việt-văn, tên là chuyên về chính trị, xã hội và văn học.

Tòa soạn đặt trên lầu số nhà phố Khâm Thiên, ngoại ô Hà nội.

Hai chúng tôi đều là Chủ-nhiệm. Trân trọng kính chào ông Biện lý.

Ký tên

.....

Đơn viết tay, vì không có máy đánh chữ. Hai đứa đều hăng hái ký tên. Chàng kia vẽ "maquette" tờ báo với chì xanh chì đỏ hai màu coi cũng được.

Xong rồi, hai đứa chia nhau viết bài :

— Cậu viết bài kêu gọi thanh niên hăng hái đứng dậy : cậu đề hai chữ La-tinh « Fiat lux ! » cho sôi máu lên đi ! Tôi viết bài chủ trương một cuộc cách mạng Văn Thơ. Cho hai phong trào cách mạng đi song song với nhau chứ nhỉ ?

— Ừ, tôi viết một loạt bài, đề là : « Bạn trẻ 20 tuổi, Bạn là ai ? Bạn đi đâu ? » Cậu thì đập mấy thằng Thi-sĩ vênh-váo, hỏi chúng nó định lôi nàng Thơ Việt Nam đi đâu ? »

— Tôi giảng giải về những quan điểm cách mạng Văn thơ

của tụi mình. Tôi muốn viết luôn một bài đả kích chánh sách Thuộc địa.

— Phải rồi, tờ báo của tụi mình phải chủ trương cách mạng. Tôi viết thêm một bài về tinh thần tự do của dân tộc Việt Nam trong Ca-dao. Cậu có muốn công kích Bảo Đại không ?

— Không.

— Sao thế ?

— Công kích nó, mà nó không trả lời thì công kích làm chi ? Cứ việc đả kích thằng Tây thì tức nhiên là động đến đứa con nuôi của hắn.

Đồng hồ hàng xóm đã điểm 2 giờ khuya. Trong phòng vắng vẻ, một ngọn đèn vàng, hai cái đầu xanh, hai chiếc bóng :

— À, mà tụi mình lấy đầu ra tiền đề in tờ báo nhỉ ? Cậu có xu nào không ?

— Ừ nhỉ, chúng mình quên cái vấn đề ấy chứ !

Hai đứa nhìn nhau cười hà hà !

— Mặc kệ ! Cứ viết cho đủ bài số 1 rồi hăng hay !

Hai đứa hai cái bàn, cầm đầu viết, viết, viết.

Xong xuôi hết, trời vừa sáng. Quần, áo và giày vẫn còn y nguyên trong người như lúc 12 giờ khuya đi chơi về, chưa thay,

— Này nhé, 8 giờ cậu với tôi đến ông Biện lý nộp đơn. Xong, tôi đến nhà in Đông Tây, điều đình với lão Dương Tự Quán cho mình in chịu 3 số báo. Cậu đến trường học, ngoại giao với xừ Hiệu trưởng cho tụi mình mượn 5 đồng để làm cái bản kẽm tên Báo, và mua tem gửi báo. Thế là đủ, chứ gì ?

— Thừa chẵn !

Hai đứa còn trong túi hai đồng xu, xuống dưới nhà mua hai xu xôi, ăn vừa no, uống một hụm nước với, rồi lốc-cốc cuốc bộ đến Tòa án, đường Gambetta, vào nộp đơn cho Biện-ly, vừa đúng 8 giờ.

48 giờ sau, sáng ngày thứ Tư, tờ báo số 1 hầy còn ướt mực, đã ra chào đời. Một tụi học trò con nít được gọi đến tòa báo nhờ xếp báo, dán băng. ôm báo đi gọi các tiệm sách, làm giúp cho « thầy ».

Hai chàng Văn-sĩ thanh-niên

nằm ngênh ngang trên giường, trùm chăn cho ấm, cầm mỗi chàng một tờ báo, miệng cười khúc khích đọc lại những bài mình đã viết hồi 3 giờ khuya chủ nhật vừa qua.

Buổi chiều, trong thành phố Hà-nội, tờ báo của đôi bạn trẻ đã gây ra dư luận xôn xao... cả trong giới trí thức người Pháp lẫn người Nam.



Thưa các bạn, hầu hết những tờ báo do tự sức làm lấy của các nhà Văn nhà Thơ hồi Tiền chiến ở Hà-nội, đều đã ra đời trong những trường hợp bất-ngờ và lý-thú đại khái như thế cả.

Ấy là thời kỳ tự do lãng mạn, kỳ thú, nhất trong Văn-học-sử Việt-Nam.

KỶ SAU : Chương III. Các Ký giả và các chủ Báo.



* DANH NGÔN - ĐAU KHỔ

Không có gì làm cho ta thật là vất vả đại bằng một đau khổ vĩ đại.

(Rien ne nous rend si grands qu'une grande douleur)

Thi-sĩ ALFRED DE MUSSET
(Nuitt de Mai)

MỐI
TÌNH
CAY
ĐĂNG
của
**GEORGE
SAND**
và
CHOPIN



(Tiểu theo P.T. 40)

« Những giọt-lệ từ trên trời rơi xuống tim anh »

(Hình của CHOPIN do chính tay Nữ sĩ George Sand vẽ)

O đây được vài tháng, bệnh tình của Chopin trở nên trầm trọng. Ông cứ ho ra máu luôn, nhưng mặc dầu các bác sĩ cho George biết là Chopin bị ho lao nặng, George cứ nhất định không tin. Vì quá yêu tình nhân, nàng không muốn nghĩ rằng chàng ho lao thật. Nàng từ chối các thuốc ho lao của bác sĩ cho chàng uống. Chopin thì hay

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SÔI NỔI

quạo quạ, và hơi có điều gì trái ý là gắt gỏng ngay. George cố hết sức giữ không khí trong gia đình cho được yên vui trọn vẹn, nhưng cũng không sao được vì người yêu kém sức khoẻ đâm ra tính nết bất thường. Thỉnh-thoảng chàng như điên cuồng, la hét âm ỉ lên. Theo nhật-ký của George Sand thì bản nhạc bất hủ của Chopin là *Préludes*, chàng vừa viết vừa khóc, sau một cơn ho khạc ra nhiều máu.

« Tôi đi dạo chơi ngoài biển, nhưng không yên lòng, vẫn lo ngại bệnh tình của Chopin dạo này ốm yếu quá. Tôi vội vã về nhà, thấy anh vừa soạn bản « *Préludes* » vừa khóc nức nở ! Trông thấy tôi, anh vụt đứng dậy, hét lên một tiếng, mắt đăm đăm nhìn tôi : « Á ! Anh biết rằng em đã chết rồi ! » Tôi ôm chăm lấy anh. Một lúc, anh tỉnh trí, nhìn tôi và bảo : « Em đi chơi, anh ở nhà đợi em, anh soạn bản nhạc nhưng vẫn mê-mán, nghĩ rằng em đã chết, và anh đã chết. Anh thấy anh chết trôi trong một cái hồ, những giọt nước đá lạnh và nặng nề rơi tí tách trên ngực anh. » Thế rồi, đêm ấy, Chopin thức soạn tiếp bản nhạc, réo rất thê lương như những giọt

lệ từ trên trời rơi xuống trái tim anh ».

Bệnh tình của Chopin bắt buộc George Sand phải đưa người yêu trở về Pháp. Đi trên chiếc tàu buôn *El Mallorquin* chở đầy những con heo kêu éc-éc suốt đêm, Chopin không ngủ được, lại bị viên thuyền trưởng người Et-pa-nhôn đuổi ông xuống nằm riêng dưới hầm tàu, vì y thấy ông ho ra máu « sợ lây bệnh ho lao cho thủy thủ và bầy heo » ! Đến Barcelone, George Sand đưa tình nhân sang chiếc tàu buôn khác, *Le Phénicien*, của người Pháp. Nàng cho viên thuyền trưởng Pháp biết rằng nàng là George Sand, và chàng là Chopin. Viên thuyền trưởng niềm nở tiếp đón, và khi biết Chopin bị ho nặng, y rước Nhạc sĩ vào một phòng kín gió, và y hết sức chăm lo săn sóc cho chàng. Đến Marseille, George thuê khách sạn *Hotel de Beauvau*, ở với người yêu.

Được mấy hôm, ngày 26 tháng 2, 1839, George viết thư cho cô bạn gái Marliani như sau đây :

« Tôi muốn cho chị biết tin tức về người bệnh nhân yêu-quý của

tôi, vì tôi biết chị cũng có nhiều cảm tình quý mến anh ấy. Chị Mariani ạ, hôm nay anh ấy đã ốm lắm rồi. Đi ba mươi sáu giờ trên thuyền rất là mệt nhọc, nhưng anh vẫn chịu đựng được. Hôm nay, anh không khạc ra máu nữa. Anh ngủ ngon giấc. Khi hậu ở nước Pháp đã đem lại sự êm dịu cho sức khoẻ của anh. Ở đây, người Pháp không bạc đãi Chopin, chiếc giường anh nằm chắc họ không đem đốt đâu. Người ta bắt tay anh mà không lo ngại. Tôi sẽ cố gắng săn sóc thuốc men cho anh mau bình phục rồi chúng tôi sẽ trở về Paris... »

Cùng ở chung với Chopin và

George Sand, có cả hai người con riêng của George : cậu Maurice Sand, và cô Solange Sand. Maurice sau lớn lên cũng thành Văn sĩ và họa sĩ có danh tiếng, sáng tác nhiều văn phẩm có giá trị. Solange sau lấy chồng là nhà Điêu-khắc Clesinger, tác nhiều pho tượng nhất là pho tượng của bà mẹ vợ, George Sand, hiện nay vẫn còn ở Paris, tượng của Napoléon 1er, François 1er, Solange Sand, v.v... (1)

Ở đây được ba tháng, Chopin béo tốt trở lại, bớt ho nhiều, và tính tình vui vẻ như xưa. Tháng 5, 1839, George Sand đưa chàng về Nohant, quê của nàng, với Maurice và Solange.



M Ừ A Hè, ở quê nhà, được nắng đẹp và gió mát, biệt thự Nohant của George

đại là một ngôi nhà giàu sang, xinh xắn, ở giữa một khu vườn rộng lớn, đầy cây cỏ, bông hoa.

George Sand hoàn toàn là bà chủ trong gia đình, với người yêu gần chính thức như chồng, và hai đứa con riêng thông minh

và nghịch ngợm, cả hai đều kính mến nhà Nhạc sĩ tài danh. Hôm nàng đưa Chopin về ở đây, nàng có lấy bút chì ghi

trên một cánh cửa sổ trong buồng ngủ của nàng những chữ số : 19 Juin 1839, hiện nay vẫn

(1) Pho tượng George Sand dựng trong Công-viên Luxembourg, ở Đền Panthéon, ở Paris hiện bây giờ vẫn còn, là tác phẩm của nhà điêu khắc François Sicard, chứ không phải của Clesinger.

**Tình yêu không
thỏa-mãn, vì sức
khỏe của chàng**

còn. Có lẽ nàng muốn kỷ-niệm một cuộc đời mới giữa nàng với Chopin bắt đầu từ bây giờ mà nàng mong ước sẽ đầy đủ hạnh-phúc chăng ?

Trong một bức thư gửi cho một người bạn, George có nói ý-định của nàng quyết từ đây không lang bang lộn xộn nữa, và sẽ hoàn toàn hy-sinh đời sống cho chàng, cho hai đứa con của nàng, và cho Văn-ngệ.

Nàng đã mang tiếng là một phụ nữ rất đa tình, nhưng từ nay nàng nhất định giữ gìn đứng đắn, để dồn hết tình yêu cho một người mà thôi. Các bạn Văn nghệ ở Paris được tin ấy, rất vui mừng và khen ngợi nàng. Cho đến các bà bạn quý phái của George ở Thủ đô Paris viết thư thăm nàng cũng thường viết nơi cuối thư một câu : « Hôn Chopin, Maurice và Solange », coi Nhạc sĩ Chopin như người bạn trăm-năm chánh thức của Nữ-sĩ George.

Chopin lại rất đáng yêu, và tuy rằng ai cũng biết chàng là tình nhân của George Sand, nhưng chàng vẫn dè-dặt, nhàn-nhận, nói chuyện với ai về Geor-

ge chàng cũng chỉ gọi nàng là « Bà chủ nhà » hoặc « Bà bạn của tôi ».

Cả mùa hè, Chopin và George hoàn toàn sung sướng. George viết văn, mỗi ngày nàng viết từ 15 đến 20 trang, và gửi bản thảo đăng trong « Tạp chí Hai Thế giới » *La Revue des deux Mondes*.

Nhưng tính Chopin lại ưa tĩnh mịch, thường những lúc George viết thì chàng đi dạo chơi lang thang một mình trong khu vườn rộng, ngồi dưới gốc cây để mơ mộng, nghe chim hót, hoặc trèo lên cây hái hoa, rồi vào phòng riêng, đóng kín cửa, soạn các bản nhạc, đánh đàn. Từ ngày Chopin về ở đây với George, cả xóm đều được nghe vang dội tiếng dương cầm réo rắt của chàng, ngày hai buổi, có khi đến 9, 10 giờ đêm. Nhưng bác sĩ cấm chàng đi chơi xa ra khỏi nhà, mà George và hai người con thì lại thích đi bộ chơi xa trong vùng. Chính trong khoảng thời gian này, Chopin soạn ra những bản *Sonate, Nocturne*, và ba bản *Mazurkas*. George đã giỏi âm nhạc, lại biết thường thức tài nghệ của Chopin, nên nàng rất hãnh diện

và thích thú được nghe những bản nhạc của chàng đặt ra tại nơi nhà nàng, trong lúc yêu nàng tha thiết, say mê.

Trong quyển nhật ký của Chopin, chàng có chép như sau đây, ngày 12-10-1839 :

« Người ta bảo rằng tôi đã khoẻ mạnh hơn trước nhiều. Hết ho và hết thấy đau rau trong phổi. Nhưng tôi lại cảm thấy đau xót tận trong đáy lòng. Đôi mắt của Bình - Minh (1) như bị áng mây che mờ. Chỉ khi nào tôi đánh đờng cầm thì đôi mắt ấy mới sáng rực lên. Mươi ngón tay của tôi lướt êm trên dây phím đàn, thì nàng ngồi bên cạnh, chép mau lẹ những nốt nhạc của tôi đặt ra. Ngòi bút của nàng bay nhẹ nhàng trên giấy nhạc. Nàng có thể vừa nghe tôi, vừa chép, chép ở trên, chép ở bên, nhạc của Chopin êm dịu, nhạc của Chopin trong xanh như những lời yêu đương. Bình - Minh em ơi, vì em anh có thể bỏ cả mọi việc, anh có thể hiến cho em tất cả ! Một tia mắt của em, một nụ cười của em, một vuốt ve đơn trớn của em, trong lúc anh mệt nhọc, làm cho anh khoẻ lại. Anh chỉ sống cho em thôi. Anh chỉ vì em mà sáng tác ra những âm điệu mê ly. Nhưng em yêu quý ơi,

sao đôi mắt của em lại mờ mờ như bị áng mây che ? Em có tàn nhẫn với anh không ? »

George Sand tàn nhẫn với Chopin ? Không đâu.

Nhưng số kiếp của Chopin tàn nhẫn lắm. Số kiếp bất chàng Nhạc sĩ tài hoa phải mang bệnh ho lao. George Sand tận tụy săn sóc thuốc men, [tưởng Chopin đã lành bệnh, nhưng chứng bệnh khốn nạn vẫn ngấm ngấm trở lại, tàn ác phá hoại hao mòn cơ thể của chàng.

Các Bác sĩ đều khuyên George không nên ngủ chung với bệnh nhân, để giữ gìn sức khoẻ của chàng. Căn bệnh nguy hiểm của Chopin không cho phép chàng được hưởng những thú vui của tình dục. Vì thế, George phải ngủ riêng, lúc đầu chưa dứt hẳn, còn giữ gìn điều độ, giảm bớt, nhưng dần dần sợ nguy hại cho chàng, nàng phải thôi hẳn.

Chopin cảm thấy như bị người yêu cho ra rìa. Chàng tức giận rồi đâm ra ghen tuông vợ vẫn. Chàng đòi về Paris để tiếp tục dạy các đệ tử cũ vẫn quyền luyện chàng và mong đợi chàng về. George Sand cũng theo chàng trở lên Paris.

(1) Aurora (= Bình - Minh), tên thật của George Sand.

ĐẾN Paris, George Sand thuê riêng hai căn nhà, một căn ở số 16 đường Pigalle

để nàng ở với hai người con, một căn ở số 5 đường Tronchet để Chopin ở. Hai căn nhà tuy ở

hai đường phố nhưng vẫn gần nhau, chỉ cách một khu vườn hoa đẹp và khá rộng. Nhưng ít lâu sau, Chopin có độc quá chịu không nổi, và cần có sự săn sóc thường xuyên của George, nên nàng lại đưa chàng về ở chung một nhà. Sa đó, muốn cho có bạn bè đồng đúc vui vẻ, bà Marliani, bạn thân của George, đưa George và Chopin về ở công trường d'Orléans, một cư xá xinh đẹp, toàn là lầu đài sang trọng, phần nhiều là của các chính khách, Văn sĩ nghệ sĩ thuê ở. Nơi đây, bạn của George Sand và Chopin toàn là những nhà Văn có tiếng tăm, và những nhà chính trị cách mạng có uy tín : vợ chồng Marliani, Balzac, Henri Heine, Arago, Marie Dorval, Thi sĩ lừng danh của Ba lan : Mickiewicz, Công chúa Czar-

toryska, nữ Ba-tước Delphine Potocka, Betty de Rothschild, Họa-sĩ Delacroix, vợ chồng văn-sĩ Viardot, v.v...

**Yêu nhau vì tài,
cuộc tình-duyên
vẫn khốn-khít**

Nơi đây, nhiều ông mê George Sand và gã - gãm nàng, nhất là Henri Heine, nhưng không

ăn thua gì. George phục tài của Thi-sĩ Ba-lan Mickiewicz, nhưng vẫn ca ngợi Chopin với những lời âu yếm :

« Anh Chopin hiền lành dễ thương như một vị Thiên-thần. Không có tình bạn thân yêu của Chopin, chắc cái văn tài của tôi cũng vút đi... Thấy xã hội xấu xa bản tiện, tôi chán ghét lắm, nhờ có anh Chopin tôi mới có can đảm và yêu đời... Chopin vẫn còn ho hoai, nhưng anh là một nhân tài của thế kỷ chúng ta, một nhân tài lỗi lạc nhất, hiền lành nhất, khiêm tốn nhất, đáng yêu nhất, đáng kính trọng nhất... v.v... » Cái gì của Chopin, đối với George Sand, cũng là nhất cả.

Phải, khi người ta thành-thật yêu nhau, thì người yêu là nhất cả, nhưng bạn bè của George Sand xét kỹ lại thì

người yêu của nàng kể ra cũng đáng là bậc nhất thật sự, chứ không phải nói ngoa.

Chính Thi - sĩ Alfred de Musset cũng phải bảo : « Tôi giận George Sand lắm, tôi không thể nào chịu nổi tính nết của nàng, nhưng thấy nàng yêu Chopin tôi vui mừng cho nàng hơn là khi tôi thấy nàng đeo theo thằng cha bác sĩ ở Venise ».

Nhưng ở Paris ồn ào náo nhiệt quá, và ăn tiêu tốn kém quá, George Sand trở về quê Nohant, để được yên tĩnh hơn, Nàng ở luôn đây trong 6 năm, từ 1841 đến 1846, xây lại cái ổ cho « ba con chim con » của nàng, theo lời nàng nói đùa : « ba đứa con của tôi » là Chopin, và Maurice, Solange.

Tiếng dương cầm của Chopin lại vang lừng ở Nohant, tạo một làn không-khí âm - nhạc tung bừng náo nức cả một vùng quê.

Nhiều bạn Văn nghệ ở Paris thường rủ nhau về nơi ẩn

dật này để vui sống với cặp uyên-ương say mê của thời đại : Pauline Viardot ca hát, để Chopin đờn những bản của Mozart và Bach. Họa-sĩ Delacroix vẽ ở đây để vẽ. George sửa sang cho chàng riêng một phòng vẽ.

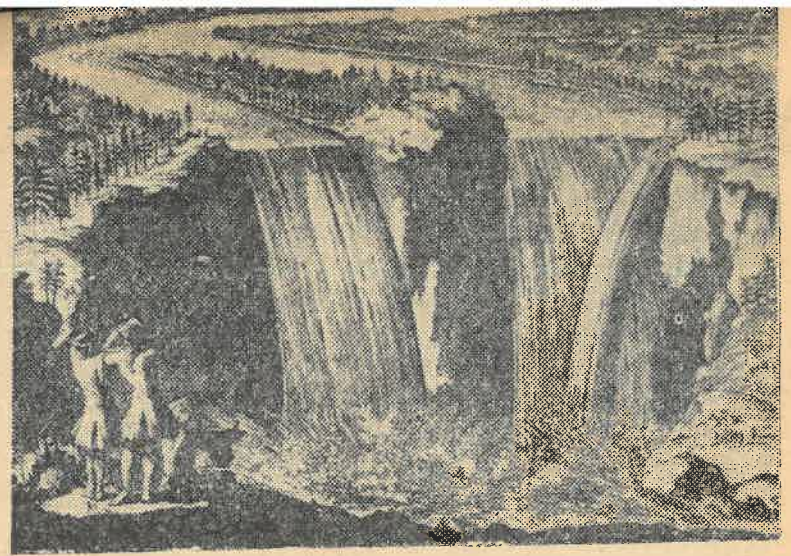
Con trai của nàng, Maurice Sand 20 tuổi, được nàng cho học vẽ với nhà danh họa. Chopin thích ngồi nói chuyện cả buổi với Delacroix về nghệ thuật. George Sand ngồi nghe mơ màng, thích thú. Họ sống nơi đây một cuộc đời lý tưởng về văn nghệ. Nohant y như một cảnh Thiên-đàng của văn nghệ lãng mạn, nơi tụ hội của các vị Thần tiên thơ mộng, như các Thi sĩ, Nữ-sĩ trong thần thoại xa xưa. George đang viết truyện *Consuelo*, quyển tiểu thuyết hay nhất của nàng, xuất bản ở Paris được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt... George Sand hoàn toàn vui sướng.

(Kỳ sau hết)



✱ **Những câu văn lý thú.**

- « Anh yêu em hai mươi bốn giờ hơn hôm qua »
(Trong báo *Rire* của Pháp)
- « Vợ của tôi là một trái bom nguyên tử »
(Trong báo *Life* của Mỹ)



**vượt
qua
thác**

NIAGARA

ra đây để hiến quý vị độc giả xem cho vui. Đó là những câu chuyện xưa có, nay có.

**Đi đây trên thác
Niagara**

Đầu năm nay 1960, có một số nghệ sĩ Đức (trong đó có một thiếu nữ) đến Saigon, biểu diễn về môn đi trên dây. Họ thuộc đoàn ZUGPITZARTISTEN (Zugpitz là tên hòn núi cao nhất ở Đức, thuộc dãy Alps). Họ đã làm cho khán giả Việt Nam tại Saigon, tại Nha-trang và những ai xem trong các rạp chiếu bóng về mục thời-sự ngạc

TRONG PHỔ-THÔNG số 39, bạn Trần Phong có viết bài nhan đề là « Một hiện tượng kỳ dị : Thác Niagara ngưng chảy ». Đầu đề ấy đủ cho độc giả hiểu trong bài nói gì rồi, chúng tôi xin miễn nhắc lại. Nhưng bài ấy lại làm cho chúng tôi nhớ lại vài mẩu chuyện về thác Niagara, xin kể

✱ **NGUYỄN HỮU-THỨ**

nhiên, khen ngợi : Các tài tử Đức đã đi trên dây thật cao, với chiếc xe, có khi bị mất...

Cách đây đúng một trăm năm, có người Pháp đã đi dây trên thác Niagara, có khi cũng bị mất, cử động quá dễ dàng, cũng đã làm cho khán giả có lúc gần rụng tim. Người đó là JEAN-FRANÇOIS GRAVELET, tục danh BLONDIN, con một người đã từng chiến đấu trong những đạo quân của Napoléon vào đầu thế kỷ XIX. Blondin có khả năng đặc biệt về nhào lộn trên không, đi dây, leo, trèo... nên nổi tiếng về môn này, ông nổi tiếng không những ở Pháp mà còn cả ở Âu-châu nữa nên ông có cơ hội đi biểu diễn nhiều nơi. Cũng vì thế, khi Blondin tỏ ý sẽ qua Hoa Kỳ, đi dây trên thác Niagara, ai biết được đâu cho rằng câu chuyện quá hấp dẫn. Báo chí thời ấy tuy chưa thịnh hành như ngày nay, cũng đã làm quảng cáo rầm rộ. Rất nhiều người tiếc không thể qua tận Hoa Kỳ để xem cho được cảnh biểu diễn ngoạn mục, vì thời ấy tàu bè đi chưa được nhanh chóng, bảo đảm. Tuy thế, số người theo Blondin qua bên kia Đại-tây-

dương không phải là ít.

Vào cuối tháng sáu 1859, khi Blondin đã qua Hoa-kỳ, người ta căn sợi dây dày 7 phân, bằng sắt, trên thác. Về phía Gia-nã-đại, dây được cột vào những cọc sắt thật mạnh; về phía Hoa Kỳ, dây được căn bởi những con ngựa kéo. Vì dây dài đến 300 mét nên cứ từng đoạn, người ta dùng những dây phụ mà căn thêm; chỉ đoạn giữa là không thể căn được vì không tìm ra nơi tựa của dây căng; thành thử đoạn này thấp hơn đoạn hai đầu những mười lăm, hai mươi thước và cứ đưa qua, lại theo gió, xem rất nguy hiểm cho việc đi dây ở trên.

Ngày 30 tháng sáu 1859, Blondin biểu diễn. Thật là một ngày hội quốc tế : một bên người Gia-nã-đại, một bên người Hoa Kỳ, ở hai bên đều có du khách ngoại quốc, đứng xem đông nghịt. Chỗ chợ đen cũng xuất hiện như trong những trận cầu quốc tế hay như thời hôn lễ hay đăng quang của Nữ-hoàng Elizabeth : trả thật đắt mới có một chỗ tốt để xem, ở những rạp mà những người có óc « áp - phe » dựng lên

ở gần thác. Người ta không chịu bình tĩnh ngồi xem; để tăng phần hồi hộp, người ta còn « cá » những số tiền lớn : kể cho rằng Blondin không tài nào qua thác nước được; người lại cho rằng y sẽ thành công. Đó là vì những người cá chỉ mới nghe tài của y mà chưa tận mắt thưởng thức tài đó.

Hôm 30-6-1859 ấy, Blondin không những đi một mình tay không mà còn mang theo một cục lác nặng những... 25 kg ! Y đi trên dây, ra đoạn giữa tức là đoạn lung lay theo gió, cong vòng và dễ ngã vô cùng, y đứng lại, nhẩy vọt nguy hiểm, nam xuống mà để cục nặng trên mình, rồi trở dậy thông dong qua đến bờ phía Gia-nã-đại. Ban nhạc Gia-nã-đại hứng quá thổi quốc thiều Pháp « La Marseillaise », khán giả hoan hô triệt để. Blondin tươi cười ngồi nghỉ độ 15 phút, nửa giờ, rồi trở lên đi lại. Lần này, y cầm một cái ghế, đem ra giữa thác lại đặt ghế trên dây, ngồi cười làm cho khán giả hai bên — tuy khá xa — cũng la ó đến gần như điên. Những người đã « cá » thảng sượng đã đành mà thua

cũng không buồn vì cảnh thật, quá trí tưởng tượng.

Thành tích của Blondin làm cho nhà cầm quyền Hoa-kỳ cũng thỏa mãn nên nhân ngày quốc-khánh 4 tháng bảy (ngày tuyên bố độc lập năm 1776), mời Blondin biểu diễn một lần nữa. Blondin nhận lời liền và kết quả đạt được không kém trước, có lẽ còn đông người đến xem hơn nữa. Blondin là người Pháp mà ngày quốc-khánh Pháp lại là ngày 14 tháng bảy (kỷ niệm ngày đốt Lao xá La Bastille ở Paris ngày 14-7-1789), Blondin lại xin biểu diễn cho khán giả Hoa kỳ cùng Gia-nã-đại xem một lần nữa trước khi về nước. Nhưng y không tự-do về nước được theo ý muốn : người ta yêu cầu y tái diễn nhiều lần nữa. Có đặc điểm là không bao giờ Blondin làm y hết như cũ : khi đi thế này, khi đi thế khác; khi đứng thẳng, khi đi ngược hoặc đi trong ban đêm, có đèn hay tắt đèn... Hơn nữa, có khi Blondin lại công một người trên tay. Không phải ai cũng có can đảm để cho Blondin công vì vạn nhất hai người rơi xuống nước, chắc không ai còn sống được. Chỉ có người

phụ tá của Blondin là HARRY COLCORD, vì nhiều lý do phức tạp, đã nhận lời ngồi trên lưng của chủ. Colcord không phải là một người nhỏ con mà là một người thuộc hạng trung bình, nghĩa là cũng trên 60 kg ! Cũng một đoạn, Blondin phải nghĩ ; chỗ chọn nghĩ là ở các nơi có dây căng thẳng cột vào các mỏm đá. Có người đầy ác ý lại cắt đứt một dây nên Blondin phải đi đoạn dài hơn mới để Colcord xuống nghĩ ít nhiều được. Mỗi lần nghĩ là một lần làm cho Colcord toát mồ hôi lạnh. Tuy thế, hai người vẫn đi đến nơi đến chốn, làm cho nhiều người cảm động quá phải khóc và đã... cầu nguyện cho hai người ! Hôm đó, có đến ba chục vạn người dự xem.

Sau đó, Blondin về Âu-châu, biểu diễn nhiều nơi, được Hội-viện CRYSTAL PALACE ở Luân-đôn ký hợp đồng thuê trình diễn dài hạn. Khán giả Anh cũng khâm phục tài của Blondin không khác gì khán giả Hoa-kỳ hay Gia-nã-đại. Tuy vậy, về sau ông bị bội tín nên hết cả tiền tiêu, phải ra trình-diễn trước khán giả lúc đã 72

tuổi. Năm 1897, ông qua đời bình thường, thọ 75 tuổi.

Trong giai đoạn vài chục năm sau, nhiều người muốn bắt chước Blondin mà không được ; có người phải bỏ mạng. Từ đó cho đến nay, chưa có một ai có thể thành công trong công việc của Blondin. Ngày nay, nhóm Zugpizartisten của Đức cũng rất nổi tiếng về việc đi dây với những vật mang theo, với mắt bịt trên không gian cao ngợp người. Thế mà họ cũng không tái diễn được thành tích của Blondin, có lẽ vô tiền khoáng hậu.

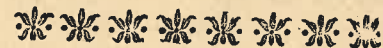
Vượt qua Thác Niagara ngày nay : Trong phim và trong đời

Một trong những phim hay nhất của GARY COOPER là cuốn « LES TUNIQUEES ECARLATES » (Đạo quân áo đỏ). Gary đóng vai một kiều dân Hoa kỳ phải len lỏi vào lãnh thổ mọi da đỏ để thực hiện một công tác, phải dùng mưu mô xảo quyệt để cùng trốn với một cô gái đẹp là Paulette Goddard. Hai người phải dùng thuyền để trốn và lúc đến thác Niagara cũng phải để cho thuyền trôi bập

ra sao thì ra. Cũng may là hai người bình an. Cảnh đó có lẽ phải giả tạo, tuy nhiên, nó cũng có tánh cách ngoạn mục và rất hấp dẫn.

Đó là trong phim. Trong đời, thành tích đặc biệt trong việc vượt thác Niagara lại thuộc về một em bé bảy tuổi. Trong thượng tuần tháng bảy 1960 vừa rồi, một em nhỏ tên là ROGER WOODWARD đi trên một chiếc thuyền máy với người chị tên DIANA WOOD.

WARD và một người đàn ông bạn trong gia đình. Chiếc thuyền vừa qua Hồ Eric, đến gần thác Niagara, thỉnh lình bị chìm. Nhiều người thấy thế vội xuống nước, chỉ vớt kịp cô Diane, còn em bé cùng người đàn ông bị nước cuốn. Một chốc sau, người ta tìm thấy em bé đang vùng vẫy ở dưới thác, còn người đàn ông không tìm thấy. Thế là em nhỏ đã vượt qua thác một cách bất ngờ và vô sự.



★ Trí nhớ của Napoléon Ier

Ai cũng biết Napoléon có trí nhớ phi thường. Cứ mỗi tuần, ông có lệ đi duyệt qua một lần đội quân Cận vệ của ông, và thích hỏi chuyện từng người. Một hôm, ông hỏi một người : « Anh có vợ chưa ? — Tàu Bê Hạ, có ạ — Được mấy cháu ? — Tàu Ngài, ba cháu ạ ». Hoàng đế hỏi người thứ nhì, người thứ ba, v.v... mỗi người một câu khác nhau. Rồi đến người thứ mười một : « Anh có vợ chưa ? — Tàu Ngài, có ạ. — Mấy cháu ? — Tàu Ngài, bốn cháu ạ ». Napoléon bước đi, sắp đến người bên cạnh, thì ông sực nhớ, quay lại bảo người vừa rồi : « Ừa, tuần trước anh nói anh có 9 đứa con, mà sao bây giờ anh chỉ có 4 đứa ? » Người lính tái mặt thưa : — Tàu Ngài, tại con thấy Ngài con run sợ nên con quên, con nói lộn ».

Napoléon mỉm cười bảo : « Chiều nay, anh bảo vợ anh đem cả 9 đứa con của anh đến đây, tôi thường đờ chơi cho chúng nó, và thường quạ cho vợ chồng anh, anh sẽ không quên nữa đâu, nhé !

— Dạ, con biết ơn Hoàng đế.

B. T.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 40)

CHỈ trong một cái chớp mắt, vầng thái dương như ở đáy hồ mọc lên. Trời đã sáng rõ.

Này đây là thế gian, là núi, là hồ, là lữ-quán, là căn phòng, và, Hải-Lan đang nhìn tôi, tươi cười, cô nói :

— Anh ơi ! Đời đẹp biết chừng nào, anh nhỉ ?

Tôi vuốt tóc cô, đáp :

— Đúng thế đấy, em ạ. Đời cứ thế này, đẹp mãi mãi, em à !

— Có phải không anh nhỉ, nếu chúng ta nắm được sự hòa hài, cho dầu chỉ trong một cái chớp-mắt đi nữa sự hòa hài đó cũng đủ đem lại cho chúng ta, cả một đời diễm phúc ?

— Em nói đúng, vì đó là sự tượng trưng của một cuộc vĩnh

CÔ GÁI ĐIÊN

sinh, hoàn toàn, đầy đủ.

Cô nhắm mắt lại, yên lặng hôn tôi.

Trong cái thời gian ngắn ngủi của buổi thanh thần, Hải-Lan chỉ toàn nói với tôi về quá khứ cùng là cái hồi thơ ấu ngây thơ của cô, mà thôi. Tuyệt nhiên, cô không chịu dả động mảy may tới hiện tại một tí nào. Cô cấm chỉ tôi, không cho tôi nói tới tương lai với bất cứ sự an-dốn nào về cuộc sống. Thế rồi, đến 9 giờ, cô đề nghị, nên ra về. Tôi không tỏ ý lưu luyến nơi đây, vì tôi tin rằng, rồi đây, chúng tôi sẽ cùng nhau an hưởng cuộc vĩnh-sinh một cách mỹ-mãn.

Tôi đưa Hải-Lan về y-viện Thánh-tâm. Trên con đường rộng thênh-thang, ít người, ít xe đi lại, tôi cho xe chạy lướt đi như bay. Hải-Lan chẳng nói gì, cô dang tay, ôm lấy tôi và nép người sát vào người tôi. Hai mắt cô lim-dim, cơ chừng cô đương thả hồn trong một cõi mộng say sưa.

Khi chiếc xe đỗ lại ở bậc thềm của y-viện, cô ghì chặt lấy tôi và nói :

— Thế bây giờ, em phải xuống, hay sao ?

— Tôi quay lại nhìn cô, tôi

chợt nhận thấy ở khóe mắt cô, có một nỗi buồn vô hạn. Tôi hỏi :
— Em yêu quý, vừa bảo gì, đấy nhỉ ?

— Em hỏi, có phải, em phải xuống đây một mình, không ?

— Em muốn anh đưa em vào, hay sao ?

— Không, không phải vậy đâu, anh à. Em vừa nghĩ tới Bạch-Tần...

Tôi liền ngắt lời cô, nói :

— Em quên rằng, thứ hai tới này, Bạch-Tần sẽ tới y-viện của y-sư Xa-lạp-Mỹ, và, sau đó chúng ta sẽ rảnh rang ; như vậy, chúng ta lại tiếp tục cái cách sinh hoạt, đúng như ngày hôm qua, để chúng ta tự tạo lấy cái thế giới đầy vui tươi, đầm ấm, chứ ? !

Nói rút lời, tôi hãm xe dừng lại, và chúng tôi hôn nhau.

Hải-Lan nói :

— Anh ạ, đó là việc thuộc về tương lai... Bây giờ thì em xin cáo biệt anh.

Cô chìa tay cho tôi bắt. Tôi hôn bàn tay cô và nói :

— Tái hội !

— Em xin chúc phúc anh... Thôi, từ biệt anh, nhé.

Cô ngoắt quay đi và chạy thẳng về phía cổng của y-viện. Sau, cô quay đầu lại, giơ tay vẫy tôi. Thế rồi, cô cúi đầu, vội vã, đưa chân

bước mau, tự hồ như hết sức khoan khoái, vui vẻ vô cùng vậy.

Tôi, một mình, trở về liệu-dương - viện, trong lòng ngồn-ngang trăm mối. Tôi về thẳng phòng riêng, ngồi xuống chiếc ghế bành, và, bắt giắc ôn lại các việc đã xảy ra. Thiệt chẳng khác gì một giấc mộng.

Cứ lấy lý luận ra mà nói, khi Bạch Tàn đến y viện của y-sư, cái phần trách nhiệm của tôi đối với nàng, quả, sẽ hoàn tất. Nhưng, tôi không rõ, tại sao, y-sư Xa-Lạp-Mỹ cứ khiết nhiên, chẳng hề bàn bạc gì với tôi cả. Trong khi bận bịu rối rít, tôi cũng quên khuấy hẳn đi, mà không đề cập tới việc ấy nữa. Có lẽ, ngay bây giờ, tôi phải đi tìm y-sư để đàm đạo cho dứt khoát mới được.

Cơ chừng như y-sư cũng đương mong gặp tôi, thì phải. Tôi vừa mở cửa, bước vào, y-sư hỏi ngay :

— Tiên sinh đến vừa đúng lúc, tôi đương dự định cho đi tìm tiên sinh.

— Thưa y-sư, có việc gì kia ạ?

— Chiếc phòng dành cho tiểu thư Thê-tư-Lãng đã được sắp đặt sẵn sàng cả. Khi nào tiểu-

thư đến đây, tôi sẽ cho kiểm tra thiết tường tế về thể chất nàng. Việc này, tôi đã ký thác cho y-sư Cao-Lãng. Tôi mong tiên sinh sẽ lấy lời ôn tồn, khéo léo, khuyến dụ tiểu thư, để nàng vui lòng đáp ứng việc khám nghiệm cần thiết đó.

— Thưa y-sư, tôi thiết nghĩ, một khi nàng đã tiếp thụ sự trị liệu của y-sư, lẽ đương nhiên, nàng sẽ vui lòng đáp- ứng sự khám- nghiệm này, thứ nhất việc ấy, y-sư cho là cần thiết... hoặc giả, y-sư đã dự đoán, việc khám nghiệm sẽ có một vấn đề gì đặc biệt, chẳng?

— Có, chứ ! Ta chớ quá lạc-quan, vì, tùy lúc, nàng vẫn có thể biến đổi tánh tình và làm lỡ cả đường lối trị-liệu của mình, tiên sinh nghe ra chưa ?

— Dạ, chúng tôi xin đồng ý với y-sư... Nhưng, riêng về phần trọng trách của tôi, thưa y-sư, có phải theo như điều giao ước, buổi đầu, một khi mà tiểu thư Thê-tư-Lãng trực tiếp nhận sự trị-liệu của y-sư, phận sự của tôi có thể coi là đã hoàn-toán, không kia ạ ?

Y-sư Xa-lạp-Mỹ ngược mặt, vênh bộ râu mép lên, hỏi tôi :

— Tiên sinh nói như vậy, là ý gì ?

— Thưa y-sư, ý tôi muốn xin phép y-sư thôi việc, vì từ nay, tiểu thư Thê-tư-Lãng sẽ do y-sư trực tiếp trị-liệu.

— Tiên-sinh xin thôi việc à ?

— Thưa vâng.

Vì y-sư có vẻ không được hài lòng, ông nói :

— Nhưng, trước đây, trong điều giao ước, tiên sinh có làm một bức chỉ-nguyện-thư, mà ?

— Dạ đúng. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ tình nguyện trợ-thủ y-sư khi nàng được chính y-sư săn sóc thôi.

— Đã đành rằng thế, nhưng, nàng chưa hẳn đã nhất nhất tuân theo trị-liệu-pháp... Nàng có thể đòi ý, bất cứ lúc nào.

— Thưa, việc đó ở ngoài sự phụ trách của chúng tôi. Nếu phải đợi cho tới khi nàng hoàn toàn bình phục, thì lấy gì làm kỳ hạn cho được.

— Bởi vậy, trong lời giao ước, ta có đã động tới kỳ hạn đầu !

—

Tôi không đáp và tôi cũng không còn biết đáp ra sao. Ông nói tiếp :

— Tiên sinh cũng nên nhớ cho rằng, cái việc chúng tôi tuyền

trạch tiên sinh rồi, huấn luyện tiên sinh, cũng là việc lục dụng tiên sinh, chẳng phải là một việc dễ dàng gì. Bởi thế, chúng tôi chỉ trông cậy vào tiên sinh. Bây giờ, nếu tiên sinh thôi việc, mà lỡ ra, tiểu thư Thê-tư-Lãng đột nhiên biến cải tâm tính, chúng tôi lấy đâu ra một viên trợ-thủ ? Dẫu cho, có tìm ra được, người mới đó cũng không sao bằng được tiên sinh !..

Tiên sinh thử nghĩ kỹ lại xem, trong trường hợp ấy, tôi sẽ phải đương đầu với biết bao nỗi khó khăn, nan giải.

— Nhưng ..

Tôi chẳng nói được nên lời, vì trong lúc đó, tư tưởng của tôi như bị lu mờ trong cõi mơ hồ, bất định.

— Tiên sinh có nhận ra cái mối quan tâm của tôi không ? Nhất định làm công việc, ta phải trừ liệu cho có đầu, có đuôi. Không những về việc của tôi, ngay cả tới việc học hỏi và việc nghiên cứu của tiên sinh, ta chớ nên, giữa đường, bỏ dở công việc, vì như vậy, không bao giờ ta có thể đạt tới đích, để thành công được.

— Vâng, vâng..

— Lúc ấy, thần kinh của tôi như đã bị ma loạn. Tôi nói to :

— Y sư dạy rất đúng, nhưng có một điều...

Y sư Xa lập Mỹ giương cặp mắt, nhìn thẳng vào mặt tôi, và ôn tồn bảo :

— Nếu tôi dự đoán không sai, hình như tiên sinh có một nỗi khổ trung nào đó, thì phải?... Tiên sinh đừng có ngại ngùng, cứ nói rõ cho tôi hay ?

Trước mấy lời thành khẩn và ân cần đó, tôi hết sức cảm động. Tôi vội đáp :

— Thưa y-sư, đây, quả là việc chung thân hạnh phúc của tôi.

— Chung thân hạnh phúc của tiên sinh ?

— Thưa vâng.. Nhân tôi đã đem lòng ái luyện...

— Tiên sinh ái luyện tiều thư Thê-tư-Lãng ?

— Thưa không phải ạ. Tôi yêu người thị nữ của nàng, cô Hải-Lan.

— Thế, Hải-Lan có chia sẻ mối tình của tiên sinh không ?

Tôi cúi đầu, đáp :

— Dạ, có.

— Như vậy, tôi thiết tưởng còn có chi là nan giải ?

— Thưa, sự nan giải nguyên do đều tại tiều thư Thê-tư-Lãng, nàng có một thứ năng lực, uy hiếp hai chúng tôi, trên lĩnh vực tinh thần.

— Á !...

Y sư cất giọng cười vang, rồi nói :

— Được rồi, tiên sinh cứ yên tâm, tôi sẽ tận lực giúp hai người, bằng cách điều đình thẳng ngay với Thê-tư-Lãng tiên sinh và vị thái thái của ông.

— Thưa, nhưng...

Tôi chưa kịp nói hết lời, y-sư đã cắt ngang và bảo tôi :

— Việc đó chẳng có gì là khó khăn cả. Tiên sinh cứ tin cậy vào tôi, tôi sẽ hết lòng ngọc thành hạnh phúc của tiên sinh.

(Còn tiếp)



★ Những câu văn lý thú...

“ Một cánh đồng quê xa hoa rực rỡ mà hoa Ngũ-sắc và hoa lan không nói lên được tiếng nói của mình giữa cuộc hòa lâu đên cường của các mùi hương ”.

(Thi sĩ Jean Cocteau)

Mình ối !

..... Những
..... giai-thoại
..... về
..... lịch-sử
..... chiếc xe hơi

ÔNG Tú nằm vồng, miệng nhai kẹo, mắt nhìn ngoài trời, không biết ông đang nghĩ chuyện chi thì bỗng dưng bà Tú ở ngoài xô cửa chạy vào như bay, mắt hốt-hơ hốt-hải, la lên : « Hú hồn hú vía, Mình ơi ! ». Ông Tú không hiểu, trở mắt nhìn bà, thấy bà vội vàng vút cái bóp trên giường, chạy

đến vò gạo hốt một nắm gạo, chạy đến chén muối hốt một nắm muối, rồi vãi cả gạo lẫn muối ra sân. Xong bà thắp ba que hương, đứng xá lia xá lĩa ra sân, miệng bà nói lảm nhảm không biết câu gì. Rồi bà vãi ba vãi, cắm thẻ hương nơi khe cửa. Ông Tú rất ngạc nhiên, hỏi :

— Mình làm cái trò gì vậy.

Mình?

— Em cũng cô-hồn... Xuýt nữa, em bị xe hơi cán chết ngoài đường rồi, Mình ơi!

Ông Tú bực cười, cười nở rạn như pháo, làm rung - rinh cả chiếc võng tơ.

Bà Tú vừa thay áo, vừa kể chuyện bà băng ngang qua đường Gia-long bị một chiếc xe hơi chạy vun vút đến sát ngay bên cạnh bà, đụng phốt cái áo bà, « chỉ còn một tý tẹo teo-teo nữa là nó cán em té chết ngúm. Mình ơi!

Bà Tú trẻ tuổi, tính nóng-nảy, hấp-tấp, cởi cái xú-chiêng vút ra giương, xô tay vào áo sơ-mi, rồi vừa gài nút vừa đến ngồi võng, bên cạnh ông tú:

— Em mà bị xe hơi cán chết thì mặc sức anh khóc! Chứ nằm đó mà cười!

Ông Tú vẫn cười hả hả, cười sặc - sụa, miêng kẹo ở trong miệng ông bay vút xuống sàn nhà.

Bà Tú véo vào đùi ông:

— Em xuýt chết mà Mình cười hả?

— Thì em khỏi chết cho nên anh mừng anh cười chớ sao!

— Nè Mình ơi, sao mà cái xe

quý-sứ nó chạy mau thế! Chắc nó chạy đi đến chỗ chết đó! Ở trong thành phố mà nó dám chạy 120 cây số giờ!

— Xe hơi chạy 120 cây số một giờ mà em cho là mau hả? Nếu em biết rằng CHIẾC XE HƠI ĐẦU TIÊN TRÊN THẾ GIỚI, RA ĐỜI NĂM 1770 chạy được mỗi giờ 20 ki-lô-mét, tính đến nay là năm 1960 nó chạy mau được 120 ki-lô-mét, một giờ, thì trong khoảng 190 năm qua, tốc-lực của nó chỉ hơn có 100 ki-lô-mét, nghĩa là mỗi năm nó chỉ chạy mau hơn nửa ki-lô-mét mà thôi! Như thế, có gì là tiến bộ lắm đâu? Theo anh nghĩ, thời buổi vệ tinh nhân tạo này mà xe hơi chạy mau nhưрт chỉ được 120 cây số một giờ, hoặc là 150, 180 đi nữa, cũng thật là nhục nhả cho xe hơi!

— Chiếc xe hơi đầu tiên như thế nào mà nó chỉ chạy được 20 ki-lô-mét một giờ thôi, hả Mình? Mình kể luôn lịch sử tiến bộ của khoa học xe hơi từ lúc khởi thủy cho em nghe đi.

— Nếu kể từ lúc mới sơ khởi, thì thí-tử của xe hơi ra đời cách đây gần 200 năm, như anh vừa nói, Chiếc xe hơi đầu tiên

ấy, hiện nay còn giữ làm kỷ-niệm ở viện bảo tàng *Conservatoire des Arts et Métiers*, Paris, do kỹ-sư Pháp JOSEPH CUGNOT (1) phát minh ra, năm 1770. Bấy giờ là thời vua Louis XV. Kỹ-sư Cugnot dâng sớ lên Vua để xin bằng cấp chế tạo. Tuân lệnh vua, Tể tướng Choiseul sai hai ông Gribeauval và Hầu-tước de Saint Auban xem xét kiểu xe mới lạ ấy. Xe có ba bánh chạy bằng hơi nước do một thùng nước nấu sôi thành hơi, sức mạnh của hơi nước đẩy một moteur có hai cylindres, moteur quay bánh trước chạy, và hai bánh sau chạy theo.

Trong bản phúc trình có hai ý kiến khác nhau. Ông Gribeauval thì cho rằng cái máy chạy bằng hơi nước của Cugnot có thể dùng được, nhưng hầu-tước de Saint Auban lại công kích nhiệt liệt. Ông viết mấy lời chỉ trích như sau đây: « Cái anh kỹ-sư điên khùng này tự phụ thay thế xe ngựa bằng một cái xe chạy bằng lửa, bằng nước, bằng cái pompe, và cái piston! Tôi không đồng ý. » Mặc dầu chiếc xe hơi đầu tiên ấy đã chạy thử cho Hầu-tước coi: NÓ

CHẠY ĐƯỢC 20 CÂY SỐ MỘT GIỜ, nhưng Hầu-tước vẫn làm phúc trình tâu lên vua Louis XV, cho rằng cái « xe không ngựa » của Cugnot có hại chớ không có lợi. Thế là thủy tổ của xe hơi mới ra đời đã bị người ta không nhìn nhận và đem đút trong một xó tàng cổ viện. Mãi 115 năm sau, năm 1884, một hôm tình cờ một kỹ-sư cũng người Pháp tên là BOUTON, trông thấy cái xác xe kỳ dị kia ở Bảo tàng viện, liền xem xét kỹ, rồi về nhà nghĩ ra một kiểu xe theo khoa học máy móc của xe Cugnot, nhưng tinh - xảo hơn và đẹp hơn, có bốn bánh. Một nhà giàu quyền quý và ưa chuộng mới lạ, là Bá-tước DE DI-ON bỏ tiền ra với kỹ-sư Bouton, chế tạo thử một kiểu « xe không ngựa ». Gia đình Bá-tước cho rằng Bá-tước bị loạn óc mới chế ra các loại xe kỳ dị đó, liền làm đơn đưa lên Tòa-án để xin

(1) *Joseph Cugnot, kỹ-sư về máy móc, sinh tại tỉnh Lorraine, năm 1725, chết tại Paris năm 1804. Suốt đời nghèo, chết vẫn nghèo.*

tòa bắt Bá-tước phải ngưng ngay công việc diên khùng. Nhưng tòa án không xử được, và chiếc xe hơi do DE DION và BOUTON chế tạo xong năm 1885, chạy được một giờ 30 cây số, đã khiến cho một số người chú ý đến. Nhưng người Pháp có đầu óc khoa-học phát minh ra đầu tiên, mà không có óc thương mại. Trái lại, một nhóm người Đức, kỹ sư và quyền quý, hùn vốn và lấy theo kiểu xe hơi của De Dion-Bouton, tìm nhiều những xe hơi mới để bán. Muốn quảng cáo rầm rộ cho loại xe hơi này, năm 1888 họ bạo dạn tổ chức lần đầu tiên một cuộc « chạy đua bằng xe hơi » ở Đức, trên một khoảng đường khá dài từ Mannheim đến Pforzheim, con đường lúc bấy giờ thật là xấu, đầy những ụ đất và những lỗ hổng. Có điều này mà Minh nên nhớ, — vì đó là một vinh dự cho phái phụ nữ của Minh — là trong cuộc thi đua xe hơi đầu tiên ấy có một người đàn bà trẻ đẹp cầm lái xe hơi dự thi.

— Tên gì, hử Minh ?

— Tên là BERTA BENZ, vợ mới cưới của kỹ sư Carl,

và chiếc xe hơi này là do chính chàng chế tạo ra. Các tờ báo Đức nổi lên công kích nhiệt-liệt và phê-bình : « Đàn bà mà ngồi lái cái xe hơi kỳ-cục thể kia, thật là mất cả thể diện ! » Công kích thì cứ công kích, hai năm sau, năm 1900, tại Hội chợ Triển-lãm quốc tế ở Paris, một phụ nữ Pháp là bà SARRAZIN, dám lái một chiếc xe hơi chạy quanh Hội chợ. Dân chúng và dư luận các báo nhao nhao công kích dữ dội. Công kích cả chiếc xe « lố-bịch », cả người đàn bà « trơ trên », dám ngồi trong chiếc xe không ngựa !

Bà Tú nghe chuyện ông Tú kể, bà cười hăng-hắc. Bà bảo :

— Biết vậy, chúng ta cũng đừng cười chuyện ông Nguyễn trường-Tộ đi Pháp về tâu với vua Tự Đức rằng ở Pháp người ta thấp cái đèn gì không có dầu, không có bức, gắn bóng đèn trên ngọn trụ và chỗ xuống đất, tự nhiên không ai đốt mà sáng, vua Tự Đức không tin, cho rằng Nguyễn-Trường-Tộ nói dốt, hoặc là đèn ma, đèn quỷ !

— Minh phải biết rằng tuy các báo ở Pháp, Anh, Đức, công

kích xe hơi lúc mới đầu, nhưng năm 1900 ngay ở Paris và vài ba thành phố lớn, đã có một số xe tổng cộng được 1000 chiếc rồi. Dĩ nhiên là chỉ những người quyền quý, giàu có mới sắm được xe hơi để đi. Đại đa số dân chúng mãi đến năm 1910 mới bắt đầu làm quen với xe hơi, nhưng vẫn còn nhiều người chưa hề bước chân lên chiếc xe hơi lần nào. Một ông nhà báo chuyên môn viết bài công kích xe hơi, và mặt sát xe hơi đủ điều, là HUGUES LE ROUX. Le Roux là nhà báo có tiếng tăm, chủ bút báo *Le Journal des sports*, tờ báo thể thao ở Paris. Một buổi sáng tháng 6 năm 1898, ông dắt vợ con đi chơi trên đường Courcelles, đường phố vắng vẻ, cả buổi không có một chiếc xe ngựa nào chạy, bỗng có tiếng loa thổi diếc tai.

Tiếng loa của một chiếc xe hơi từ xa chạy tới, cà rịch cà tang, nghiêng qua ngã lại, tốc độ 12 cây số một giờ. Xe vừa chạy vừa thổi cái loa kêu vang cả lên, (vì hồi đó xe hơi chưa có còi). Hai đứa con và bà vợ của ông hoảng sợ, ré lên và ôm lấy ông, nhắm mắt và úp mặt vào người ông, không dám ngo « chiếc xe

quái lạ, và ghê tởm ». Hôm sau, ông chủ bút Hugues Le Roux đăng trên báo một bức thư công khai, văn chương rất hùng hồn, gửi lên ông Đô-trưởng kinh thành Paris. Tuy thư dài ba cột, ông công kích xe hơi, « xuýt nữa nó đè chết tôi, chết vợ tôi và hai đứa con tôi. Tôi kêu cảnh sát, nhưng cảnh sát tự thú nhận là bất lực vì cái thứ xe ghê gớm đó hễ nó đè chết người thì nó cứ việc chạy đồng mắt, cảnh sát chạy theo bắt cũng không kịp, mà không khéo nó đè chết luôn cả cảnh sát nữa... Từ khi ở Paris có loại xe hơi xuất hiện, đồ thành Paris không được yên ổn, trẻ con không dám đi học, đàn bà không dám đi phố, ông già bà lão không dám đi dạo chơi... Tôi xin nói để ông Đô-trưởng biết trước rằng từ nay tôi ra đường sẽ mang theo một khẩu súng lục, hễ tôi thấy thằng chó đại nào ngồi trong xe hơi chạy rầm rầm đến gần tôi, thì tôi sẽ bắn cho nó một phát chết nhăn răng, chó đừng hòng nó bỏ chạy ! »

Bức thư của Le Roux đăng trên Báo *Le Journal des Sports*, tháng 6, 1898, gây ra một phong trào sôi nổi công kích xe hơi dữ tợn, và dân chúng ở các đường phố hăm dọa hễ một chiếc xe hơi



Một chiếc xe-hơi làm cho một đũa trẻ út hoảng sợ chết giấc, bị dân chúng ùa ra đánh người lái xe, trên một đường phố Paris. (báo **Petit Journal**, ngày 18-7-1909)

nào cán chết người, hoặc cán chết một con chó, một con mèo, họ sẽ kéo cả phố ra đập nát xe và đánh cho chết người lái xe. Ông Đô trưởng phải ký nghị định bắt buộc xe hơi chỉ được chạy từ 10 đến 15 cây số một giờ,

và mỗi xe hơi phải có đeo chuông, và ống loa, để báo hiệu cho mọi người tránh.

Nhà văn Jean Lorrain sau khi điều tra dư luận các giới đối với xe hơi, cũng viết một loạt bài công kích xe hơi « chạy

rầm rầm làm nhưc óc, nhưc tai, sinh ra bệnh thần kinh », « mùi dầu, mùi mỡ, mùi lửa, mùi khói làm nghẹt mũi, thở không được » v.v... Từ 1893 đến 1895 nhiều thành phố như ở Nice, Marseille, xe hơi bị cấm hẳn ! Một thi sĩ làm mấy câu thơ sau đây, tả chiếc xe hơi chạy ban đêm trên đường tỉnh :

A peine un char lointain glisse dans l'ombre. Ecoute :

Tout s'endort, tout se tait et l'arbre de la route

Secoue au vent du soir la poussière du jour.

(Chiếc xe từ xa vừa chạy vào bóng tối. Nghe đây :

Mọi vật đều ngủ, im lìm, và cây cối bên đường tung ra gió đêm những bụi bặm ban ngày.)

Nhưng xe hơi cứ chạy và cứ tiến trên con đường văn minh tiến bộ. Năm 1892: xe DAIMLER của Đức ra đời, 1895: xe PEUGEOT của Pháp, 1896: xe autobus của DE DIION-BOU TON Pháp, 1897: xe BERLIET Pháp, 1898: LIMOUSINE Pháp, 1898: xe REINAULT, 1910: TORPÉDO,



Xe hơi bị pan, nhờ hai con bò kéo. (Tranh vẽ chế nhạo xe hơi, trong một tờ báo Anh, 1909).

1914 CONDUITE INTÉRIEURE cùng một lúc có xe FORD, DELAHAYE ra đời cạnh tranh.

Năm 1910 ở Pháp số xe hơi đã lên đến 40.000 chiếc. Ở Anh mới có 30.000 chiếc. Ở Đức 40.000 chiếc. Ở Mỹ 100.000 chiếc. Mặc dầu vậy, năm ấy vẫn còn có một nhóm người lập ra một hội, tên « Hội chống lại xe hơi chạy mau » (Ligue contre les excès de l'Automobile) do giáo sư trường đại-học luật-khoa Paris, Ambroise Colin, làm chủ tịch. Chính hội này yêu cầu các chính phủ đặt ra luật bắt buộc các loại

xe hơi chạy trong thành phố không quá 20 ki-lô-mét một giờ, như hồi 1884 !

Bà Tú ngắt lời chồng :

— Em tán thành hội ấy. Nếu ở Sài-gòn ai lập ra, em xin vào hội ngay.

— Chi vậy ?

— Chứ Minh coi báo hằng ngày, không thấy sao ? Biết bao nhiêu là tai nạn xe hơi làm cho bao nhiêu người chết oan uổng, chỉ tại vì xe hơi chạy mau. Nhà Văn-sĩ trứ danh Albert Camus chết cũng vì tai nạn xe hơi.

Françoise Sagan xuyết toi mạng cũng vì xe hơi.

Ông Tú mỉm cười :

— Và cô vợ ngoan ngoan của anh cũng xuyết từ già cõi trần vì tai nạn xe hơi, rồi về nhà lật đật cúng cô-hồn !

— Minh ngạo em hả ?

Bà Tú véo ông Tú đau điếng...

Diệu Huyền



★ ĐIÊN

Hai người điên gặp nhau. Một người bắt tay người kia và hỏi :

— Anh mạnh khoẻ, còn tôi ?

B. T.

★ VỢ CHỒNG HẾT THƯƠNG NHAU

Vợ : quyền sách ấy đâu rồi ?

Chồng : quyền sách gì ?

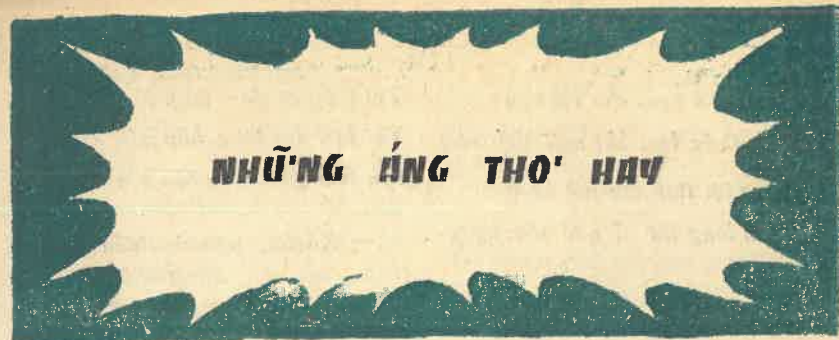
Vợ : quyền « Làm cách nào sống lâu 100 tuổi » ?

Chồng : Tôi đốt rồi.

Vợ : Tại sao ?

Chồng : Tôi không muốn bà đọc quyền đó.

B. T.



NHỮNG ÁNG THO' HAY

★ NGUYỄN THU MINH

• Trăng thiếu phụ

Đã mấy đêm trường tôi không
ngủ

Cơ khở cho tôi còn nuôi mộng
Làm đau chần gối giữa đêm
thu.

Năm thao thức nhớ mảnh trăng
thu.

Chỉ tội hồn tôi thêm nao động,
Mà thương, mà sợ mảnh trăng
lu.

Đã biết bao lần tôi tự nhủ
Rằng cho tôi chết giữa âm-u...

Cớ sao trăng sáng ngoài kia nhỉ
Làm động tình tôi giữa buổi đêm.
Tôi nhắm mắt năm không dám
nghĩ

Tôi sợ ngày mai trời sẽ sáng
Trăng thu mơ mộng sẽ không còn
Tôi gặp mặt người, người đã bán
Cả mùa xuân đẹp, thuở sắt son...

Sợ nhìn trăng lạnh rớt bên thềm.

Tôi muốn phòng tôi luôn mãi tối
Xin trăng đừng chiếu lướt qua
song.

Chao ôi! trăng hơi! trăng thu
đẹp!
Trăng của lòng tôi hay của ai ?

Tôi muốn hồn tôi chìm lạc lối,
Cho tàn chết hết cả hoài mong.

Tôi mở hồn thơ — thôi khó khép
Gửi cả lên trăng tiếng thở dài...

Và cho tôi ngủ, cho tôi ngủ

Thao thức làm chi mãi thế này

Trăng tội tình chi mà ấp-ủ

Mảnh lòng thi sĩ quá thơ ngây.

Bởi đâu lệ nhỏ lã trên gối

Tôi thấy cô đơn lạnh lấm rồi.

Tôi biết đời tôi e hấp hối

Mà trăng thì sáng tận bên đời.

— Không, người thiếu phụ
đứng bên tôi! —

Quách-Thoại

★

GIỮA cuộc đời, thiết tưởng không có gì êm đẹp, hoa mộng cho bằng tình thương lứa đôi, trai gái yêu nhau, diu nhau vào thế giới ái-ân cực kỳ diễm ảo. Tuy vậy, nhưng chẳng ai dám tự hào là không nhận lãnh ít nhiều đau khổ sầu buồn, nhớ nhung, khi đã bước vào cuộc yêu đương thơ mộng đó.

Mà có lẽ như vậy, cuộc đời mới có ý nghĩa và hào hứng chăng?

Nếu thế thì chúng ta không nên hẹp hòi, khắc khe khi nghe một người bạn rất chân thành và khả ái, nói lên tiếng lòng đầy đau thương của tình yêu mệnh mỏng bao la ấy. Người đó, không ai khác lạ, chính là Quách Thoại, con người — thi nhân —

xấu số hơn chúng ta nhiều trong cuộc đời, với bài **TRĂNG THIẾU PHỤ**, (1) trên đây.

Qua một phần nào trên các báo chí, chúng ta thấy cuộc đời của Thoại lắm đau buồn, thâm thế ấy. Vậy mà, trong tình yêu của Thoại cũng chẳng được sung sướng gì hơn. Chúng ta hãy yên lặng và trang trọng cởi mở lòng mình để cùng cảm với thi nhân :

Đã mấy đêm trường tôi không
ngủ

Nằm thao thức nhớ mảnh trăng
thu

Đã biết bao lần tôi tự nhủ

Rằng cho tôi chết giữa âm u....

Thoại vô cùng đau khổ. Một nỗi đau khổ ngấm ngấm ăn sâu trong tiềm thức Thoại, lúc thì

ủ dột, u buồn như bóng đêm đầy thê lương, âm đạm, lúc thì diu diu, man mác kéo dài lê thê như vầng trăng thu buồn tỏa lên đời cô hoang đã làm cho Thoại thêm sầu tủi, xót thương thân phận mình quá lẻ loi và rời dăm ra oán hờn đời, hờn mình, trách móc — trách móc đến cả chị hằng sao không chiếu soi ánh sáng dịu đẹp vào phòng Thoại, nơi Thoại đang nằm thao thức đợi qua từng đêm một để đỡ cô độc, nhớ nhung đến người yêu :

Có sao trăng sáng ngoài kia nhỉ
Làm động tình tôi giữa buổi
đêm

Tôi nhắm mắt nằm không dám
nghĩ

Sợ nhìn trăng lạnh rớt bên thềm.

Ước muốn thêm khát của Thoại dù chỉ là ước mơ thôi, nhưng khi nghĩ lại nếu thành sự thật, Thoại đâm ra lo sợ mà chỉ muốn giữ nguyên cái hương vị và cảnh sắc trầm lặng u buồn, để được yên ổn mà ruồng bỏ những nỗi nhớ niềm đau bấy lâu hằng ấp ủ trong tận tim, óc :

Tôi muốn phòng tôi luôn mãi tối
Xin trăng đừng chiếu lướt qua
sông

Tôi muốn hôn tôi chìm lạc lối
Cho tàn chết hết cả hoài mong

Cơ khở cho tôi còn nuốt mộng
Làm đau chấn gối giữa đêm thu
Chỉ tội hôn tôi thêm nao động
Mà thương, mà sợ mảnh trăng
lu.

Nhưng, đã dễ gì cởi bỏ được những đau thương, mong nhớ đến người yêu. Điều này Thoại cũng tự biết như thế. Hơn nữa, với Thoại — lại là một thi nhân — vốn giàu tình cảm, đang rặt rạo tình yêu thương, say mê, tha thiết đến cùng độ và luôn luôn có cảm tưởng như cuộc đời đã định sẵn cho thi nhân một hoàn cảnh lắm trở trêu, chực trút cả lên linh hồn Thi nhân !

Tôi sợ ngày mai trời sẽ sáng
Trăng thu mơ mộng sẽ không còn
Tôi gặp mặt người, người đã
bán,
Cả mùa xuân đẹp, thuở sắc-son.

Vì rằng, tình chỉ đẹp khi đang còn trong mộng, chứ ngang nhiên, thiết thực thì đâm ra tầm thường trắng trợn quá ! Còn đâu là đẹp, cái đẹp tuyệt đối trong ảo mộng (?) Và lại, Thoại cũng đã đoán biết trước được người yêu thế nào rồi. Không còn những phong độ xuân thì, son sắc của người thơ — người con gái — trinh bạch ngực đôi căng lên, môi hồng chớm nụ...

Mà đã lưỡng tuối.

Đó là một điều đáng buồn trong cuộc đời người con trai đã trót mở rộng cửa lòng mình và hằng ôm ấp bao nhiêu dự tính với người yêu, để rồi... dứt không nở nhớ không thôi, mà còn dai-dẳng bao trùm lên cả hồn thơ của Thoại nữa, khiến Thoại càng thắc mắc, phân vân ngay khi nhìn đến vẻ đẹp dịu hiền của vầng trăng thu — Thoại tự cho là tượng trưng người đẹp của mộng ước — cũng không hiểu mình có được diễm phúc đón chăng ?

*Chao ôi ! trăng hỡi ! trăng thu
đẹp
Trăng của lòng tôi hay của ai ?*

Khổ đến thế thì thôi. Tội cho thi nhân quá ! Với mảnh lòng nhỏ bé, ngây thơ kia đêm đêm, nhỏ từng giọt lệ nhớ thương lăn đều trên gối mà không một ai hay biết, hoặc nghĩ đến. Người yêu xa xôi quá, chẳng khác gì mảnh trăng thu kia chỉ mãi soi sáng ở tận bên cánh đời, xa-xa ấy, mặc tình thi nhân lạnh lẽo sống trong niềm cô độc, hấp hối trước cuộc đời, trước ánh sáng của ngày mai vô tận :

*Bởi đâu lệ nhỏ lăn trên gối
Tôi thấy cô đơn lạnh lắm rồi
Tôi biết đời tôi e hấp hối
Mà trăng thì sáng tận bên đời.*

Trước thực tế phũ phàng như vậy, nhưng thi nhân vẫn còn hy vọng một phần nào ở Con Người—Tình Cảm—không đến nỗi nào... ở người yêu của thi nhân.

Người sẽ không chạy trốn đi

biết rằng thi nhân đang mắc phải một chứng bệnh cực kỳ nguy hiểm, như thi nhân đã tưởng, mà đã « có mặt » bên cạnh thi nhân để thi nhân đỡ cô đơn và được chiêm ngưỡng cái vẻ đẹp... thiếu phụ dồi dào, quý phái mà thi nhân mơ !...

— Không, người thiếu phụ đứng
bên tôi ! —



Với bài thơ trên, chúng ta thấy những tình ý cảm nghĩ của Quách Thoại thật là dồi dào, tha thiết, chân thành, lời thơ nhẹ nhàng xúc tích, gây cho người đọc một cảm giác man mác buồn

thăm thía trong tâm hồn, từ cảnh vật đối tượng gợi hình cho đến nội tâm, luôn luôn giữ được một âm hưởng nhịp nhàng, cân đối — nếu không nói là độc đáo. — Có lẽ, đó cũng là những điểm đã làm cho bài « TRĂNG THIẾU PHỤ » trở nên tuyệt tác vậy ?

NGUYỄN-THU-MINH

(1) Tác giả làm năm 1954, tại bệnh xá ở Bãi Dâu, Huế, đã qua thời kỳ thứ hai của bệnh lao, và thời gian này, tuy gần gia đình, nhưng tác giả xa lánh xem như không có.



★ Bài toán hạnh phúc

Muốn nhưn hạnh-phúc, phải chia hạnh-phúc.

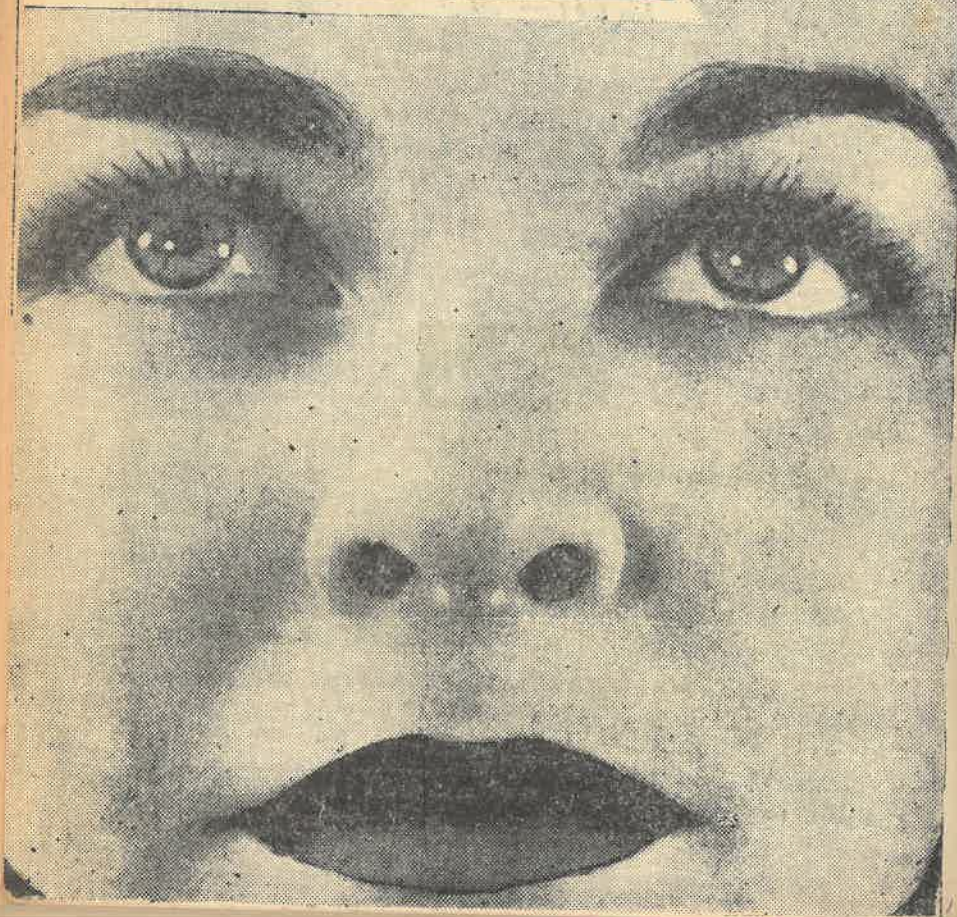
(La multiplication du bonheur ne s'obtient que par sa division)

(Trong quyển « The Plight of Freedom » của một tác giả nặc danh)

Ý nghĩa : Mình muốn được hưởng nhiều hạnh phúc, thì nên chia sẻ hạnh-phúc ấy cho những kẻ khác với.

Những người dân bà
lừng danh trong

LỊCH-SỬ



BÀ TÔNG-THÔNG

EVA
PERON

Như nàng
Kiều sau khi
lấy Từ-Hải...

JUAN Pe-ron được bầu-cử lên làm Tổng-thống xứ Cộng-hòa Argentine, liền mua tặng vợ một chiếc áo ấm bằng lông thú trị giá 5 triệu đồng, và các đồ nữ-trang trên 5 triệu, để tạ ơn nàng đã vận động đám dân nghèo, đa số quần chúng « không có áo sơ mi » bỏ phiếu cho ông đắc cử. Eva, bấy giờ đã nghiêm nhiên làm Bà Tổng-Thống, « đệ nhất phu-nhân » trong nước, không chịu ngồi - không để hưởng cái địa-vị cao-sang tột bậc ấy. Nàng quyết làm sao cho tiếng tăm của nàng được lừng-lẫy cả thế giới, được làm chúa-tề cả nước, làm lãnh-tụ thật sự của 17 triệu dân Argentine. Nàng dựa vào đám dân nghèo, làm đầu-cơ chính-trị để củng-cố địa-vị của Péron và của nàng. Nàng lập ra một đảng cần lao, gọi là *Descamisados* (Những kẻ không có áo sơ-mi) quy tụ tất cả những người bình-dân

Trong mấy số trước :

- 1.— Cléopâtre, Hoàng - hậu Ai-cập... P.T. 33-34
- 2.— Từ - Hi Thái-Hậu, Hoàng Thái-Hậu Trung-hoa... P.T. 35
- 3.— Poppée, Hoàng-hậu La-Mã... P.T. 36-37
- 4.— Agrippine, mẹ của Néron P.T. 38-39
- 5.— Eva Péron, Bà Tổng-Thống Argentine...P.T 40-41

lao-cộng, nhất là phụ-nữ, mà nàng cho tăng lương và biểu quà bánh, vuốt - ve o-bế họ. Một mặt, nàng dùng chánh-sách mị-dân đối với lao-động để họ ủng-hộ nàng, một mặt nàng trả thù lại tất cả những kẻ đã đối xử với nàng không tốt trong lúc nàng chưa « lên chun ». Cũng như nàng Kiều sau khi được Từ-Hải lấy làm vợ, lập tức lấy ân báo ân, lấy oán báo oán, Evita Peron cũng dựa vào uy quyền của chồng đuổi hết những nhân viên dài phát-thanh, bắt đầu từ viên giám đốc đã khinh miệt nàng. Nàng giải tán các hãng sản xuất xi-nê đã cho nàng đóng các vai phụ, nàng bỏ tù những kẻ đã làm trái với ý nàng, hoặc đã ganh ghét nàng về những vấn đề cá-nhân vụn vặt. Nàng lấy quyền thế tranh dành

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH

các mối lợi lớn, chiếm độc quyền các kinh doanh, xây dựng cho nàng một tư bản hàng mấy trăm triệu. Nàng là cột trụ trong các hội buôn kết-xù, như hội *Aléa* mà đại diện là nhà tỷ phú Miguel Miranda, hội Hàng không và xuất nhập cảng mà đại diện là kỹ sư Dodero và vợ của y là Betty, đôi bạn thân nhất của cặp vợ chồng Peron. Nàng gởi tiền nơi các ngân hàng Thụy sĩ, xây cất nhà cửa lâu dài ở hai xứ Brésil và Uruguay.

Nàng đem người em trai của nàng là Juancito vào làm chánh văn phòng của Tổng Thống Peron. Chị của nàng là Elisa, một nữ công chức thường của ty Bưu điện, được nàng cho làm tinh-trưởng tỉnh Junin. Hai người chồng của hai người chị khác được làm tổng giám-đốc các sở. Một tình nhân của mẹ nàng, là Enrique Nicolini, nhân viên Bưu-điện, được lên làm Tổng giám-đốc Bưu chính và Viễn thông.

Người ta kể chuyện một hôm người em trai của nàng, là Juancito, chánh văn phòng của Peron, ngồi ăn trong một nhà hàng lớn với một cô tình nhân làm đào hát mà chàng ta vừa tặng một chiếc

xe hơi Mỹ. Trong lúc nói chuyện, cô tình nhân vui miệng nói một lời mỉa mai Eva Peron. Tức thì chàng đứng dậy, đi thẳng ra sân nhà hàng, châm lửa đốt luôn chiếc xe hơi mà chàng vừa tặng cho cô đào hát. Hôm sau người ta thấy chàng mua một chiếc xe hơi khác tặng cho một cô tình nhân khác.

Eva Peron ra ư ng
cử Phó Tổng - Thống

HA I năm sau khi Juan Peron lên làm Tổng-thống Cộng-hòa Argentine, Eva đi du-lich Âu-châu, định để gây thêm uy-tín. Lúc bấy giờ cả thế giới đã khét tiếng Eva, một thiếu phụ trẻ đẹp, mà oai-quyền lớn lao và hung dữ ở xứ Cộng-hòa Argentine; vợ của một vị Tổng-thống độc tài chuyên chế. Cuộc du lịch ngoại giao của nàng năm 1948 đã làm xôn xao dư luận Âu - Mỹ. Trước hết nàng định đến viếng

nước Espagne (Y-pha-Nho) và được Đại-tướng Franco, quốc-trưởng xứ này, mời nàng qua để tặng nàng một huy chương đặc biệt. Nàng cho chở trên chiếc phi cơ riêng của nàng mấy chục thùng nữ trang, đầy ngập những áo và nữ trang quý giá mà nàng đặt mua ở kinh đô Buenos-Aires. Tổng cộng các hóa đơn gửi đến dinh Tổng-thống còn nặng hơn ngân sách hàng năm của bộ Quốc-phòng Argentine!

Tổng Thống Péron thấy vậy bèn la rầy vợ và yêu cầu nàng trả lại bớt đồ nữ trang cho các tiệm kim hoàn, chỉ giữ lại một số vừa phải thôi. Eva không nghe, nhất định đem theo tất cả, và cũng không trả tiền các hóa đơn.

Tháng 11, 1948, nàng sang viếng nước Pháp, đem theo bốn chục vali, áo, nón, giày, và nữ trang, trên mỗi vali đều có đề tên nàng thật lớn bằng chữ đỏ. Nàng được Tổng Thống Pháp, Vincent Auriol, mời ở điện Rambouillet. Trước khi từ giả Paris, nàng có mua sắm các đồ nữ trang quý giá và các kiểu áo đẹp nhất của hai nhà may danh tiếng Fath và Dior, trị giá tất cả 20 triệu quan. Đến nước Ý, Eva Peron

được Tổng Thống Ý, Alcide de Gasperi, tặng một chiếc Alfa-Romeo, và một con chó sói bằng cầm thạch mà ông sai người mang ra để trong chiếc phi cơ riêng của nàng trong đêm trước khi nàng từ biệt La Mã. Nàng có đến viếng Giáo hoàng Pie XII và nàng đi trễ hai chục phút, vì đến phút chót trước giờ hẹn nàng muốn đến một tiệm kim hoàn lớn nhất ở Rome mua một hạt kim cương đẹp nhất, đắt tiền nhất, đeo trước ngực để vào yết kiến Giáo hoàng. Theo nghi lễ, khi vào yết kiến Giáo hoàng, Eva Peron mặc đồ đen, nhưng nàng để tóc xỏa xuống đến gáy nịt, và hạt kim cương chói lọi sáng ngời trên ngực, khiến cho Pie XII cũng phải khó chịu. Lúc về Argentine, nàng gửi tặng đức Giáo hoàng mười chiếc tàu chở đầy lúa mì. Nàng muốn sang nước Anh để được Nữ - hoàng Elisabeth đón tiếp, nhưng lúc nàng đến Pháp Elisabeth chỉ gửi điện tín chào mà không mời nàng sang viếng nước Anh.

Eva, một cô gái nghèo thất nghiệp xưa kia, rất hãnh diện trong cuộc du lịch này với tư cách vợ ông Tổng Thống Cộng hòa Argentine. Nhưng sự Nữ - hoàng

Elisabeth của Anh quốc không muốn tiếp nàng, và cả Tổng Thống Huê-kỳ cũng không mời nàng đến Washington, làm cho nàng ốt nhột và xấu hổ với dân chúng Argentine. Vì thế, khi nàng về nước, nàng quyết vận động làm phó Tổng Thống để được chính thức sang viếng nước Anh và nước Mỹ.

Nàng đã làm Bộ trưởng Bộ Lao động, và tìm cách mua chuộc cảm tình của quần chúng cần lao để đến kỳ bầu cử Phó Tổng Thống họ sẽ bỏ phiếu cho nàng. Nàng tăng lương cho thợ thuyền 40%, cho công chức Bưu-điện 70%, mặc dầu nền kinh tế của Cộng hòa Argentine đang bị khủng hoảng. Nàng lập ra các viện tế bần, đặt tên là viện Evita Peron (Evita là tên nàng mới đặt từ khi nàng lấy Juan Peron), các tổ - chức xã - hội để cứu giúp phụ - nữ, các hợp - tác - xã phụ - nữ, v.v. . . , không phải là vì nàng thương xót kẻ nghèo, nhưng chỉ có mục đích đầu cơ chính trị, để mong sau này phe *descamisados* sẽ ủng hộ nàng lên làm Phó Tổng Thống, rồi sẽ kế vị chồng mà lên chức Tổng Thống. Ngày lễ Noel, nàng phân phát cho nhi đồng 5

triệu đồ chơi, từ con pu-pê đến chiếc xe máy, và biếu cho cha mẹ các em 4 triệu chai " *panedulce* ", là thứ nước cam của Argentine. Nàng tổ chức một trận đá bóng tròn cho thiếu niên cần-lao và tặng 1.500.000 đồng. Những số tiền kết-xù như thế, đâu có phải là của riêng nàng. Chính là tiền công quỹ mà nàng bắt buộc Quốc-hội Cộng-hòa Argentine phải chấp thuận lấy trong ngân sách ra, để cho Viện Evita Péron, nhân danh " Tổng-thống Phụ-nhân " tặng các hội nhi đồng và phụ nữ cần-lao.

Nhưng, mặc dầu nàng khôn khéo sắp đặt, tổ chức các cơ quan để ủng hộ tham vọng của nàng, đến kỳ bầu cử Phó Tổng Thống nàng ghi tên ra ứng cử, nàng bị thất bại nặng nề. Nàng định tổ chức một cuộc mít-tin không lồ để diễn thuyết, và cổ động cho nàng, nàng cho các trường nghỉ học, các sở nghỉ việc, để người đi nghe cho đông, nhưng không hiệu sao, chỉ có 250.000 người, hầu hết là các cô các bà bị bắt buộc phải đi dự cuộc biểu-tình. Còn đàn ông, và các bạn cần-lao đều không đến dự. Quân-đội Cộng-hòa Argentine thì nhiệt-liệt phản đối sự Eva Peron ra ứng

cử Phó Tổng-Thống. Họ cho rằng nếu Tổng-Thống chết thì tự nhiên, theo Hiến Pháp, Phó Tổng Thống sẽ lên thay thế chức Tổng Thống và sẽ là tổng tư lệnh quân- đội. Họ nhất định không chịu để cho một phụ-nữ làm Tổng Tư-lệnh Quân-đội.

Vì vậy, cuộc tranh cử Phó Tổng-Thống của Eva Peron bị thất bại nặng nề. Muốn cứu vớt danh-dự, nàng tuyên-bố với báo-chí : « Xét kỹ lại, vì tôi chưa đến 30 tuổi là tuổi bắt buộc để tranh cử chức Phó Tổng-thống, nên tôi rút lui ».

Lên voi, rồi xuống chó

THÁNG C năm 1951, Eva Peron ốm nặng. Các báo đăng tin rằng ngày 6 tháng 11, một Bác-sĩ Mỹ có danh tiếng về khoa ung-thư, George T. Peck, được Tổng Thống Peron mời đến chữa bệnh cho Tổng thống phu nhân. Nhưng Eva bị ung thư dạ dày khá nặng, càng ngày càng ốm yếu

sụt xuống còn 35 cân, không có thuốc nào cứu chữa được.

Ngày 4-8-1952, Eva từ trần.

Theo lệnh của Tổng Thống Juan Peron, xứ Cộng hòa Argentine phải để quốc tang cho Tổng Thống phu nhân. Một số phụ nữ truy tôn nàng lên bậc « Nữ Thánh Evita », nhưng Gia-tô-giáo phản đối.

Thi hài của nàng mặc áo lụa trắng, được tắm nước hoa nằm trong hòm kiến đặt tại Bộ Lao động, và thợ thuyền của đảng Cần lao *Descamisados* phải túc trực hầu hạ trong 360 ngày, chờ xây xong lăng tẩm của nàng mới chôn. Mỗi buổi sáng, đúng 8 giờ, toàn thể dân chúng phải đứng im lặng mặc niệm trong 15 phút, bất cứ nắng mưa. Đàn ông đều phải đeo cà vạt đen, và băng đen nơi cánh tay. Trước các cửa ngõ, từng nhà một, phải thấp nển, và các vách tường, công sở, tư sở, tư gia, đều phải vẽ hình Eva Peron để truy niệm. Tại công trường Mayo, ở trung ương Thủ đô Buenos-Aires, tòa đô chánh có dựng lên một bức hình lớn nhất.

Chính phủ đúc nhiều pho tượng của nàng, dựng lên nhiều nơi. Nhà Bru-Điện ngưng bán các

loại tem, đợi một loại tem mới có in hình Eva Peron, sẽ phát hành trong toàn quốc. Trong lịch sử thế giới, chưa có nước nào, và chưa có lần nào, một người đàn bà chết mà được chính phủ trọng vọng, và truy tôn đến thế.

Nhưng được bao lâu ?

Chỉ mấy năm sau thôi, cách mạng nổ bùng do cuộc đảo chánh bất ngờ của Quân-đội Cộng-hòa Argentine. Tổng Thống Juan Peron bị lật đổ, chạy trốn sang một xứ láng giềng. Phe quân nhân đảo chính lập chính phủ mới. Tức thì hôm sau, tất cả các pho tượng

của Eva Peron bị dân chúng hạ bệ, nằm ngổn ngang trên các đường phố đầy ngập những bức ảnh Eva Peron bị xé vụn lung tung. Những vết tích gì của Eva Peron đều bị xóa bỏ hết.

Tổng Thống Juan Peron chạy trốn với một cô nữ sinh rất đẹp, tình nhân của ông, mới thi đỗ tú-tài.

Ông chạy trốn, không kịp đem theo vàng bạc châu báu và 16 chiếc xe hơi Huê-kỳ của riêng ông và của Eva !...

TÂN-PHONG

Kỳ sau : ĐIỀU-THUYỀN



*** NỤ CƯỜI LỪNG DANH**

Hè Charlot đi du lịch Á-Đông, qua Ấn-Độ, ghé thăm thánh Gandhi. Nhà đại chí sĩ Ấn đón tiếp Charlot niềm nở và bảo :

— Ông là người duy nhất trên thế giới đã làm cho tôi cười.

*** ĐƯỢC, CÁI**

Cô Hai đi xem sở Thú Saigon, đến một ao Rùa, đứng coi mẹ, gặp anh lính gác vườn, cô hỏi :

— Nay anh, con Rùa kia là được, hay cái, vậy anh ?

Người gác vườn đáp :

— Cô cứ hỏi con Rùa, chắc là nó biết rõ hơn tôi.

B. T.



giữa giòng

Đếm hết trăng tròn, 20 chẵn
Thuyền về đâu nhỉ giữa giòng sông?
Tình duyên chưa dám trao lời ngọc
Bến hẹn còn xa với chuyện lòng.

Chưa thấy sấu dài lên mắt xanh
Chưa nghe tan vỡ rụng bên màn
Lòng chưa đơn chiếc sầu năm tháng
Chưa gởi buồn thương thức trắng canh

Đã nhận rất nhiều những bàng hoàng
Những câu hò hẹn đến ngàn năm...
Nhưng qua một thoáng lòng rung cảm
Thuyền vẫn còn trôi mãi giữa giòng.

Tâm sự còn ấp yêu cạnh mẹ
Tơ tình chưa dệt bóng hình ai
Mười hạt bến nước về đâu nhỉ
Thuyền ghé về đâu để đậu hoài?

Thuyền chưa yêu, thấy bến nhiều mộng
Bé nhỏ trên mình vạn cánh sông
Lênh đênh sợ những ngày mưa gió
Nơm nớp băn khoăn chút chuyện lòng.

Bến, nước duyên tình gặp gỡ nhau
Thuyền tôi xuôi mãi ghé vào đâu?
Thời gian nghe rụng trên màu nắng
Bé nhỏ làm sao hiểu mộng đầu?!

MỘNG-HOÀ-HUYỀN

Độc sách

MƯA GIÓ SÔNG TƯƠNG

của Bà

CẢ M trong tay quyển sách xinh xắn, trang nhã, trình bày và ấn-loát có mỹ-thuật, tôi mở trang đầu, băn khoăn thấy mấy giòng chữ của tác-giả:

Ông Nguyễn-Vỹ ơi!

Mưa gió sông tương thơ dấm lệ
Đoạn trường ai cảm khách qua cầu?

TƯƠNG - PHỔ

Cuối mùa sen năm Canh-tý
ở Nha-thành — 2-VIII-1960

Tôi khóa kín cửa phòng vẫn nhỏ hẹp, dặn mấy bạn ở tòa soạn hễ có ai hỏi tôi thì bảo tôi đi vắng. Tôi ngồi đọc hết quyển thơ, say-mê cả một buổi chiều mưa gió...

Nơi chân-trời của một thế-giới đầy huyền-linh của sấm-ngữ, một nàng Polymnic với



TƯƠNG - PHỔ

cây đàn ảo-nã trên đỉnh núi Thi Sơn, một công chúa Brancovan phơi « trái tim vô số » trong « bóng những ngày », một Yosano bên cành hoa anh đào đang rụng những tuyết

hồng, một sương - phụ điểm
kiểu bước trên cầu mưa gió
của Sông Tương...

Tất cả là những hình ảnh
của một thời pha-lê cổ kính.

Một thiên-tài đã được đúc,
nấn, gọt dũa bởi những ngón
tay Ngọc-Nữ, với những nét
tuyệt diệu, tuyệt mỹ, sáng
ngời như một tia phong thần,
như một lời cầu-nguyện, tinh-
kiết đến nỗi người ta chỉ
đứng ngắm say mê mà không
dám sờ mó vào, thì hẳn là một
biển cổ thiêng-liêng trong lịch-
sử loài Người và lịch-sử các
T ần-linh.

Tôi yêu và tôi thờ Nàng-Thơ
tinh anh huyền-diệu từ hồi tôi
còn là một đứa bé ngây thơ,
thấy cái chi đẹp là mê, mê một
giọt mưa, một giọt lệ.

Đã hiểu gì đâu, một cậu học
trò mười mấy tuổi nghe cha đọc
trong một quyển Nam - Phong,
một bài thơ của Trương-Phổ ?

Sầu thu nặng, lệ thu đầy,
Vi lau san-sát, hơi may lạnh lùng
Ngón-ngang trâm môi bên lòng,
Ai đem thu cánh bạn cùng thu tâm !

Nhưng « giọt lệ thu » với

hơi gió vi-vu, đã rơi tỉ tách
trong cõi lòng hoang dại... Rồi
từng lớp lá vàng, từng lớp lá
vàng, rụng ngập cả lòng thu,
từng giọt lệ thu cứ rơi trên
những mờ lá úa.

Bao độ thu về. Mấy độ thu
qua. Đứa bé đâu có ngờ « Giọt
lệ Thu » của một nàng sương-
phụ mà nó chỉ mơ thấy
trong hào-quang rực-rỡ của
truyền-kỳ, đã nhuộm màu thu
trong tâm hồn trẻ thơ, như
nặng nhuộm lá thu vàng.

Một vết màu thâm đậm, mà
Anna de Noailles có thể nói như
vết răng của đứa trẻ cắn vào trái
pomme.

Tim tôi đã thuộc về mùa Thu,
mà hình ảnh của Trương - Phổ
vẫn còn nguyên vẹn trong Hào-
quang của Thần-kỳ, trong pha-
lê cổ-kính, như những pho-
tượng nữ-thần còn ngự trị san
đền Parnasse.

Một Giọt lệ Thu, không phải
là dĩ vãng nữa : nó là trường
cửu hiện tại, nó là châu báu của
thời gian. Nó không còn là gia
tài riêng của loài người, nó đã
được vào kho phong phú, bao
la, của vũ trụ.

Giọt lệ Thu đã đọng lại trên
vòm trời, một ngôi sao ngọc
sáng ngời muôn thu.

Người ta không hái được nó.
Chỉ nước mắt lên, ca ngợi.



Rồi bỗng dưng chiều nay ở
Sài-gòn mưa gió, tôi ngồi nghe
tiếng « Mưa gió của Sông Tương ».
Pho tượng cổ kính chấp cánh
bay khắp trời, non, nước.

Sông Tương ở đâu ? Nàng
không còn là người của gió bụi,
trên cõi đất này không có sông
Tương đâu cả. Nàng hiện
ở đâu, đó là Sông Tương
của bên lệ. Mỗi độ Thu về, đó
là mưa gió của Sông Tương.

Hãy nghe văng vẳng tiếng
Nàng trong thơ, tiếng Nàng
trong mơ :

Ngàn trùng non nước nào ai,
Bằng khung một mối viễn-hoài năm
canh
Khúc tương tư giữa đêm thanh
Giọt ba tiêu khéo, bên thành điểm
mau !

(Trên bến kỳ giang, 1916)

Ngàn trùng non nước có ai
đâu ! Chỉ có chàng, mà chàng
không có ! Vắng bóng người yêu,
tất cả còn gì trong hiu quạnh ?
« Un seul être vous manque, et
tout est dépeuplé » (1) Suốt năm
canh có mỗi một niềm thương
nhớ, nghe tiếng mưa rỉ rả trên

lá chuối mà bằng khung một
khúc tương tư. Nàng thành thật
lắm mới tỏ ra giọng buồn ảo
nào trong văn thơ, giọng buồn
đặc biệt Việt-nam trong văn thơ
phụ nữ.

Ai có dè đâu, bước đầu sang
ngưỡng cửa thế kỷ XX, lại hiện
ra bóng dáng thướt tha của một
thiếu phụ mới 20 tuổi đã khó
thảm thiết mỗi tình đầu ! Nếu
không có Trương Phổ, thì vòm
trời văn học của Việt-nam cận-
đại mờ màn quang đấng biết
bao ! Tản-Đà đang mơ mơ mộng
mộng, với cặp mắt trong xanh :
Nước trong xanh, lơ liêng con cá
vàng

Nhưng mùa thu vừa đến là
Trương-Phổ bước vào vườn thu,
như vào một Thiên đường Thất
lạc của Milton, đem đến mối tình
ngây thơ đầu khổ. Sao nàng đau
khổ sớm thế, mới ngàn ấy tuổi
bước vào Thế kỷ, đã dội vang
lên tiếng ai oán thâm sâu ?

Thu qua, đông lại sang rồi,
Lạnh-lùng gió bắc, mấy hồi mưa
bay ;

(1) câu thơ của Lamartine
trong bài Le Lac.

Bên lòng, một mối sầu tây,
Nhớ ai muốn đắm nước mây quê
người.

Biệt-ly chốc mấy năm trời,
Chén tương-tư nhấp hồ vơi lại
đầy.

(1918)

Nàng mãi nhớ, mãi thương.
Trời sinh ra kiếp nàng để thương
cùng nhớ, năm trước tương tư,
năm này tương tư, chỉ mưa và
gió trên bến Tương-giang.

Sum họp cùng nhau vừa tròn
10 tháng, chàng đi xa, không
tương-tư sao được ! Nhưng
chàng đã về, chưa kịp gặp mặt
nhau thì chàng lại chết ! Nàng
rú lên tiếng khóc bi-đát nào
nùng :

Chết hỡi chết ! Sao tàn nhẫn thế ?
Dở-dang người vợ trẻ con thơ !

Từ đây, biết lại bao giờ

Đốt lò hương ấy, so tơ phím này

Áo xanh thắm ở đây ngắn lệ,

Mối sầu này ai để cho nhau !

Già nua kia, bạc mái đầu

Kẻ còn người khuất, cũng đau
đớn lòng.

Nửa đời ta đờng vòng tuổi trẻ,

Ái-ân còn mối mê say sưa !

Chính cái đau khổ của Tương
Phổ toát ra cảm xúc mãnh liệt.
là bởi cái đau khổ lâm ly của
tuổi trẻ ! Desbordes Valmore-
(Nữ Thi sĩ Pháp, thế kỷ XIX)
cũng có khóc như Tương Phổ.
nhưng ta nghe nàng khóc mà ta
không buồn thấm đậm. Nàng
cũng khóc suốt suốt suốt cả
một tập thơ, không phải không
ai oán, đến đời Verlaine cũng ứa
lệ, nhưng giọt lệ của Desbordes
Valmore như những nốt đàn
roi dạo tuyết, nặng trĩu đêm
đông. Những giọt lệ của một
trái tim đã ứa héo từ chiều,
những giọt lệ u sầu tàn tạ. Ta
say mê hơn, nước mắt của
Tương Phổ, những hạt sương
còn sao xuyên bình minh, những
thôn thức lóng lánh trong tim
hoa. Cho nên tiếng khóc của
Tương Phổ dễ cảm được lòng
ta, tiếng khóc của tuổi hoa niên
nào nùng tang tóc. Nàng đang
chờ người yêu, bỗng dưng : ...

Tin vut đến, ngờ đâu sét đánh,

Mảnh giấy xanh là mảnh báo-
tang !

Tin đầu tin xé can tràng,

Tin đầu tin để hai hàng lệ sa !

Khóc lại khóc chan hòa nước mắt,

Thờ than thôi lời thật không
lời,

Lòng em năm tháng vẫn chờ đợi
anh !

Anh còn trẻ quá anh ơi !

Mới ba mươi cũng một đời
thông minh !

(một đêm cuối thu ở
trường Nữ Sư Phạm
Hà-nội, 1920)

1920, Tương-Phổ là một Nữ
sinh học trường Sư-phạm Hà-
nội. Một Nữ-sinh 20 tuổi : biết
bao nhiêu mộng, biết bao nhiêu
tình ! Nhưng nàng đâu có biết
nàng đã mang trong số kiếp tài
hoa hạt giống của đau khổ :
nàng đau khổ ngay từ lúc vui-
sướng, từ lúc yêu chàng, hiển
cả cho chàng trái tim đầy mưa
gió ! Bao nhiêu mộng, bấy
nhiều tình, đều gieo rất cả trong
mảnh vườn thu, để nắng thu
về, nở thành hoa lệ.

Nàng có ngờ đâu ! Tiễn chồng
xuống tàu sang Pháp :

Buông lời, xiết chặt tay nhau,

Hôn con, anh vội bước mau
xuống thềm

Em ngồi ngẩn, như điên như dại,

Trông theo anh, trông mãi đến
giờ !

Mắt anh, là chuyết không ngờ,

(1922)

Hận của Tương Phổ là hận
của mùa Thu. Ai bảo lấy chồng
vào mùa Thu, xa chồng mùa
Thu, chết chồng cùng mùa Thu,
để cho *Mưa gió Sông Tương* chỉ
là mưa gió mùa Thu, tràn trề
thu hận ?

Chàng đi buổi thu sơ năm ấy
Thu năm về nào thấy chàng về ?
Chàng đi đi chẳng trở về,
Thu về, thiếp những để-mê dạ sầu ?

Kẻ từ đi phong-trần lạc bước,
Mười lăm năm mặt nước cánh bèo,

Gieo lòng theo ngọn thủy triều,
Lênh-dềnh trôi cũng mặc chiều
nước sa !

(1931)

Ta nghe thoang thoang làn
gió chinh phụ ngâm thổi về
Tương-thủy. Và Tương-Phổ
chính lại là nàng chinh-phụ, về
chồng nàng sang Pháp hồi Âu-

châu đại chiến 1914-18 !

Thật tôi nghiệp cho nàng, một Pénélope đợi chàng Ulysse, ngồi nhà dệt lệ !

Nỗi ly-hận mây chiều gió sớm,
Tình tương tư khoảng vắng
đêm trường ;

Gió mưa tâm sự thê lương
Chỉ kim ai vá đoạn trường nhan
đầy !

(1931)

Rồi « Sau cơn mưa gió »,
nàng ngồi chép mấy giòng tự
bạt :

Vũ sơ tình hề ; phong khởi sấm .

Má hồng phận mông cay sơn phấn.

Nước loạn canh tàn khác bể dâu.

Mưa gió Sông Tương thơ đăm

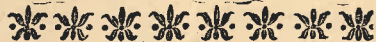
lệ,

Đoạn trường ai cảm khách qua
cầu ?

Thật buồn thấm thía !

Má hồng đã bạc phận, mà
tài hoa cái lụy nghìn đời, nàng
đã biết lắm rồi chứ, hỡi Nữ-
sĩ của Trường-giang ! Dù khách
đã qua cầu, nhưng mưa gió
Sông Tương là giọt lệ của tài-
hoa, mỗi độ thu về đâu hết cơn
mưa gió ?

NGUYỄN-VỸ



ĐÃ PHÁT HÀNH :

4 tập thơ của **Thần-Liên-Lê-văn-Tất**

1) THẦN-LIÊN THI TẬP. — 2) MƠ BÓNG MỆ HIỀN

3) BỨC TÂM THƯ. — 4) THẰNG CÂM ẮN ỚT

★ Phải là người tàn-phế, mới nói lên được nỗi lòng của một phế-nhơn.

★ Chỉ có người ăn phải ớt cay, mới nói lên được nỗi lòng của *Thằng Câm Ăn Ớt*.

● Giá mỗi quyển : 10\$.



Truyện dài của cô **VÂN NGA**
(Tiếp theo P.T. số 40 và hết)

MỘT chập sau, thuyền tôi
lắc lư vì những đợt sóng
nhẹ. Nước đã lớn rồi. Lục bình
tản trôi đi và bày ra một giải
sóng rộng dưới ánh trăng mờ.
Thuyền chúng tôi lại tách bến
và lướt sóng vun vút...

Đến Tràm Chẹt.

Đến Tràm - Chẹt, đã có anh
Xiểu chờ tôi ở đấy. Anh dùng
xuồng nhẹ đưa tôi đi băng tắt
ngã đồng. Nhờ vào khi nước lớn,
xuồng lướt đi thấm thoát, nhẹ
như tên bay. Hai anh em ráng

sức chèo chống suốt cả đêm,
xuồng mới tới Dục Tượng, cách
châu thành Rạch-giá độ 10 cây số.

Khi ấy, trăng đã lặn, trời lại
mưa lâm râm, gió bắc thổi rét
cóng cả chân tay. Chúng tôi đã
mệt phờ, song phải ráng cho tới
tỉnh kịp khi trời chưa sáng. Xa
xa, nơi một xóm làng nào đó, gà
gáy hiệp hai...

Anh Xiểu ghé xuồng vào một
bờ đất nọ, thả dóc một hồi rồi
nói nho nhỏ :

— Bắt đầu tới đây thì phải
cẩn thận lắm nhé.

— Đây là đâu vậy anh ?

— Căn bót Cao-dài số một !
Mình phải kéo xuồng qua ngang
lộ...

Anh Xiểu bảo tôi ngồi yên
trên xuồng, anh đứng ở đất-
nước ngập bụng, và từ từ đẩy
xuồng xuôi theo bờ đất một
khoảng, rồi vượt qua một cái
bưng sâu nọ mới đến bên lộ chầu
ngang hai cánh đồng.

Chúng tôi nhẹ kéo xuồng
lên cạn. Anh Xiểu đề tôi đứng
ở đấy, bỏ lên trước dọn đường.
Nhờ vào mưa đêm rả rích, trời
tối đen như mực nên anh có thể
núp để dàng qua lần đèn pha
rọi qua rọi lại từ đồn bót của địch
đóng ở gần đấy.

Anh quay trở lại, ra dấu cho

tôi tiếp tay anh, kéo xuống lên lộ. Sự nguy hiểm chưa phải là hết, vì lính trong đồn cũng biết có những sự đi qua lại lên lút nơi ranh giới nên thường gài lựu đạn dựa bên lộ. Chính anh Xiếu đã thăm dò được mấy đường dây giăng của họ và đi tránh qua lối khác, song biết chừng đâu họ lại không có đặt vào lối chúng tôi ngờ là an toàn. Đành phải nhắm mắt đi liều, phó mặc số phận cho sự may rủi...

Chúng tôi phải vượt qua ba trạm gát như vậy mới đến được bên Đầu Voi, ngoại ô châu thành Rạch-giá. Khi đó đã 5 giờ sáng rồi, mà trời vẫn tối đen. Chúng tôi ướt hết cả áo quần, riêng tôi thì miệng đánh bù-cạp, trán và mắt nóng hầm mà cả mình đều run rẩy lập cập.

Anh Xiếu dấu xuống trong bụi rồi nắm tay tôi kéo đi về xóm làng gần đấy. Vùng nọ chỉ cách chợ có một con sông nên không được an ninh cho lắm, thiên hạ bỏ đi rất nhiều chỉ còn lại một ít nhà cửa lưa thưa. Chúng tôi gõ cửa nhà của một đồng bào

nọ, xin cho tá túc qua đêm.

Chủ nhà hiền ý, đốt lửa cho chúng tôi sưởi và trải chiếu giăng mùng cho chúng tôi ngủ. Tôi thay áo quần xong, vừa ngã lưng xuống ván ngựa đã thiếp đi tự lúc nào...

Đến khi tôi tỉnh dậy, trời đã sáng hẳn ra rồi. Tôi cảm thấy trong mình bản thân đã dươi, mắt hoa đầu nặng, chân tay nhức mỏi rụng rời, song cũng ráng chỗi dậy để sửa soạn qua dò sang chợ.

Anh Xiếu từ già tôi trở về đường cũ :

— Thôi, em qua chợ để tìm xe đi lên với Thanh. Nói là tôi gọi lời thăm nó nhé. Chừng nào bình yên, hai vợ chồng dắt nhau về làng chơi. Chắc chuyến trở về của em phải đông thêm người..

Tôi mỉm cười đứng nhìn anh quay gót trở lại. Con sông dài ngoằn ngoèo xuôi về chốn xa xa như gọi trong tôi bao nhiêu là kỷ niệm vui buồn.. Tất cả đã thuộc về dĩ vãng ! Con sông ấy, rặng cây ấy, đối với tôi hình như đã là xa lạ hẳn, và cho đến bao giờ

tôi mới được trở về con đường cũ để hóp lấy ngum nước lạnh, để hửi lại mùi thơm ngát của đồng lúa thanh bình...

Xa xa, tiếng hò của anh Xiếu buong dầm trôi xuôi, văng vẳng bên tai tôi :

Ờ... ơ... *Phải duyên thì định như keo,*

Không duyên lênh láng như

kèo đục vênh... ờ... ờ

Tôi mỉm cười soay lưng lại nhìn về phía bên chợ. Một đàn chim tíu tíu bay sang sông. Ánh sáng ấm áp chan hòa vào mặt tôi. Tôi thấy vùng hồng từ từ lên khỏi mái nhà và tủa ra chung quanh những tia nắng tung bừng của một ngày mới bắt đầu.

— HẾT —



Cùng các Đại lý Phở Thông ở tỉnh

Chúng tôi thường nhận được nhiều thư của các bạn đại lý cũng như của nhiều bạn đọc than phiền tạp chí PHỞ THÔNG thường không đủ bán, nhất là ở các tỉnh, các quận.

Chúng tôi xin quý vị Đại lý các nơi vui lòng viết thư về tòa soạn PHỞ THÔNG — số 283 đường Gia-Long Saigon, cho biết thật rõ ràng :

Đúng số báo quý bạn cần dùng mỗi kỳ

Nhận được tin rõ ràng, chúng tôi sẽ trực tiếp yêu cầu nhà Tổng Phát Hành THÔNG-NHỨT gửi báo đầy đủ đến quý vị.

Xin thành thật cảm tạ.

Tạp chí PHỞ THÔNG



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

* ĐIỆU-HUYỀN

* Bạn T.N. Hội-an.

Cái tật xấu xa ấy, tiếng Việt gọi là « Thủ-xú », Y-học Pháp gọi là *Masturbation*, rất có hại cho sức khỏe, (có thể sinh ra ho lao) và cả cho tinh thần nữa. Bạn nên chấm dứt ngay từ bây giờ. Đó là một thói quen di-hại lớn lao không có thuốc nào chữa được bằng ý-chí cương quyết của mình. Bạn còn đang tuổi trẻ, nếu không dứt bỏ sớm, sẽ bị hậu quả không tốt về sau.

Nên cưới vợ.

* Ô. Nguyễn-cao-Các, Võ-dạ Huế.

Về bài thơ « *Sonnet d'Arvers* », ông coi lại Phở Thông số 26, đề ngày 1-1-1960, từ trang 117 đến trang 121, có đủ những tài-liệu ông muốn biết.

* Ô. Nguyễn-Tắc, BKC 4168.

● Hầu hết các nước trên thế giới đều có liên lạc ngoại giao với Việt Nam Cộng-Hòa, trừ mấy nước cộng sản.

● Chúng tôi đọc báo hằng ngày, chỉ nhớ vài ba tên các Đại-sứ Việt Nam Cộng Hòa ở ngoại quốc như sau đây :

Ở Mỹ : Ông Trần-văn-Chương ; ở Anh, Bỉ, Hòa-Lan : Ô. Ngô-đình-Luyện ; ở Pháp : ô. Phạm-khắc-Hy, ở vài nước Phi châu mới độc lập : ông Bửu-Hội. Mấy ông khác, chúng tôi không nhớ tên.

● Đức Khổng-Tử sinh năm 551, chết năm 479, trước T.C., thọ 73 tuổi. Về lễ kỷ niệm của ngài, người ta tính theo ngày âm-lịch.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

● Theo luật quốc tế, mỗi người chỉ có thể hiến 1/4 lít máu mỗi lần và không quá 1 lần trong hai tháng. Cái ông nào đó đã hiến 40 lít máu cho T. T. T. H. dù cho nhiều lần cũng là một trường hợp bất thường, chúng tôi không hiểu tại sao Bác-sĩ lại cho phép như thế ?

● Phải đề : « Bà Nguyễn-thị-A. vợ của Bác-sĩ Lê-văn-T. từ trần... » chứ không thể đề : « Bà Bác-sĩ Lê-văn-T. từ trần ».

* Ô. Xuân-Tứ, Huế.

Mong ông tha thứ cho một vài lỗi nhà in còn sót trong báo, vì một người sửa 132 trang bài của ấn công không sao tránh được sự sơ sót. Những tờ báo lớn nhất ở Âu - Mỹ, cũng không sao tránh được những lỗi ấn-loát, gọi là « fautes de typo ». Chúng tôi hy vọng bạn đọc rộng lượng tự sửa giùm cho nếu lỡ chúng tôi không kịp thấy và không đính chánh kịp thời. Thí dụ như trong P.T. số 39, trang 122, chúng tôi trả lời cho một bạn đọc về chữ « *Độc giả* » phải viết Ô. còn « *bạn đọc* » thì viết O, nhưng ở trang 120, chính chúng tôi lại đề lỗi trong câu : « của một độc giả ». Sự sai-lầm đó hoàn toàn về phương diện ấn loát, mong quý bạn thông cảm cho và làm ơn sửa lại giùm, chúng tôi thành thật cảm tạ. Chắc quý bạn cũng thấy rằng ở trang 126, ấn công vẫn sắp « một ĐỘC giả ở Bình Khê ».

Đã có lần, cũng trong *Phở Thông*, trong một câu danh ngôn Pháp, có chữ *mépriser* chúng tôi dịch là « *kình* » bạn ấn công sắp lộn là « *kính* » chúng tôi đã đính chính liền trong số ấy vì chúng tôi đã may mắn được coi lại kịp thời.

● Tay trái và tay phải

Cũng Phở-Thông số ấy, trang 120, trả lời một độc-giả ở Huế, chúng tôi viết : chiếc nhẫn cưới đeo nơi TAY TRÁI, mà sắp chữ lộn là *tay phải*. Đeo nhẫn cưới nơi TAY TRÁI là sự kiện thông dụng quá, ai cũng biết, nhưng khi in chúng tôi không coi lại và không thấy lỗi. Tuy nhiên chúng tôi tin rằng khi đọc đến quý bạn cũng mỉm cười mà tự sửa giùm cho, chúng tôi mang ơn bạn nhiều,

● Đô Đốc và con thú vật

Nhân tiện nói về lỗi nhà in, chúng tôi xin nhắc lại câu chuyện

lịch sử sau đây để bạn đọc làm tài-liệu. Hồi Đại chiến 1914-18, một vị Đô-Đốc Anh đến thăm nước Đồng minh Pháp. Một tờ báo Pháp có tiếng là đứng đắn nhất và rất có cảm tình nồng hậu với vị Đô-đốc, lại vô ý đăng tên « L'AMIRAL X... (Đô Đốc X.) thành ra L'ANIMAL X... (con Thú vật X.).

Một lỗi ấn-loát hoàn toàn do một sự vô-ý của nhà in xuýt gây ra một gay cấn quan trọng về ngoại giao nếu không có nụ cười thông cảm của Đô-Đốc X... và mấy lời đính chánh của nhà báo.

★ **Bạn Phạm-đỗ-Đình, Tuy-Phong**

Ruột xe hay phao nổi để bơi lội mà bạn nghe gọi là « cái bít-si », tiếng pháp là Vessie.

★ **Bạn Nguyễn Hoàng-Thông, Đà-nẵng.**

Lịch sử tên đường phố : *Nguyễn Thông* : Người Nam, đồng thời với Phan - thanh - Giản, làm quan đến chức Đốc-học tại tỉnh Vĩnh Long, cùng với Trương Công-Định chống Pháp ở Gò Công, Chợ-lớn, Tân-An.

★ **Một bạn đọc ở Nguyễn-tri-Phương, Saigon.**

Lịch sử tên đường phố : *Da-Bà-Bầu* = một con đường ở gần trường đua Phú Thọ, nơi đây trước kia có một cây da và dưới gốc da có một quán bán trà Huế của một bà già tên là Bà Hai Bầu. Nay vẫn giữ tên đường ấy.

Dã-Tượng, Yết-Kiều : hai người lính hầu cận Trần Hưng Đạo. Trong sách sử có nhắc tên hai người lính này đã chèo đò cho Trần Hưng Đạo từ Chi-Lãng về Vạn-Kiếp lúc nhà Tướng bị Thoát Hoan đuổi chạy.

★ **Ô. Ng.-văn-Trí, Hộp thư 41 — Nha-Trang.**

● *Anticonstitutionnellement*, là chữ Pháp : Một cách trái với Hiến-pháp. Chữ « *Esportifantas...* » không có.

★ **Ô. Viêm-Băng, 15 Yersin Dalat.**

Chúng tôi cũng không tìm thấy chữ *Storkyard* trong mấy quyển tự-điền Anh-ngữ mà chúng tôi có. Phân tách ra, chỉ biết : *Stork* =

con cò, và *Yard* = sân, hoặc cây cột buồm. Nhưng trong câu « The population of Chicago grew fast because of the big *storkyards* » thì thật là chúng tôi cũng không rõ nghĩa chữ *Storkyards*. Có lẽ đó là một danh từ địa phương chăng ?

★ **Bạn NH — NG, Tuy Phước.**

Đây những chữ và câu tục ngữ Anh mà bạn tra trong quyển Tự-điền Anh-Việt của bạn không có :

— The greater Bear, (con Gấu Lớn) = Đại-Hùng-Tinh.

— The Plough (cung tằm).

— The Lesser Bear (con Gấu-Nhỏ) = Tiều-Hùng-Tinh.

(Chòm Sao 7 ngôi mà ngôi *a* là Sao Bắc-dầu)

— Puss in boots = Con Mèo mang Hia (một chuyện vui nhi-đồng của nhà văn Pháp Charles Perrault : Le Chat Botté)

— To ride shanks' s mare = đi bộ.

— Your letter of the 20th *inst.* = Bức thư của anh hôm 20 vừa qua.

— Your letter of the 30th *ult.* = Bức thư của anh hôm 30 tháng trước.

(*Inst.*, tức là *instant* viết tắt)

Ult., là *ultimo*, viết tắt)

— To jump out of the frying-pan into the fire = (tục ngữ Anh), nghĩa đen = nhảy từ cái sên chiên vào lửa ; nghĩa bóng = càng ngày càng nguy, càng hư hỏng. Tai hại càng tai hại thêm.

★ **Bạn Ng.-v-Khoa, Qui-nhơn.**

Thành thật cảm ơn thư bạn.

★ **Bạn Mộng-Hà — Đà-nẵng.**

« Trạng-thái bị dồn ép », có đề cập trong triết học của Freud, tiếng Pháp gọi là *Refoulement*, chứ không phải « *matière-refoulement* », danh từ sau này không có nghĩa gì cả.

Thi-văn của Nguyễn Bình-Khiêm, sao gọi là diễn-tả một « trạng-thái bị dồn ép » ?

— Ô. Ngọc Dung, Phú-nhuận.

● Từ báo « *L'Echo Annamite* » của Nguyễn-phan-Long hồi thời Pháp thuộc, sau này tục bản đổi là *L'Echo du Việt-Nam* (1948-49).

● Chữ *Mlle*, sắp chữ lầm ra *Melle*.

● Đã từ lâu, trong Phở Thông chúng tôi không muốn phân biệt tiếng Nam, tiếng Trung, tiếng Bắc. Vì thế nên trong tất cả các bài của chúng tôi đã đăng trong Phở Thông, chúng tôi cố ý dùng lẫn lộn : hưởng thụ, hoặc hưởng thọ, chính-trị hoặc chánh-trị, quả cam hoặc trái cam, v.v... Trong mục « Minh ơ » chúng tôi cũng đề « ông tú » và « bà tú » nói tiếng Việt thống nhất, không phân biệt tiếng Nam, tiếng Bắc.

● Mấy chữ lầm lỗi trong P. T. số 37 và 38, chúng tôi đã kịp thời đính chánh. Xin thành thật cảm ơn ông có lòng tốt chỉ giáo cho.

★ **Bạn Phương Diêu, Quảng Ngãi.**

● Yếm-thế = chán đời.

● « Hậu sinh khả úy » (kẻ sinh sau đáng sợ) là câu của Đức Khổng-Tử nói sau khi ngài bị cậu bé Hạng-Thác chất vấn về nhiều vấn-đề. trong đó có mấy câu sau cùng Ngài trả lời không được.

● Ténacité = sự dẻo-dai. Obstiné = ngoan-cổ.

● Về D.H. bạn Phương-Mai đoán đúng.

★ **Ô. Huy-Long, Phan Rang.**

● Xin ông cứ gửi bài về « Chàm ».

● Về nguyên do của « 21 phát đại bác » xin ông xem lại một số P. T. cũ gần đây (cũng nơi mục Đáp Bạn »)

★ **Bạn Nguyễn-Tiến và một nhóm Học sinh Pétrus Ký, Saigon**

● Trong câu « Avant que PERSONNE N'ait eu connaissance de ce que nous avons fait... », phải có chữ NE ; vì chữ PERSONNE, pronom indéfini, thường dùng với tiếng verbe có *négation* đi theo, và có nghĩa là « Aucun, qui que ce soit » : *Personne NE vient.*

● Còn sau chữ *Avant que*, tùy theo trường hợp, có khi không cần dùng NE : *La mort vient avant que nous puissions avoir appris à vivre* (Bossuet)

Có khi phải dùng NE :

Lisez avant qu'un doigt ne déchire ce livre (Lamartine). Thế kỷ XVII, XVIII, trong nhiều expressions négatives người ta có thể bỏ chữ *Ne* : *Empêchez qu'il vous devore* (Voltaire), *Moins d'argent qu'il en avait* (La Bruyère) v.v... Thế kỷ XIX, bắt buộc phải dùng chữ *Ne* trong những trường hợp ấy, và tất cả các nhà văn đứng đắn đều dùng nó. Đầu Thế kỷ XX, do nghị định của Bộ Giáo-dục Pháp-năm 1901, chữ *Ne* có thể bỏ hẳn trong các propositions subordonnées.

Nếu trong câu : « *avant que personne n'ait eu connaissance...* » thì chữ *quelqu'un* thay vào chữ *personne*, thì không cần chữ *Ne* : « *avant que quelqu'un ait eu connaissance...* » Nhưng trong câu có chữ *Personne* thì phải dùng chữ *Ne* mới đúng văn phạm.

● Có một vài trường hợp tiếng verbe đi với chữ *Personne* không cần có *Ne*, nhưng verbe ấy phải dùng theo forme interrogative, và chữ *Personne* sẽ theo masculin singulier :

Personne oserait - il soutenir le contraire ?

★ **ÔNG CHÂU BÁ KỲ, BỘ QUỐC PHÒNG**

Hai chữ tắt G.I. mà ông thường gặp luôn trong các sách báo hiện nay là do hai chữ tiếng Anh GOVERNMENT ISSUE, (nghĩa đen là đồ cung cấp của chính phủ) nhưng trong trận Đại chiến thứ nhì, hai chữ ấy biến thành một tiếng nói lóng của quân đội Mỹ, và có nghĩa là *Người lính Mỹ*, nay thành ra tiếng thông dụng chính thức. Cũng như chữ *Poilu* để chỉ *người lính Pháp* hồi 1914-18,

★ **Ô. Trần . bá . Quới, Đường Ng-huỳnh-Đức - Phong-Dinh.**

Hai câu sấm : *Đầu cha lộn xuống chân con,
Mười bốn năm tròn hết kiếp thì thôi.*

Xuất xứ ở lịch-sử nhà Tây Sơn. Sau khi Vua Quang-Trung chết, con của QUANG-TRUNG là CẢNH-THỊNH lên nối ngôi. Chữ (小) trên đầu chữ « QUANG » (光) lại nằm dưới chữ « CẢNH », (景) do đó mà có câu sấm, hay câu ca-dao : *Đầu cha lộn xuống chân con.* Vua Quang-Trung lên ngôi năm Mậu-thân 1788, sau khi chết, Vua Cảnh-Thịnh nối ngôi đến năm Nhâm tuất 1802, thì

Triều đại Tây Sơn sụp đổ. Thế là Triều Tây Sơn chỉ lâu được :
1802 — 1783 = 14 năm. Do đó có câu ca dao : *Mười bốn năm*
tròn hết kiếp thì thôi.

★ **Ô. Ng. Hải. Âu, Nha. Trang**

Ô. Thiếu-Sơn, tên thật là Lê-sĩ-Quý.

★ **Cô X.X.X. Lycée Pavie, Vientiane, Lào**

Các trường trung-học ở Sài-gòn không có dạy tiếng Nga.

★ **Cô Th. Tây - Ninh**

● Nhấn cưới thường đeo nơi ngón áp-út tay **TRÁI**, có ngụ ý là bên quả tim (vì quả tim ở phía tay trái).

Tuy nhiên, đó chỉ là một tượng-trưng, thành một thông-lệ, chứ không có một sự bắt buộc nào, cho nên cũng có nhiều người hoặc ở nhiều nơi, người ta đeo nhẫn cưới bên tay **PHẢI**, như ở Espagne, Portugal, và Trung Âu, hoặc họ không đeo.

Tục lệ đeo nhẫn có từ thời thượng cổ, ở La Mã, Hy Lạp, và các dân tộc Cận-Đông. Lúc đầu tiên là nhẫn bằng sắt, từ Hoàng-đế César, các nhà quyền quý đeo nhẫn vàng, rồi từ Alexandre thường dân cũng đeo cả nhẫn vàng lẫn lộn với nhẫn chì, nhẫn đồng, và nhẫn ngà. Nhưng chỉ riêng những dân tộc theo đạo Gia-tô mới có tục lệ đeo *nhẫn cưới* (tiếng Pháp gọi là Alliance). Những người Hồi-giáo, Ấn-độ-giáo, Phật-giáo, không có tục lệ ấy. Trong nghi lễ đám cưới tại nhà Thờ Gia-tô-giáo, vị Linh-mục ban phước lành cho đôi *nhẫn cưới* trước khi làm lễ messe. Cho nên đối với những người theo đạo Gia-tô, nhẫn *alliance* được coi như thiêng liêng. *Alliance* được đeo nơi tay trái là tượng trưng ái-tình, như chúng tôi đã nói trên, nhưng Pháp chế Giáo-hội (Législation canonique) không có bắt buộc điều đó.

Về sau này, những cặp vợ chồng không có Đạo Gia-tô, hoặc theo các tôn giáo khác (như đã kể trên) cũng bắt chước Gia-tô-giáo mà đeo nhẫn cưới, tùy theo sở thích riêng của họ, chứ không có tục lệ nào bắt buộc cả.

★ **Các bạn ở Cư-xá Trương-minh-Giang**

● Về chi tiết vào các lớp Đại Học, các bạn nên hỏi thẳng nơi Bộ Giáo Dục, đầy đủ hơn.

● Muốn học hỏi thêm về ngoại ngữ, Sách-Báo Anh, Pháp, hiện có bán tại các tiệm sách ở Saigon đều nên xem cả.
● Thành thật cảm ơn thư của các bạn.

★ **Bà Lê-thị Bạch-Mai, Võ-Dạ — Huế.**

Phở-Thông sẽ không ra số đặc biệt về lễ Vu-Lan.

★ **Ô. Liễu thiên Tư, Đalat.**

● « *Le génie n'est qu'une longue patience* » là một câu của Bartol, có nghĩa là: Thiên tài chỉ là một sự kiên nhẫn lâu dài. Tác giả có ý nói có thiên tài mà không chịu khó rèn luyện thêm và không nhờ kinh-nghiệm lâu năm bồi bổ thêm vào thì chưa phải thật là thiên tài.

● Ông có thể gom góp các bài thơ của ông đã đăng ở các báo, in ra thành sách, không có tội lỗi gì cả.

★ **Ô. Trần khánh Vân, xã An Hữu, Định Tường**

● Học thuyết của Khổng Tử chưa chắc đưa được con người đến Chân Thiện Mỹ. Theo ngụ ý của chúng tôi, chẳng có học thuyết nào của con người đưa con người đến Chân, Thiện, Mỹ cả. Chính Đức Khổng Tử cũng đã nói: chỉ có « Trời » là hoàn hảo mà thôi:

« *Thượng thiên chi tài, vô tình vô xứ chi hỹ.* »

★ **Ông Trác-ngọc-Vân — Long-Xuyên.**

Xin ông cho chúng tôi biết địa chỉ rõ ràng để chúng tôi gửi 2 số báo 24 và 25 đến ông.

★ **Ô. Lê Phan Minh, giáo Sư Ba Ngòi, Khánh hòa**

Mong ông đã nhận được P.T. 39.



Trả lời ngày tháng âm và dương lịch

★ **Bạn Trần văn Cương — 37 Pétrus Ký — Cần thơ.**

Ngày 28-3 âm lịch năm Tân Tị là ngày 24-4-1941 D.L.

★ **Một bạn đọc ở Saigon.**

Ngày 9-12-1934 = mùng 3 tháng 11 năm Giáp Tuất, tháng Bính Tý, ngày Giáp Dần.

★ **Cô Lê thị Ngọc Lan — Cần thơ**

Ngày 4-11 âm lịch năm nhâm ngọ = Samedi 11-12-1942

★ **Bạn Quang Huy — Phan Rang**

Ngày 12 tháng 2 nhuận năm Đinh Hợi = Jeudi 3-4-1947 D.L

★ **Nguyễn năng Khoa — Saigon**

Ngày 6-8 âm lịch năm Bính Tý là ngày chúa nhật 21-9-1936 D.L

★ **Một Độc giả ở Gia định**

Ngày 30-1-1945 = ngày 17 tháng Chạp âm lịch năm Giáp Thân

★ **Bạn Đặng Cường — Giáo viên — Nha trang**

Ngày mồng 9 tháng giêng âm lịch năm Bính Thân = Lundi 20-2-1956

★ **Nguyễn văn Tám — Vĩnh Bình.**

Ngày 19-4-1940 D.L, là ngày 12 tháng 3 âm lịch, năm Canh Thìn ngày *Nhâm thìn*, tháng *Canh thìn*.

★ **Bạn Nguyễn hồng Thi — KBC 4420**

Ngày 13 tháng chạp âm lịch năm Quý Tỵ 1953 = ngày chúa nhật 17-1-1954

★ **Bạn Mỹ Viên — Huế**

Ngày 4-8 âm lịch năm Mậu dần là ngày chúa nhật 27-9-1938 DL

★ **Bạn Ng như Khánh-Thị xã Bảo Lộc.**

7 giờ sáng ngày 20-1-1934 DL là vào cuối giờ Mão sang đầu giờ Thìn, ngày *Bính Tý*, tháng *Bính Dần*, năm *Giáp tuất*, tức 20 tháng giêng âm lịch.

★ **Bạn Xuân ngọc Hòa — sinh viên Saigon.**

1-5-1947 DL là ngày 11 tháng 3 âm lịch năm Đinh Hợi, nếu là 1-5 âm lịch năm Đinh Hợi thì là 1-5 DL 1947

Âm lịch 12-2 tức dl 6-3 1944

20-6 — 21-7 1943

20-1 — 11-2 1917

12-2 — 19-2 1940

12-2-1940 tuổi Thìn chớ không phải Tỵ

★ **Ô Trần văn Tỵ — Tháp Chàm Phan Rang.**

Ngày 19-8-1952 DL là ngày 29 tháng 6 âm lịch năm Nhâm Thìn, tháng Đinh Vị,

★ **Bạn H.B.N. Vũng Tàu.**

Di 2 Octobre 1925 là ngày 15 tháng 8 âm-lịch năm Ất Sửu

★ **Bạn LIÊN VÂN — 35 Phan đình Phùng Biên hòa.**

21-6 âm-lịch năm Canh ngọ là ngày thứ tư 16-7-1930, ngày Đinh mao, tháng quý Vị.

★ **Bạn Phú Phong — Qui nhơn**

Ngày 9 tháng 7 nhuận âm lịch năm Mậu dần, là ngày Thứ Sáu 2-9-1938 DL ngày Canh Thân, tháng Mậu dần, còn về giờ thì lúc gà gáy. có thể là giờ Dần.

★ **Bạn Thái Lợi — đường Thống nhất Phan Rang**

Ngày 15 tháng 10 âm lịch năm Kỷ Mão là ngày 25-11-1939 (thứ bảy) 10 giờ sáng là giờ Tị

★ **Bạn Lê khắc Mỹ Lăng — Huế**

Âm lịch 25-8-Đinh mao là ngày thứ ba 20-9-1927 DL

★ **Bạn Lương Văn — Huế**

Ngày 13-6-1943 DL là ngày *nhâm dần*, tháng *mậu ngũ*, năm *Quý Vị* tức 11 tháng 5 năm ấy.

★ **Bạn Nguyễn văn Được — Bộ tài chính—Saigon.**

Ngày 23-9-1936 DL là ngày mồng 8 tháng 8 âm lịch, năm Bính Tý, tháng Đinh Dậu, ngày Mậu Thân.

★ **Bạn Mai thành Xuân — tòa thị chính — Dalat**

Ngày 1-1-1931 dl nhằm ngày 13-11 âm lịch năm Canh ngọ, tháng Mậu Tý, ngày Bính Thìn

— Ngày 2-8-1953 là ngày 23-6 âm-lịch năm Quý Tị, tháng kỷ Vị, ngày Đinh Dậu.

★ **Cô Lê thị Lệ Chi — Thành nội — Huế.**

Ngày 3-9 âm lịch năm Giáp Tuất là ngày thứ tư 10-10-1934

★ **Ô Ngô mậu Hoàng — KBC 4036**

Ngày 7-4-1939 là ngày 18-2 âm lịch năm Kỷ Mão, tháng Đinh Mão, ngày Giáp Tuất.

NGUYỄN TRIỆU

Bạn muốn có một quyển NAM - THU HÒA - KHÚC ?



Đối với 100 tác giả có thơ in trong tập sách mỏng này, chúng tôi sẽ gửi sách tặng vào dịp Trung Thu 1-10-1960, theo địa chỉ các bạn đã ghi trong thư hồi năm ngoái, như chúng tôi đã định. Vậy bạn nào đổi địa chỉ mới, xin vui lòng cho chúng tôi biết ngay. Đa tạ.



Ngoài ra, chúng tôi có in thêm 900 cuốn đề biếu bạn đọc nào thích quyển Thơ mùa Thu ấy. Bạn muốn có một quyển, xin gửi đến chúng tôi 5\$ BẰNG TEM BƯU ĐIỆN, và ĐỊA CHỈ ĐẦY ĐỦ, RÕ RÀNG, để chúng tôi gửi sách tặng quý Bạn.



XIN ĐẶC BIỆT LƯU Ý : Chúng tôi nhận thư hồi sách tặng «*Nam Thu Hòa Khúc*» từ nay đến ngày 15-9-60 là hạn chót.

Thân mến
PHỒ THÔNG TẠP CHÍ



Danh sách 100 tác giả trong quyển NAM THU HÒA KHÚC

- | | |
|-------------------------|----------------|
| — Ung Bình Thúc gia Thị | — Bùi đình San |
| — Á-Nam Trần tuần Khải | — Bànng Bá Lân |
| — Trương Phổ | — Nguyễn ngu Í |
| — Vương hồng Sên | — Mặc Thu |
| — Tuần Lý | — Đông Hồ |

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| Mộng Tuyết | An Đình Trần Kinh |
| Tôn Nữ Hỷ Khương | Cường Vũ |
| Nam Xuyên | Hồ Đình Lang |
| Hồng Yên (Manchester, Anh) | Lãng Ba |
| Thái văn Kiềm | Hồng Thiên |
| Thường Tiên | Vy Nhân |
| Thường Lạc | Mộng Hồ |
| Mộng Hoa | Trịnh hoài Quốc (Paris) |
| Thanh Liên | v.v... |
| Tống Nguyên | v. v... |
| Cao Thiệu Lang | v. v... |
- 100 Bài thơ Thu của 100 Thi - sĩ,



● PHỒ - THÔNG, Số Đặc biệt TRUNG THU
vẫn bán 10\$



SÁCH MỚI XUẤT BẢN

★ The Price of Liberty, của THANH HÙNG

Loại sách nhỏ bằng Anh ngữ «*Easy Reading Booklet*» tập thứ nhất, kể một truyện ngắn tình cảm, viết bằng một lối văn dễ hiểu rõ ràng. Những người đang học Anh ngữ, nên xem. Nhà xuất bản Nguyễn đình Vương Saigon

★ MƠ BÓNG MẸ HIỀN Thần Liên Thi tập quyển 2, BỨC-TÂM THƯ, quyển 3, THẰNG CÂM ẮN ỚT, quyển 4, của LÊ-VĂN-TAT. Ba tập thơ, mỗi tập nhỏ và mỏng, 12 trang, độ 6, 7 bài thơ, giá 10đ.

★ TRÁCH-NHIỆM, tuần báo tin tức, hình-ảnh, bình-luận. Chủ nhiệm : Linh mục THANH LĂNG. Giám đốc : PHẠM-VIỆT-TUYỀN.

Tòa soạn : 39 Nguyễn đình Chiểu, Saigon. Số 1 ra ngày 15-8-60.

Bạn muốn gửi quà

PHỔ-THÔNG TRUNG-THU

tặng các bạn thân ?

THE theo lời yêu cầu của số đông bạn đọc muốn gửi số đặc biệt PHỔ-THÔNG TRUNG THU làm quà tặng các bạn thân-hữu xa gần, như kỳ Trung Thu năm trước, chúng tôi xin vui lòng nhận lãnh vai trò liên lạc ấy.

Vậy, rút kinh nghiệm ở kỳ trước, và để cho lần này được hoàn-hảo hơn, chúng tôi thân mến yêu cầu lại quý bạn theo đúng những điều kiện sau đây :

- 1.— Gửi cho chúng tôi địa chỉ thật rõ ràng, chắc chắn, của người thân hữu mà bạn muốn tặng số Đặc biệt Trung Thu, bất cứ bạn trai hay gái.
- 2.— Địa chỉ thật rõ ràng của chính bạn.
- 3.— Trong thư, gửi kèm 12\$ bằng cò bưu chính (*tem dán thư chứ không phải con niêm*), tức là giá số báo Phổ Thông đặc biệt Trung Thu 10\$ và 2\$ cước phí gửi đi.
- 4.— Đừng bỏ bạc trong thư.
- 5.— Nếu bạn muốn 2 số tặng 2 người, xin gửi 24 \$ bằng cò. Nếu 3 số tặng 3 người, thì 36\$, v.v...
- 6.— Nếu bạn muốn gửi bảo đảm, xin nhớ cước phí mỗi quyển bảo đảm là 8\$ (hai quyển, hoặc ba quyển cũng 8\$ nếu cùng 1 địa chỉ).
- 7.— Gửi ra ngoại-quốc, bằng phi cơ xin theo giá biểu có đăng trong Phổ Thông số 37 trang 126.
- 8.— Nơi trang đầu mỗi quyển báo tặng, nhà báo sẽ dán một tấm giấy in như sau đây :

SỐ « PHỔ-THÔNG TRUNG-THU »

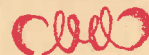
này là món quà đặc-biệt của bạn

ở
thân tặng bạn

ở
nhờ tạp-chí PHỔ-THÔNG hoan-hỷ chuyển giao
trong dịp lễ Trung Thu Canh-Tý (1-10-1960)

9.— Những thư yêu cầu gửi báo tặng, mà không gửi kèm theo 12\$ bạc cò, sẽ coi như không có.

10.— Để tiện cho chúng tôi làm việc nhanh chóng và có đủ thì giờ sắp đặt việc gửi báo cho thật chu đáo, xin quý bạn gửi thư cho chúng tôi biết trước từ nay đến 15-9-1960 là hạn chót.



MỤC - LỤC TỔNG QUÁT I

Trong « Mục lục tổng - quát I », ở Phổ - Thông 40, có sót một vài bài. Vậy xin các bạn vui lòng thêm giùm vào cho được đầy đủ. Xin cáo lỗi cùng quý bạn đọc và quý vị tác giả.

Thâm cảm,
PHỔ THÔNG tạp chí

THÔNG-CÁO

Bắt đầu từ tháng 10 năm 1960, hàng tuần vé số Kiến-Thiết tăng từ 1.000.000 lên 1.600.000 vé được ghi số như sau :

- 800.000 vé mang danh-mục A, B, C, v.v...
- 800.000 vé mang danh-mục kép AA, BB, CC, v.v... đều đánh số như nhau từ 000.000 đến 799.999.

NGÀY MỞ SỐ : THỨ SÁU hàng tuần.

Tổng số các lô trúng mỗi tuần :

2	lô trúng Độc-Đắc mỗi lô . . .	1.000.000\$
6	—	100.000\$
10	—	50.000\$
64	—	10.000\$
320	—	5.000\$
1.600	—	1.000\$
1.600	—	500\$
16.000	—	100\$
104	— an ủi	2.000\$

Saigon ngày 26 tháng 7 năm 1960

K. D. số 424/HĐKD — Saigon, ngày 26-8-1960
 In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
 Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

PHỔ - THÔNG TRUNG - THU

- * Khoa-học trả lời cho Thi-sĩ :
 * Ai nhuộm lá Thu vàng ?... B.S. Hoàng-mộng-Lương
- * DƯƠNG - QUÝ - PHI Tân - Phong
- * Thu và lòng tôi (Hồi-ký ở Paris). Huỳnh-khắc-Dụng
- * Dưới ánh trăng thu : Ca - vũ - nhạc
 Hạ-uy-Di Nguyễn-quang-Hùng
- * Chuyện vui Trung - Thu Vương-hồng-Sến
- * Mùa Thu trong Thi-ca Nhựt Nguyễn-Vỹ
- * Nhà Bác-học mơ Trăng
 (Truyện trào phúng) Trọng Tấu
- * Một đời người Thiệu - Sơn
- * Hàng Nga tiếp vua Đường Minh-Hoàng Vi-huyền-Đắc
- * Minh ơi ! Tại sao Rằm sáng trăng ? Diệu-Huyền
- * Người Đẹp cung trăng (tân Liễu trai) Mặc-Thu
- * Tình duyên trong ngục-thất một mùa Thu :
 Thi-sĩ Chénier với cô tù nhân trẻ đẹp . Tân-Phong
- * Thơ Thu của Hy-Khương, Vũ-tiến-Giang, Tuấn-Lý,
 Từ-trâm-Lệ, Trần-tuấn-Kiệt v.v...
- * Và nhiều bài rất giá-trị.

● Bắt đầu đăng :

Một truyện dài tình cảm của thời đại :

MỒ-HÔI NƯỚC MẮT. của Nguyễn-Vỹ

● Và một truyện dài danh tiếng của ngoại quốc :

THE MOTHER của Bà PEARL BUCK
 (giải thưởng Nobel) do Hoàng-Thắng lược dịch
 và rút ngắn trong 4 kỳ hết.

Số 43
 1-10-60
 sẽ có
 những
 bài :

Số Phổ Thông Trung Thu,
 thêm trang, vẫn bán 10\$

